

15 THÁNG 9 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

CUNG GIỮ NGUYÊN *hướng đạo và phát triển* * TỪ
TRÌ *những mâu thuẫn của cuộc chiến tranh Đông-*
Hồi * HOÀNG VĂN ĐỨC *Đông Nam Á, Liên*
minh quân sự ? Thị trường chung kinh tế ? Liên bang
chính trị ? * TRẦN NGỌC NINH *ý-thức kinh-tế trong*
Phật giáo-lập trường hòa bình của Phật giáo * PHAN
DU *con người và tính hiếu chiến* * BÁCH KHOA *đàm*
thoại với Phan văn Ngân, tiến sĩ Thủy-sản tại Nhật bản về
giáo dục Đại-học, về sinh viên V.N. tại Nhật, về ngành
Thủy-sản v.v... NGUYỄN MỘNG GIÁC *về đâu* * TỔNG
CHÂU ÂN *rã rời ngày tháng* * PHẠM THIÊN THƯ
chiêu hồn ca * ĐỊNH NGUYỄN *hương xưa*
* HUỖNH KIM SƠN *ngày nào đó* * TRẦN
DZA LỮ *em gái vườn* * LÊ PHỒ ĐỨC *cát bụi* *
HẰNG VŨ *ngày về* *
TRÀNG THIÊN — THU
THỦY *thời sự văn nghệ*

353

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:
Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 353 ngày 15-9-1971

CUNG GIỮ NGUYÊN <i>hướng đạo và phát triển</i>	05
TỪ TRÌ <i>những mâu thuẫn của cuộc chiến tranh Đông-Hồi</i>	17
HOANG VĂN ĐỨC <i>Đông-Nam-Á, liên-minh quân-sự ? Thị trường chung kinh tế ? Liên bang chính trị ?</i>	23
TRAN NGỌC NINH <i>ánh sáng của đạo Phật trong đời sống cộng đồng (Ý thức kinh tế trong Phật giáo — Lập trường hòa bình của Phật giáo)</i>	31
PHAN DU <i>con người và tính hiếu chiến</i>	41
BACH KHOA <i>đàm thoại với Phan văn Ngân, tiến sĩ Thủy-sản tại Nhật bản về giáo dục Đại-học, về sinh viên V.N tại Nhật, về ngành Thủy-sản v.v...</i>	49
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>về đâu (truyện)</i>	59
TỔNG CHÂU ÂN <i>rã rời ngày tháng (truyện)</i>	67
PHẠM THIÊN THƯ <i>chiêu hồn ca (thơ)</i>	74
ĐỊNH NGUYỄN <i>hương xưa (thơ)</i>	77
HUYỀN KIM SƠN <i>ngày nào đó</i>	78
TRẦN DZA LỮ <i>em gái vườn</i>	78
LÊ PHO ĐỨC <i>cát bụi</i>	79
HẰNG VŨ <i>ngày về</i>	78
TRÀNG THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100đ

Cao-Nguyên và Miền Trung

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Schopenhauer, nhà giáo dục nguyên tác của F. Nietzsche, Bản dịch theo «*Considération intempestives* III. Schopenhauer, éducateur» của Mạnh Trường và Tổ Liên, do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang cuốn thứ 33 của nhà xuất bản, giá 180đ.

— Triết lý giáo dục của Kim Định, do Thanh Bình xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 184 trang gồm có 6 bài về: sứ mạng Đại-học, Khủng hoảng tinh thần trên thế giới, khuynh hướng truyền thống, Tam giáo ở Đông phương, từ triết-lý tới Đạo-học, một số quan niệm lầm lạc về văn-hóa Đông-phương. Giá 185đ.

Lạc thư minh triết của Kim-Định do Nguồn Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang «tiếp nối quyền Nhân Bản nhằm trình bày mấy nét căn cơ thiết cận đến cứu cánh con người» gồm 7 chương và phần Tổng kết cùng Phụ trương: Từ lễ Ba Vua tới nền Minh Triết Lạc Việt. Giá 180đ.

— Con sâu Truyện dài của Dương Nghiễm Mậu do Nguyễn đình Vương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216, trang, tác phẩm thứ 17 được xuất bản của tác giả, bìa do Duy Thanh vẽ. Giá 250đ.

— Tình yêu, địa ngục truyện dài của Nguyễn thị Hoàng, do Nguyễn

đình Vương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 254 trang, tác phẩm thứ 16 được xuất bản của tác giả, bìa do Duy Thanh vẽ. Bản giấy trắng.

— Sáu cửa vào động thiếu thất của Bồ-Đề Đạt-Ma do Trúc Thiên dịch, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang in lần thứ 2 ngoài bìa vẫn 6 cửa vào động còn phần phụ lục và bạt: tiểu sử và huyền thoại Bồ-đề Đạt-ma. Giá 180đ.

— Tâm tình hiền dân nguyên tác «*The gardener*» của Rabindranath Tagore, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 118 trang in lần thứ hai, trình bày rất đẹp. Bản đặc biệt giá 250đ.

— Thái tử u sầu truyện thiếu nhi của Võ Toàn do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 115 trang bìa của Vi Vi. Giá 60đ.

— Lữ quán giết người truyện dành cho tuổi 16 trở lên của Minh-Quân và Mỹ-Lan phỏng theo «*L'aberge de la Jamaïque*» của Daphné du Maurier, do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Loại sách mới của Tuổi Hoa «Loại hoa tím» dày 206 trang, nội dung rất hợp với tuổi mới lớn, bìa của Vi Vi. Bản đặc biệt. Giá bản thường 100đ.

— Linh hồn không thủ đạo và bài quyền Téwéga của Nguyễn xuân Dũng do Linh Nam xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang gồm 4 chương: Bồ-đề Đạt-ma, Đi vào xương tủy của nghệ-thuật, bài quyền Téwéga với rất nhiều hình ảnh... Cái tỏ và thống nhất nền võ-thuật nước nhà. Giá 200đ.

Hướng-đạo với Phát-triển

Tại hội-nghị hướng-đạo thế-giới kỳ thứ 23 vừa nhóm họp tại Nhật-bản, tháng 8-1971, một trong những bài thuyết-trình quan-trọng đã nói đến vấn-đề phát-triển và vai-tuồng của hướng-đạo trong công việc ấy. Đáng mừng cho Hướng-đạo thế-giới đã biết nhận-định sự đòi hỏi của thế-giới hiện nay và khuyến cáo một chuyên hướng cần thiết để Hướng-đạo tiếp tục sửa soạn thanh niên trở thành người hữu ích, đánh đổ quan-niệm lỗi thời và sai lầm dùng hay xem hướng-đạo như một trò chơi giải-trí, đặt trẻ trong thế giới lãng mạn và trưởng-giả, tách khỏi đời sống thiết-thực và đầy chông gai của thời-đại.

Khi Baden Powell viết sách «Hướng đạo cho trẻ», bối cảnh xã-hội khác bây giờ. Bậc sáng lập phong-trào vạch cho thanh niên Anh-quốc đường lối phù hợp với với ràng buộc của thời thuộc-địa và binh-bị, lúc đó và tại đó, chiến-tranh là một quyền chính-yếu của quốc gia vừa là một vinh-dự. Truyền tin, thất gút, cứu-thương và những hoạt-động khác là cần thiết để sống còn, không phải để chơi cho hết ngày giờ nhàn rỗi.

Nhưng năm sáu mươi năm đã qua rồi, với biết bao biến cố quan-trọng, với biết bao phát minh kỹ-thuật và khoa-học, với biết bao sự hăm dọa cho sinh tồn của đa-số nhân-loại. Thời-đại thực dân đã chấm dứt. Chiến-tranh không được ca-tụng, trừ trường hợp chiến-tranh tự-vệ.

Binh-bị là sự lo âu của mọi nước, nhưng không phải là một mối kiêu-hãnh quốc-gia như khi các cường-quốc dùng nó để mở rộng bờ cõi. Vấn đề chính yếu hiện nay là sự kém mỗ-mang của một phần lớn dân-tộc, mà hiện-tượng là nghèo đói và bất mãn.

Thế nào là kém mỗ mang

Danh-từ kém mỗ mang đã được thay thế chữ chậm-tiến, vì muốn tránh sự lầm lẫn giữa những trình-độ văn-minh, văn-hóa với tình-trạng kinh-tế còn trong giai-đoạn thô sơ hay tiền-kỹ-nghệ. Có nước có văn-minh đạo-đức hay tinh-thần rất cao nhưng không tránh được sự đói kém, và ngược lại có những nước sung túc không chắc gì có trình độ tinh-thần quý giá. Kém mỗ mang hay thiếu mỗ mang hay chưa mỗ mang, cũng chỉ là một mỹ-từ để chỉ sự đói kém, thiếu thốn về những điều rất cần thiết để sống còn, không có được một cơ-sở và tổ-chức kinh-tế bảo đảm sự ấm no cho tất cả mọi người. Nước kém mỗ mang là nước nghèo. Nhưng chữ nghèo cũng lắm phương diện. Người nghèo ở Hoa-kỳ, thuộc vào hạng được chính phủ giúp đỡ là người lương tháng trung bình dưới năm sáu mươi ngàn đồng bạc Việt-nam — là thứ lương ở nước ta của hạng sang trọng. Đem người nghèo

Việt-nam so với người nghèo ở Ấn-độ hay ở Đông-Hồi cũng không ở một mức ngang nhau, vì trung bình số người khổ và mức cùng cực ở những nước sau này còn quá tệ hơn ở Việt-nam. Tuy vậy, Đông-Hồi, Ấn-độ hay Việt-nam cũng đều là những nước kém mở mang, nghĩa là không đủ khả năng để phát-triển, vì tài nguyên không được khai thác hay chưa khai thác đúng mức.

Khắp Á-châu, Phi-châu, Nam Mỹ và Trung-Đông, có hàng trăm triệu người nghèo, sống trong cảnh đói (cũng có nhiều tầng bậc của đói, xem: Josué de Castro: *Géopolitique de la faim, Editions ouvrières Paris 1952*, đói vì không có thức ăn; đói vì ăn không đủ no, tuy ăn đủ bữa nhưng đói về sinh-tổ, v.v.), và vì không có ăn phải dốt nát không có học hành, và vì dốt không thể cải-thiện đời sống mình, lại còn mang thêm đủ bệnh tật mà người đủ ăn và có của có thể tránh được, chỉ sống trong một vòng quẩn không có lối thoát. Nếu thêm vào đó tai biến, như lụt bão, bệnh dịch, hay chiến tranh thì tình-trạng vô phương cứu chữa. Những thí-dụ Biafra ở Phi-châu, hay Đông-Hồi gần đây, với những hình-ảnh rùng rợn, nhắc lên trong chốc lát cho lương-tri nhân-loại số phận của hàng triệu người xấu số.

Thiếu cơ-hội để cải-thiện điều kiện sinh-sống khiến cho người ta thường có tinh-thần bất mãn, và đó là một nguồn gốc mạnh cho sự công phẫn dễ bộc phát nơi những địa-hạt chính-tị. Nhiều cường-quốc đã nghĩ đến đa số nghèo đói ở Á Phi, không chỉ vì đạo-lý hay từ tâm bác ái, mà có thể là vì tính toán kỹ càng, để ngăn cản làn sóng bất mãn và phẫn

uất của hàng triệu người có thể hăm dọa đến cảnh sống an nhàn thịnh vượng của mình.

Có biết bao nhiêu thái-độ giả dối về nghèo và giàu, chính người nghèo khổ cũng vì kiêu hãnh mà không chấp nhận mình nghèo khổ. Nghèo nhưng... Nghèo mà..., chỉ là những điều tự an ủi, không thay đổi gì về tình-cảnh kinh-tế khách quan. Nghèo và giàu, về phương diện tinh-thần không dùng tiền của mà phân định biên giới. Thái độ của hạng này với hạng kia cũng có nhiều cung bậc, từ khinh bỉ đến sợ hãi, từ lãnh đạm đến hận thù. Nhưng xét chung về một dân-tộc hay quốc-gia, hiện-tượng kém mở mang hay nghèo khổ, có thể nêu rõ những đặc điểm.

Theo Lacoste (*les pays sous-développés*, PUF, Paris, 1960), « đặc điểm của kém mở mang là :

- thiếu thốn,
- lợi-tức trung bình của quốc-gia tính từng đầu người thấp kém, cũng như mức sống thấp kém,
- kỹ-nghệ hạn chế
- tiêu dùng rất ít cơ-giới
- tình cảnh lệ-thuộc kinh-tế,
- khu thương-mãi quá rộng lớn,
- cơ-cấu xã-hội lạc-hậu,
- các giai-cấp trung lưu không phát-triển,
- không có đời sống quốc-gia,
- thất nghiệp và khiếm dụng nhiều,
- trình độ học vấn thấp
- sinh sản nhiều

— tình trạng vệ-sinh và y-tế tồi tệ
— dân ý-thức được tình trạng của mình.»

Trong phong-trào hướng-đạo thế-giới, trên một trăm nước hội-viên, đã tới 57 nước có thể xem là kém mở-mang. Dân số các nước ấy là 1.437 triệu (năm 1968) và số hướng-đạo-sinh các nước ấy là 3 triệu rưỡi. Tỷ-số Hướng-đạo quá thấp cho thấy khả năng bành-trướng của hướng-đạo còn nhiều tại đó và cũng chứng tỏ rằng phương-tiên sinh sống cũng là chướng ngại đáng kể cho việc giáo dục hay huấn-luyện thanh thiếu niên. Gia đình thiếu cái ăn cái mặc không thể rảnh rang cho con cái tham gia những hoạt-động xã-hội, nhất là khi hoạt-động ấy được hiểu lầm hay đã trở nên những trò chơi giải-trí, tốn tiền, không ích lợi thiết thực nào cho trẻ, bây giờ hay mai sau.

Vai tuồng của trẻ trong phát-triển

Tuy hơi trẻ, nhưng đến nay, khắp thế-giới, ai cũng nhìn nhận vai tuồng chính yếu thanh niên có thể đảm-đương trong sự phát-triển quốc gia.

Trong một tường-trình của Phân-bộ Kinh tế xã-hội của Liên hiệp quốc, sau thảo cùng các tổ-chức Văn hóa, Y tế, Lao-động. Canh nông của Liên- hiệp quốc, vai tuồng ấy được minh định như sau :

« Thanh niên và phát triển là hai trạng thái của một quá-trình tăng trưởng, và nếu có đủ sáng suốt và tưởng tượng, có thể

làm cho đôi bên trở nên mann hơn và nâng đỡ lẫn nhau. Phát triển khởi đầu với sự chuẩn-bị, dạy dỗ và huấn luyện thanh-niên. Phát-triển trở nên rộng rãi k' i có sự liên kết để phác họa và thể hiện những kế-hoạch phát-triển, và nảy nở nhờ sự cần mẫn và sự nâng đỡ không ngừng... » (Politique et programmes à long terme en faveur de la jeunesse dans le cadre du développement national, Nations Unies, New York 1970.)

Tại Liên-hiệp-quốc, hoạt-động giúp cho trẻ có ba mục-dịch chính :

1. Giúp thanh niên góp vào phát-triển và trông chừng cố gắng của thanh-niên hướng đến những mục-phiêu thể hiện được, mục-phiêu này nằm trong chương trình phát-triển chung.

2. Tăng cường những lý lẽ khiến thanh-niên phải tham gia những chương trình tự cung và tương-trợ, và đóng góp phần mình trong thứ chương trình ấy.

3. Bảo vệ thanh niên chống lại sự bóc lột, và chống lại một sự tham-gia quá độ có hại cho sức khỏe thanh niên, cho sự tăng trưởng thể xác và tâm-thần và cho sự phát-triển về phương diện cá-nhân hay cộng dân.

Hướng đạo với phát triển

Trong tinh thần của Baden-Powell, hướng đạo không thể xem như một trò giải-trí, một lời tiêu khiển cho qua thì giờ. Dĩ nhiên, một số hoạt-động hướng đạo bề ngoài là những trò chơi giải trí, nhưng bên trong, nơi căn-bản, có điều quan-trọng hơn.

Cuốn sách căn-bản của Hướng-đạo, Baden Powell viết năm 1908, tuy là để cho thanh-niên của đế-quốc Anh, nhưng cũng đã vạch được những nguyên-lý có giá-trị phổ-quát cho thanh-niên bất cứ quốc-gia nào. Thử đọc lại *Scouting for boys*, nơi đoạn toát yếu (trang 316, Bản Arthur Pearson, London 1957), thấy bài học không đến nỗi lỗi thời:

«Mục đích của hướng-đạo là đặt tánh khí trẻ trong tình trạng hăng hái cao nhất và nung đúc theo khuôn mẫu đứng đắn nhất và khuyến-khích cùng phát-triển nhân-cách của trẻ, để trẻ tự giáo-dục mình trở nên con người tốt và công dân hữu ích cho xứ sở của trẻ.

«...Tại bất cứ nước nào mục đích huấn-luyện hướng-đạo-sinh vẫn giống nhau, nghĩa là hiệu-năng để giúp ích kẻ khác. Với mục đích chung ấy, chúng ta có thể, như là một đám anh em quốc-tế để phụng-sự, tiến tới và thực hiện một công việc rộng lớn.

«...Nếu mỗi người tham dự trò chơi tại chỗ của mình, và chơi đúng trò chơi sẽ có sự thịnh vượng lớn hơn và hạnh phúc khắp thế-giới, sẽ đem lại tình-trạng bấy lâu hằng mong ước, là Hòa bình và Thiện-chí giữa những người với nhau.»

Mục-đích đã rõ ràng, những quyết-nghị của Hội-nghị Hướng-đạo thế-giới xuyên qua bao nhiêu phiên họp, cũng như những bài giảng dạy tại các trại huấn-luyện quốc-tế nhất là tại trại Gilwell, không ngớt nhắc nhở đến bài học, đến

hy-vọng của Baden Powell, và con đường chính đáng để thành công. Có gì đáng thay đổi? Không phải là những nguyên lý, mà chính là những cơ-cấu thuận tiện cho việc truyền đạt những nguyên lý và áp-dụng những phương pháp hợp với mục-phiêu giáo-dục đặc-biệt của những Hướng-đạo. Điều đáng thay đổi không phải là quan-niệm về hướng đạo, mà những chương-trình, kỹ thuật phải dùng trong thời buổi này để việc sửa soạn trẻ được hiệu-năng, hấp dẫn và thức thời hơn. Sự có mặt của Hướng-đạo không phải là sự có mặt của một di-tàn lịch-sử, một sự có để cho có, mà cũng như nửa thế-kỷ trước đây, chính vì sự đòi hỏi của thanh thiếu niên và sự cần thiết của xã-hội. Hướng-đạo phải phát-triển và có đủ khả-năng và có bốn phận phát-triển, cũng như tham dự đắc lực hơn vào sự phát-triển chung, trước hết là của quốc-gia mình và sau đó của xã-hội rộng rãi hơn của thế-giới vẫn khao khát, hay khao khát hơn bao giờ hết, một tình huynh-đệ qua các hành động, không phải là một danh-từ huynh-đệ, trừu-tượng, lãng mạn và vô dụng.

Hai mặt phát triển của Hướng-đạo.

Sự đóng góp của Hướng-đạo hiện nay hay trong những năm sắp đến, có thể xét về hai mặt:

1. Trước hết là tự mình phát-triển. Điều đó đòi hỏi một sự soát lại, và thay thế những kỹ thuật huấn-luyện cũ; như kỹ-thuật làm nền tảng hoạt-động của hướng-đạo-sinh, đã lỗi thời

và không phù hợp với nhu-cầu của những nước đang mở mang. Thay vì dạy thất gút hay sémaphore, có lẽ cần phải dạy những lối «tháo-vát» cần thiết cho đời sống hằng ngày, chưa nói đến sự cần thiết hay thông thường của xã-hội kỹ-nghệ và cơ-giới hóa, như điện, điện-tử, máy móc thông thường, chắc hẳn hay nên dạy, — như bản thuyết-trình tại Hội-nghị Nhật-bản đề nghị — cho biết lối ăn uống hợp lý, những phương sách chống nạn mù chữ, những phương pháp tân-thời của phát-triển cộng đồng. Cũng còn có nhiều đề-tài thức thời khác, như quan trọng của môi-trường sinh-sống, nguy hại về nhiễm độc, về thuốc khai quang đang được các nước văn-minh đưa thành một môn học chu-đáo, và phải kích thích những hoạt động của trẻ, tham gia vào chương trình làm cho làng mạc thành thị xù sỏ trong sạch hơn, bớt nguy hại hơn. Chính côngviệc của những bậc đầu-não trong phong-trào quốc-gia, phải tùy theo điều kiện riêng của quốc gia, phải *suy nghĩ* lại vấn đề ấy, chính ban huấn-luyện quốc-gia phải «*suy nghĩ*» về chương trình chuyên môn, soạn thảo lại những chương trình chuyên-hiệu để cho trẻ thấy thích thú mới, tìm được ích lợi thiết thực, và không còn tiếp tục nhắc đi nhắc lại, từ trại này qua trại khác, từ năm này qua năm khác những kỹ thuật có thể có giá trị một lúc nào, tại một nước nào, mà đã mất ý nghĩa, mất tánh cách hữu ích hay cần thiết tại một nước nghèo đói, thiếu thốn đủ điều, lâm cảnh chiến-tranh bao lực. Những điều học hỏi được tại Chamarande, Cappy (Pháp), Gilwell (Anh), hay Bạch Mã trước cách

mạng 1945, đem dùng bao mười năm qua, chẳng khác như những trái chanh, trái cam, đã giải khát một số người, mà vẫn cứ vất đi vất lại cái xác khô héo, trở thành những vật có giá trị tình cảm và lịch sử hơn là những động-cơ đưa đến những giá trị sống động và hiệu năng hơn. Chính đó cũng là một hiện tượng chậm tiến, nếu chỉ đóng mãi mãi vai tuồng thụ hưởng những vật ngon của lạ của nước người, thay vì học lấy những nguyên lý và tinh-thần để sản xuất ra những vật cũng ngon lành hợp với khẩu vị riêng của mình. Thay vì ngửa tay chờ đón hết giỏ cam này đến tائن cam khác, có lẽ nên xin, mua, một lần một ít hạt giống, cây con và trồng lại nơi đất mình. Vấn-đề phát-triển hướng-đạo cũng phải tương tự, không còn là một thứ hàng hóa nhập cảng, mà một sự trồng tủa, xây dựng lại tùy theo phương tiện và đòi hỏi của đất đai và khí hậu. Và cũng không phải là một công việc làm một lần rồi thụ hưởng, mà cần đến sự vun quén hằng năm hằng mùa, một sự kiểm thảo, nhận định, định kỳ, để rút tủa kinh nghiệm, dọn lứa cây khác, trong mùa khác.

Một sự lầm lẫn lớn, và có đượm màu ma thuật, là chỉ cần đến danh-từ và hình-thức (đồng phục, hoạt-động) là đã trở nên Hướng đạo và theo n con đường của Baden-Powell. Nhưng, đều quan trọng, nếu như theo Baden Powell, là giữ lại những nguyên lý căn-lân, mà không ngần ngại thay đổi mọi hình thức và kỹ-thuật áp dụng những nguyên lý ấy.

Đi sai đường lối Hướng đạo của B P. không phải là khi xét lại những

phương pháp cổ truyền về huấn luyện và chương trình, mà ngược lại, không theo đúng tinh thần và ước vọng của người sáng lập, là vì lý do tình cảm, vọng khư, lười biếng hay bất tài, nhất định không thấy mây may nào về hình bóng của người hướng-đạo, nghi-thức các hội họp hay hoạt động. Nhưng điều nguy hiểm, chính là trong việc sửa đổi cho thích ứng với nhu cầu, việc thay đổi chỉ tùy hứng, tùy thời thượng, vì áp lực bên ngoài không quan hệ đến mục đích giáo dục trẻ, hay vì sự dễ dãi, để quy tụ cho đông số, làm trang sức cho đoàn thể, được hiểu lầm là một lực lượng. Rồi những nguyên lý làm tinh hoa cho phương pháp giáo dục, làm đặc điểm của một phong trào được cảm mến chính nhờ đặc điểm ấy, mất dần hồi, đến nỗi chỉ còn một danh từ và một đồng phục.

Trên bình diện quốc tế, cũng đáng lo cho những sự sửa đổi tự do của các hội quốc gia, có thể làm cho hướng đạo tại một số nước xa lẫn Hướng đạo nguyên thủy, nghĩa là theo tinh thần của người sáng lập và làm cho phong trào thế giới mất ánh cách hợp nhất cần thiết để có thể gây nên ảnh hưởng tốt đẹp trong đời sống huynh đệ quốc tế. Cũng như việc suy nghĩ và nghiên cứu hướng đạo trong thời đại mới và trong tình trạng đất nước, là bổn phận của nhà lãnh đạo phong trào quốc gia, suy nghĩ về hướng đạo trong tình trạng chung của thế giới với mọi hệ lụy giữa những nước khác trình độ kỹ thuật và mức sinh sống, phải là nhiệm vụ của Ủy hội và văn phòng hướng đạo thế giới.

Mọi khía cạnh của vấn đề phải được xét đến tường tận, và những khuyến cáo về chương trình phải được đặt ra một cách cặn kẽ, có thể là với sự hợp tác của các nhà lãnh đạo hướng đạo quốc gia am tường hơn về những yếu tố và khả năng địa phương.

2. Phát triển phong trào về phương diện nội bộ là một phần trong chương trình «*dấn thân*» của Hướng đạo ngày nay. Khi vạch định được chương trình huấn luyện và đào tạo huynh trưởng cũng như đoàn sinh theo chiều hướng mới, mới mong có một thể-hệ hướng-đạo sinh mới, ý thức được tất cả nhu cầu của xứ sở mình, những nhu cầu của cảnh vực mình, làng mạc, phường xóm, thị xã, học đường... và có được những phương tiện chuyên môn và vật chất cần thiết để thoả mãn phần nào các nhu yếu trên.

Thay vì dùng thời giờ vào những trò chơi giải trí hay bồi bổ sức khỏe là điều chung cho nhiều đoàn thể thanh niên hay thể dục hướng đạo có thể huấn luyện tánh khí và trau dồi khả năng trẻ bằng những công tác thiết-thực, ăn khớp với đời sống của đồng bào. Thay vì tìm khung cảnh lãng mạn để trốn tránh những khó khăn của đời sống cá nhân hay gia đình, những trẻ phải được đặt vào trong những khung cảnh thật để thấy rõ bao nhiêu thiếu thốn và bất công xã hội, và tùy theo tuổi, tùy theo ngành, tùy theo khả năng, thực hiện chương trình cải thiện cảnh vực sinh sống. Những công tác sẽ không còn gọi là công tác

xã hội hay từ thiện và chỉ được làm trong một dịp đặc biệt nào đó, như ngày vệ sinh, ngày trật tự, chỉ có hiệu năng rầm rộ trong một khoảnh khắc, rồi đâu cũng trở lại như tình trạng bi đát cũ. Bao nhiêu hoạt động của các đoàn đều là hoạt động thường xuyên theo mục-phiêu phát-triển cộng-đồng thường xuyên, liên tục với sự đóng góp của những thế hệ trẻ nối tiếp nhau trong hàng ngũ các đoàn, các đạo. Sáng kiến và thông-minh của các huynh trưởng của hội, châu, đạo hay liên đoàn có thể làm cho hướng đạo sống động, với những hoạt động xa lý thuyết trừu tượng mà có giá trị thực tiễn. Công dụng giáo dục của các hoạt động có mục phiêu thực tiễn ấy không thể kém hơn công dụng giáo dục của những hoạt động, xét ra lỗi thời, không gây ham thích cho trẻ. Ngay cả những hoạt động hằng năm các đoàn phải có như trại hè, trại huấn luyện, việc sửa soạn lều chõng, những thủ công trại tốn kém biết bao (tuy rằng kỹ thuật cũng không được đặt nặng nhiều, vì nhiều đoàn đã cho phép đem đến những đồ tiền chế, kể luôn cả những cổng trại, sơn, vẽ công phu, chỉ cốt cho đẹp mắt và đẹp ảnh không chắc đã giúp cho trẻ biết gì thêm về nghề chuốt cây, vót lạt, cột giầy . . .) và cũng không giúp cho trẻ tai tháo vát, xoay trở, là mục đích thông thường của thủ công trại, phải dùng phương tiện nghèo nàn tại địa phương mà áp dụng sự khéo léo của mình để sinh sống trong một thời gian, cũng ăn uống bổ khỏe hay vệ sinh, ngủ ngon giấc, và có một sở thích nghi tương đối như trong đời sống thông thường. Nếu, và đây chỉ là một

đề nghị, một thí dụ để gợi ý trong muôn ngàn có thể nảy nở trong trí óc các huynh trưởng hăng hái, nếu hơn dịp thiết lập trại, ta có thể xây dựng những nhà thật cho các đội, hay đoàn dùng, và sau đó, trao lại cho làng xóm dùng, thì sự tổn công tổn của của các đoàn, của châu hay của hội, không trở thành một sự phí phạm đối với xã-hội quá nghèo nàn, mà những người dùng không thể mua được tranh tre lợp nhà, đối với những người này, của để lại, nhà ở, hay chòi ở, cũng còn ý-nghĩa hơn những cổng danh dự mà các trại-sinh dựng lên để đón chào quan-khách rồi lại giở đi, không để lại cho người sống gần đó chút gì để hưởng, mà cũng chẳng để một dấu vết cảm tình nào trong tâm trí đồng bào.

Vét nương, đào giếng, sửa đường, trồng cây, làm lại hàng rào, sửa chuồng heo, chuồng gà v.v. cũng là những hoạt-động xử dụng cuộc, xẻng, búa, rìu, cưa, máy..., nhưng hữu ích, thích thú, hơn là lối xử dụng "tượng trưng" trong những buổi học lý-thuyết, sau khi nghe giảng về sự giúp ích và tinh-thần ái-quốc, rồi mọi đoàn-sinh trở lại trong chăn ấm, ngủ ngon giấc với ích kỷ trọn vẹn của mình và với những giấc mộng hiệp-sĩ đầy vinh quang!

Đói đói, sợ, ba nạn của những dân kém mở mang, chưa phải là hết ở tại đất nước chúng ta. Hướng-dạo đóng góp vào những công trình chống lại những mối đe dọa ấy, sẽ không thiếu đề-tài hoạt-động.

Những hoạt-động ấy, nếu biết cân nhắc và sắp đặt, không vượt khả-năng

những đoàn thanh-niên hăng-hái. Thường những thanh-niên gặp thất vọng và chán nản vì ham muốn những điều to tát và viễn vông, ao ước «kinh bang tế thế», «cứu quốc và kiến-quốc» theo những chương trình hay lý-thuyết đại-cách-mạng. Có khi nhăm lý-tưởng quá cao để biện-chứng cho bất-lực của mình. Nếu chỉ khởi đầu với những công-tác thiết-thực thông-thường mà mọi người ít khi lưu ý đến, nếu quyết-tâm thay đổi một đôi điều gì thuộc phạm-vi khả-năng, thì kết-quả tuy nhỏ mọn cũng nuôi dưỡng được hăng say và tinh-thần phục vụ, và cũng góp vào, một cách cụ thể, không phải với lời nói suông hay với những mộng lớn, góp vào công việc phát-triển cả mình và cả chung quanh.

Hướng-đạo gồm những thanh niên tình nguyện, đã có thiện-chí sẵn, hướng đạo nhờ sự tôn trọng kỷ luật của đoàn viên, là một phong trào tổ-chức khá hơn hết trong nước cũng như trên thế-giới. Hướng-đạo có thiện-cảm sẵn của những gia-đình, và được hầu hết chính-quyền khuyến-khích, giúp đỡ, bao nhiêu yếu-tố ấy thuận lợi cho những hoạt-động của các đoàn hướng-đạo.

Vả chăng, những hoạt-động để phát triển chỉ là một phần tất-yếu của tôn-chỉ phong trào: đào tạo những công-dân tốt, biết nghĩ đến người khác, sửa soạn đảm đương sau này trọng-trách trong đời sống quốc-gia.

Vậy điều quan-trọng đang mong ước là một sự lãnh-đạo vững vàng, trung thành với nguyên-lý hướng đạo, sáng suốt để điều chỉnh cuộc sống của đoàn-thể hợp với tình-thế và nhu cầu của

cảnh-vực và cộng-đồng của mình. Tại các quốc-gia giàu có, cũng như tại các nước kém mở mang hay đang mở mang, hướng-đạo vẫn còn hữu-ích, không đến nỗi lỗi thời nếu đáp ứng được nhu-cầu theo tâm-lý trẻ, và sự đòi hỏi, bây giờ và nơi đây, của đồng bào mà trẻ phải chung sống và chia sẻ những mối ưu tư.

Dù văn-đề của mỗi nước có khác nhau, trong bất cứ nhóm xã-hội nào, trong bất cứ hoạt động nào của con người, vẫn thấy xuất hiện những người có tưởng tượng, óc sáng kiến, khả-năng sáng tạo, tinh-thần tranh-đấu và kiên-trì. Đó là những thành phần hăng-hái, cứ mỗi thế-hệ lại để công trình bay dấu vết tốt đẹp của mình trong mọi địa-hạt, kinh-tế, chính-trị, điều khiển việc nước, kỹ-thuật, khoa học, v. v. Mục-đích chính của phong-trào hướng-đạo là đào-tạo hạng người như vậy, là xây dựng khung-cảnh thuận-tiện, để khích-lệ thanh thiếu niên trở nên hạng người như thế.

Một đoàn-viên trong phong - trào hướng-đạo chỉ thành công khi chính mình phát triển khả-năng riêng, và đồng thời đã làm thay đổi một phần nào, theo chiều hướng tốt đẹp và tiến-bộ, môi trường sinh-sống của mình. Hai mục-phiêu phải cùng đạt lần hồi. Không phục vụ đồng bào, mà chỉ lo sự tăng trưởng hay tiến bộ của riêng mình, là một thái độ hẹp hòi ích-kỷ. Phục-vụ đồng bào, trong khi mình không sửa soạn khả-năng, chỉ là một thái-độ giả-dối và tai-hại. Chương trình hoạt-động của hướng đạo phải nhăm cả hai. Có thể, mới tránh được tánh-cách xa xỉ của phong trào, tránh được tánh cách ấu-trĩ của sự giúp ích. Có thể, một hội hướng-đạo mới không thẹn khi ghi dưới danh hiệu của mình, «*được công-nhận có ích lợi chung*».

CUNG GIỮ NGUYÊN

Những mâu thuẫn của cuộc chiến-tranh Đông-Hồi

Cuộc chiến tranh Đông-Hồi tới nay đã kéo dài được gần nửa năm mà vẫn chưa có một dấu hiệu nào cho ta biết rằng các phe liên-hệ muốn tìm cách chấm dứt. Càng tiếp diễn, cuộc chiến tranh tàn bạo này càng bộc lộ những sự mâu thuẫn trầm trọng mà nó đã tạo ra trên thế giới.

Tuy là một cuộc nội chiến, nhưng cuộc chiến tranh Đông-Hồi không phải chỉ là một cuộc tranh chấp nội bộ, giới hạn trong khuôn khổ Hồi-quốc, mà còn có liên-hệ tới nhiều quốc gia khác trên thế-giới.

Quốc gia đầu tiên phải chịu hậu quả của cuộc chiến tranh này là Ấn độ. Là một nước láng giềng của Hồi-quốc, Ấn-độ đã phải tiếp nhận vì lý do nhân đạo hàng triệu người Hồi quốc sang tỵ nạn. Nhưng sự hiện diện của trên 7 triệu người tỵ nạn đã làm xáo trộn đời sống quốc gia Ấn-độ khiến dân chúng nước này bắt đầu có những phản ứng chống lại sự xâm nhập của những người «khách lạ này».

Các mâu thuẫn không những xuất hiện trong thái độ của dân chúng đối với dân tỵ nạn mà còn có trong thái độ của chính phủ Ấn-độ trước cuộc chiến tranh Đông-Hồi. Tuy các phe hiếu chiến Ấn hồi thúc bà Gandhi

tuyên chiến với Hồi-quốc, nhưng bà vẫn cố gắng đứng ngoài cuộc chiến. Mặc dầu vậy, sự thận trọng của bà vẫn không được dư luận quốc tế tán thưởng và bà còn bị coi là có thái độ không rõ rệt.

Sau hết lập trường của các quốc gia trên thế giới đối với vấn đề Đông-Hồi cũng hết sức mập mờ. Thay vì bênh vực một dân tộc bị độc tài quân phiệt đàn áp, dư luận quốc tế, kể cả các quốc gia thuộc khu vực Đệ-tam thế-giới, đã tỏ ra thờ ơ trước nguyện vọng chính đáng của người dân Đông-Hồi.

Những mâu thuẫn trong vấn đề dân tỵ nạn.

Hậu quả đầu tiên của cuộc chiến tranh Đông-Hồi mà Ấn-độ phải gánh chịu là dân tỵ nạn từ vùng Benga'e kéo sang để tránh khỏi các cuộc tàn sát dã man của quân đội Tây Hồi. Sau 5 tháng trời, số dân tỵ nạn đã lên tới 7 triệu 500 ngàn người. Hiện thời làn sóng tỵ nạn vẫn tiếp tục đổ vào lãnh thổ Ấn với một nhịp độ là từ 20 tới 30 ngàn người một ngày.

Nhà cầm quyền Ấn độ không đủ phương tiện để đáp ứng với một số người tỵ nạn càng ngày càng đông. Dân tỵ nạn Hồi không có chỗ ở đã phải tạm trú trong các ống cống, hay

các thùng đồ. Những người kém may mắn hơn còn phải đứng giữa trời. Người ta phải chứng - kiến những cảnh hết sức bi thảm của các trẻ thơ thiếu cơm áo, làm mồi cho bệnh tật, ngồi chờ đợi chết. Người ta còn chứng kiến những cảnh đau thương của những người mẹ tay bế con đứng dưới trời mưa, không có chỗ nằm, vì ngay dưới đất cũng bị nước ngập lên tới đầu gối.

Nguyên Ấn - độ đã không đủ phương-tiện để cung ứng cho nhu cầu của chính dân chúng trong nước, nay lại phải đáp ứng với nhu cầu của 7 triệu dân tỵ nạn nữa nên tại những trại tạm trú, các điều kiện vệ sinh cũng như các thực phẩm đều hết sức thiếu thốn. Sự trợ giúp của các quốc gia trên thế giới và các tổ chức từ thiện chỉ đủ được cho 1/3 những nhu cầu cần thiết nhất của dân tỵ nạn. Các chứng bệnh hiểm nghèo như ho lao, dịch tả, đang hoành hành mạnh tại các trại di cư. Nhà cầm quyền Ấn-độ đã tỏ ra hết sức lo lắng vì với mùa mưa sắp tới người ta không biết sẽ đưa dân tỵ nạn đi đâu. Công cuộc cứu trợ các nạn nhân Bengale trong 6 tháng đòi hỏi một số tiền khổng lồ là 600 triệu Mỹ-kim. Vì vậy người ta thấy Ấn-độ đang mang trên vai một gánh nặng quá lớn đối với khả năng của họ. Lúc đầu người ta cố gắng tập trung dân tỵ nạn trong tiểu-bang Tây Bengale. Nhưng vì tiểu-bang này không còn nuôi nổi họ, nên các người tỵ-nạn đã phải được chuyển tới các tiểu-bang khác

như Uttar-Pradesh, Bihar và Madhya Pradesh. Tại các vùng này họ đã phải lang thang trên mọi nẻo đường để đi hành khất.

Sự hiện diện của trên 7 triệu người lạ đã làm đời sống Ấn-độ hết sức xáo trộn. Ngoài những khó khăn tài chánh của chính phủ, người ta còn thấy nhiều vụ trộm cướp, nhiều vụ khủng bố ám sát đã xảy ra khiến tình-hình trong nước dần dần mất ổn định, và dân chúng bắt đầu có thái-độ chống đối lại các người di cư. Những người này trước kia là những nạn nhân đang được thương hại giúp đỡ, thì giờ đây đang dần dần trở thành những phần tử bất-hào bị người Ấn-độ nhìn bằng cặp mắt nghi kỵ.

Đó là mâu thuẫn đầu tiên trong vấn-đề nạn-nhân chiến-cuộc Đông-Hồi; mâu thuẫn thứ hai của vấn-đề này là thái độ của chính phủ Tây-Hồi ở Islamabad. Tuy tổ cáo Ấn-độ tiếp tay với dân tỵ nạn Đông-Hồi, nhưng chính phủ Tây-Hồi đã dùng mọi biện-pháp tàn bạo để xua đuổi họ khỏi Đông-Hồi. Làm như vậy Chính phủ trung-ương Hồi hy vọng rằng các thành phần ly khai chống đối sẽ đi hết và ở Đông-Hồi chỉ còn lại những người trung thành với Chính-phủ trung-ương mà thôi. Ngoài ra Hồi-quốc còn muốn xua dân sang Ấn-độ để phá Ấn-độ bằng cách làm xáo trộn đời sống chính-trị xã hội và kinh-tế của nước này.

Sự mâu thuẫn còn xuất hiện

CCCLIII

ngay trong công cuộc cứu trợ của ngoại-quốc nữa. Các thực-phẩm dụng cụ và thuốc men của Hoa-kỳ gởi tới được chở bằng những ghe thuyền của Hoa-kỳ. Nhưng một giới chức Hồi đã thân nhiên tuyên bố là nhờ các ghe thuyền này mà chính phủ đã có thể đi tới các vùng hẻo lánh để cứu trợ dân Đông-Hồi.

Những mâu thuẫn trong bang-giao Ấn-Hồi

Ngay từ khi cuộc chiến tranh Đông-Hồi bùng nổ, dân chúng Đông Hồi đã chạy sang vùng Tây Bengale của Ấn. Chính-phủ của tiểu-bang Tây Bengale thuộc Ấn-độ, từ nhiều năm nay, nằm trong tay phe Cộng-sản, đã hết sức trợ giúp Đông-Hồi, tuy phe nổi loạn Đông Hồi hoàn toàn có mâu sắc quốc-gia. Từ lãnh thổ Hồi ở Đông Bengale, quân đội Ấn đã nhiều lần oanh tạc lãnh thổ Hồi ở Đông Bengale. Tại biên giới Ấn-Hồi, nhiều căn cứ du kích Đông Hồi đã được thiết lập để đẩy mạnh cuộc chiến-tranh du-kích chống quân đội Tây-Hồi.

Các phần-tử hiếu-chiến trong Chính phủ Ấn-độ đã làm áp lực với bà Gandhi để bà can thiệp võ trang tại Đông Hồi hầu chấm dứt cuộc nội chiến Đông Hồi, phương pháp duy nhất để giải quyết vấn-đề dân tỵ nạn. Ấn-độ đã phong tỏa Hồi quốc bằng cách cấm không cho phi cơ Hồi bay qua lãnh thổ Ấn để sang Đông-Hồi. Trước các áp lực của phe hiếu chiến, bà Gandhi đã cố gắng không tuyên chiến. Nhưng thái độ hòa hoãn này

vẫn không tránh cho Ấn-độ bị cả Trung-Cộng lẫn Hồi quốc tố cáo là gây hấn. Tổng thống Hồi Yahya Khan đã lớn tiếng cảnh cáo là nếu Ấn-độ còn tiếp tục giúp đỡ Đông Hồi, ông sẽ mở một cuộc chiến tranh toàn diện chống Ấn-độ.

Tuy Hồi-quốc không muốn Ấn-độ can thiệp võ trang tại Đông-Hồi để tiếp tay với đảng nổi dậy, nhưng tại Islamabad người ta lại thấy rằng sự động binh của Ấn-độ, nếu có, sẽ làm lợi cho Hồi quốc. Thật vậy, nếu Ấn-độ can thiệp, Hồi-quốc sẽ có dịp tấn công Ấn bằng hai ngả Đông và Tây Hồi để nắm phần thắng. Một thắng lợi như vậy sẽ cho phép Hồi-quốc chiếm Cachemire, nơi đó đa số là dân Hồi, nhưng hiện vẫn còn thuộc về Ấn-độ. Nếu chiếm được Cachemire Hồi sẽ thu gom lãnh thổ về một mối, nên dù vì thế có mất cả vùng Đông-Hồi cho Ấn cũng vẫn là một điều có lợi.

Nữ Thủ-tướng Indira Gandhi không dám dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu quân-sự ở Đông-Hồi, tuy can thiệp quân sự là một dịp để bảo vệ nguyện vọng chính đáng của dân Đông-Hồi trước một bạo quyền quân phiệt và đồng thời tái lập uy-tín cho quân-đội Ấn sau nhiều lần chiến bại tại Cachemire và Hy-mã Lạp-sơn trước Hồi-quốc và Trung-Cộng. Ngoài ra can thiệp tại Đông-Hồi sẽ cho phép Chính-phủ trung-ương Ấn-độ xác nhận uy-quyền với Chính-phủ Cộng sản địa-phương ở Tây Bengale. Sau hết can thiệp võ trang tại Đông-Hồi còn có thể là một hành động cần thiết để ngăn chặn các người Đông-Hồi trở thành Cộng-sản. Thật vậy nếu toàn-

thế giới tiếp tục tỏ ra thờ ơ trước cuộc đấu tranh của họ, phe ly khai Đông-Hồi có thể lần lần đi tới việc xin Nga trợ giúp. Hiện nay tuy Trung Cộng tuyên bố là ủng hộ Islamabad nhưng vẫn chưa có thái độ dứt khoát. Nếu thấy có lợi, Trung-Cộng chắc sẽ không ngần ngại mà thay đổi lập trường ngay.

Nhưng bà Gandhi vẫn cương quyết đứng ngoài cuộc chiến để tránh những hậu quả không lường trước được của một cuộc chiến tranh với Hồi-quốc. Thái độ khôn ngoan này không những không được thế giới tán thưởng mà người ta còn nhìn Ấn-độ bằng cặp mắt nghi ngờ vì người ta luôn luôn cho rằng bà Gandhi chỉ muốn lợi dụng nước đục để thả cáu mà thôi. Hơn nữa, thái độ của các quốc gia trên thế giới trước vấn đề Đông Hồi cũng hết sức mâu thuẫn. Người ta tỏ thiện cảm đối với một dân tộc bị sát hại nhưng người ta cũng không ngần ngại ủng hộ một chính thể tàn bạo và độc tài ở Islamabad, chịu trách nhiệm về các vụ thảm sát ở Đông Hồi.

Những mâu thuẫn trong thái độ các quốc gia trên thế giới.

Mâu thuẫn nhất có lẽ là thái độ của Hoa-kỳ và Trung-Cộng. Thật vậy, từ trên 20 năm qua Hoa-kỳ luôn luôn tìm cách duy trì tình thân hữu với Ấn-độ. Ngoài ra dân Hoa-kỳ rất xúc động trước những nỗi thống khổ của dân Đông-Hồi. Nhưng Hoa-kỳ vẫn không kém ủng hộ Hồi quốc vì Hồi là một quốc gia chính trong vòng

đại các quốc gia thân Tây phương mà Hoa kỳ đã thiết lập từ nhiều năm qua. Vòng đai này chạy dài từ Hy-lạp sang tới Đông Á và vây quanh lãnh thổ Trung Cộng. Mất Hồi-quốc, vòng đai này sẽ bị gián đoạn, vì vậy nên Hoa-kỳ đã có một thái độ hết sức lạ lùng là vừa tiếp tục viện trợ vũ khí cho Tây Hồi vừa cứu trợ nạn nhân chiến cuộc Đông Hồi và lại vừa viện trợ cho Ấn-độ.

Đề đáp lại sự ưu ái của Hoa-kỳ chính thể quân phiệt Hồi đã giúp ông Nixon rất nhiều trong công cuộc hòa giải với Trung Cộng. Tháng 7 vừa qua chính Hồi quốc đã tổ chức đề ông Kissinger bí mật sang thăm Bắc-kinh. Do đó Hồi quốc đối với Mỹ không những là một cái cầu nối liền Trung Đông với Á châu mà còn là một trung gian giữa phe Tư bản và phe Cộng sản.

Nhưng Liên đoàn Awami của ông Rahman lại được rất nhiều cảm tình của chính phủ Hoa-thịnh-đốn. Trong những tháng vừa qua nhiều nhai vật của Liên-đoàn đã được đưa sang Hoa-kỳ để làm việc hoặc để du học.

Sau Hoa-kỳ, thái độ của Trung-Cộng cũng mâu thuẫn không kém. Trung-Cộng không ngần ngại ủng hộ chính-sách diệt chủng của ông Yahya. Vũ khí của Trung-Cộng gửi sang cho Hồi được sử dụng để tàn sát phe thân Mao ở Đông-Hồi. Nhưng Trung-Cộng cũng tỏ ra hết sức dè dặt vì có thể trong tương-lai nếu phe thân Mao đóng vai trò chủ chốt trong

cuộc tranh đấu đòi ly khai ở Đông-Hồi, Trung-Cộng sẽ ủng hộ Đông-Hồi. Tuy dè dặt nhưng Trung-Cộng đã lợi dụng triệt để thời cơ để tìm cách ly gián hai nước Ấn-Hồi.

Thái-độ của khối Đệ-tam thế-giới cũng mâu-thuẫn. Tuy các quốc-gia thuộc khối này luôn luôn tranh đấu để bảo vệ quyền dân-tộc tự-quyết chống chủ-nghĩa thực-dân, nhưng họ lại tỏ ra hoàn toàn thờ ơ trước cuộc tranh đấu của dân tộc Đông-Hồi. Vì đối với họ, chủ-nghĩa thực-dân đã được thanh toán xong, nên họ không còn tiếp tục tranh đấu cho quyền dân tộc tự quyết nữa. Hơn nữa các quốc-gia này không muốn khuyến khích các phong-rào ly-khai trong chính nước họ bằng cách ủng-hộ Đông-Hồi. Ngay Algérie là một nước đang tích-cực ủng hộ dân Palestine chống kẻ tiếm địa Do-mani mà họ vẫn oàn toàn im lặng trước một dân-tộc Đông-Hồi đồng đạo. Không những thế, Hồi quốc lại còn được các quốc gia sản xuất dầu hỏa ở Trung-Đông viện-trợ cho rất nhiều nữa.

Trong tất cả các quốc gia có lẽ chỉ Nga là ít mâu thuẫn nhất. Nga vừa

ủng-hộ Ấn-độ vừa ủng hộ Đông-Hồi. Hiệp-ước cộng-tác Nga-Ấn ký trong tháng 8 vừa qua đã củng cố địa-vị của Ấn-độ rất nhiều trong cuộc tranh-chấp với Hồi và Trung-Cộng. Nhưng sở dĩ Nga không mâu thuẫn chỉ vì họ không có nhiều quyền lợi tại Á-châu như những nước khác.

oOo

Trước vấn đề Đông-Hồi, người ta thấy nước nào cũng tỏ ra lúng túng, nước nào cũng có thái độ, mâu thuẫn. Sở dĩ có những sự mâu thuẫn này cũng chỉ vì không một nước nào nghĩ tới bảo vệ chính quyền lợi của Đông-Hồi mà chỉ nghĩ tới quyền lợi riêng của mình. Chiến tranh bùng nổ ở Đông-Hồi đã làm sai lạc thể quân bình hiện hữu. Vì vậy các quốc gia phải tìm cách thích ứng với tình trạng mới. Những hành động dọ dẫm của các quốc gia để thích ứng với tình trạng mới đã khiến cho người ta trở nên mâu thuẫn vì người ta phải dung hòa những quyền lợi trái ngược. Rút cuộc chỉ có dân Đông-Hồi là bị thiệt thòi vì cả thế giới không một ai là thực sự ủng hộ cuộc tranh đấu của họ cả.

TỪ TRÌ

Quý bạn tìm đọc:

SAO KHÔNG NHƯ NGÀY XƯA

Truyện của LÊ VĂN THIỆN

Côn Sơn xuất bản — Đồng Nai phát hành

Một tập truyện dễ thương, rối rắm, và buồn như Việt-nam.

Ca dao đã xuất bản :

NIETZSCHE

Schopenhauer nhà giáo dục

MẠNH TƯỜNG và TỔ LIÊN dịch

... « Bất cứ nơi nào có xã hội, có bọn cầm quyền, có tôn giáo, có công luận cay nghiệt, nói tắt, nơi nào có chế độ độc đoán, thì nơi đó nhà triết học còn bị thù hằn đuổi theo, vì chúng triết học mang lại cho con người chỗ ẩn náu vững vàng, mà không một kẻ độc đoán, không một câu hỏi lương tâm, không một con đường mê hoặc của cõi lòng nào xâm nhập được đó là điều làm cho bọn độc tài tức giận, lộng lộn (trang 33)

... « Ông (Schopenhauer) dạy chúng ta phân biệt được những cách thể cụ thể và những cách thể giả tạo bề ngoài trong nỗ lực lao tác cho hạnh phúc loài người và cho ta hiểu tại sao sự giàu sang, hạnh phúc, sự hiểu biết không thể dứt con người ra khỏi nỗi buồn thảm nghìn năm sâu vùi vùi do cái hư vô phù ảo của kiếp sống bủa vây... (trang 93)

Đồng Nai Tổng phát hành

270 Đề Thám Saigon

F. NIETZSCHE

ZARATHUSTRA

ĐÃ NÓI NHƯ THỂ

« Đây là cuốn Phúc Âm thứ năm, theo lời Nietzsche, — là một quà tặng vĩ đại từ trước đến giờ gửi cho nhân loại. « Tác phẩm kết tinh tuyệt đỉnh thiên tài của Nietzsche.

SÁCH PHÁT HÀNH ĐÚNG HẠ TUẦN

THÁNG 9 NĂM 1971

AN TIÊM XUẤT BẢN

ĐÔNG-NAM-Á

Liên minh quân sự ? Thị-trường chung kinh tế ? Liên bang chính trị ?

Thời-đại siêu - cường và tương - lai nước nhỏ tại vùng Đông-Nam-Á

Ngày 27-7-1971, nhật-báo «Đời-Sống Việt-Nam», trong mục «Ý-kiến» có bài về «Thời-đại Siêu-cường và tương-lai nước nhỏ tại vùng Đông-Nam-Á», nguyên-văn như sau :

«Hiện-giờ trên thế-giới mới chỉ có hai quốc-gia được liệt vào hạng «siêu-cường (superpower) là Hoa-kỳ và Nga-sô. Tuy-nhiên, theo dự-đoán của các nhà quan-sát chính-trị, thì trong thập-niên 70 này, sẽ có thêm những quốc-gia hoặc nhóm quốc-gia khác sẽ phát-triển đến mức-độ siêu-cường. Những quốc-gia có khả-năng đó là Trung-Cộng, Nhật-Bản và nhóm quốc-gia Tây-Âu liên-kết. Như vậy, nếu những dự-đoán trên sẽ đúng từ khoảng giữa thập-niên này trở đi, thế-giới sẽ có-thể thu gọn vào 5 trung-tâm quyền-lực chi-phối là Hoa-Kỳ, Nga-Sô, Tây-Âu, Trung-Hoa (Cộng-sản) và Nhật-Bản. Ngoài các trung-tâm đó, tất cả khu-vực còn lại đều được phân-chia và nằm trong phạm-vi ảnh-hưởng của một trung-tâm quyền-lực chi-phối nói trên.»

Những dự-đoán trên sẽ đúng hay không, điều đó chưa có ai biết chắc. Tuy nhiên, cái lẽ-lối các nước lớn chia

nhau các khu-vực ảnh-hưởng đối với các nước nhỏ thì đã thịnh-hành từ lâu và hiện vẫn còn thịnh-hành.

Riêng đối với các quốc-gia trong vùng Đông-nam-Á này, sau vụ Hoa-Kỳ bắt tay với Trung-Cộng, nỗi lo ngại về một sự phân-chia ảnh-hưởng giữa các cường-quốc lại càng được nhiều người quan-tâm đến. Sau vụ trên, sau những vui mừng lúc đầu về một tình-thế bớt căng thẳng, những tiếng nói phản-đối hoặc e ngại đã tiếp-theo mà nổi lên càng ngày càng nhiều, ở các quốc-gia tự do cũng như những nước trong phe cộng-sản.

Người ta e-ngại một sự sắp-đặt chia vùng giữa Hoa-kỳ và Trung-Cộng và người-ta phản-đối.

Tuy nhiên, nếu chỉ phản-đối bằng lời nói thì chắc chắn là không đi đến đâu. Còn nói đến phản-đối bằng hành-động thì thử hỏi với những nước nhỏ-bé trong vùng này đang phải dựa vào Hoa-kỳ hoặc Trung-Cộng và lại đứng riêng-rẽ với nhau, thử hỏi người-ta sẽ lấy sức đâu mà hành-động và sẽ hành-động cái gì, như thế nào ? Đến như nước Nhật-bản, hiện cũng có triển-vọng bước lên hàng siêu-cường, vậy mà trong vụ này cũng còn lúng-túng và rõ-rệt là chưa tìm ra được đường-lối phải theo hướng chỉ là những nước nhỏ-bé khác, lực-lượng và

ảnh-hưởng còn kém xa so với nước Nhật.

Để có thể giữ lấy tư-thể riêng giữa siêu-cường, chúng-ta cũng thấy được một trường-hợp tương-đối thành-công, đó là sự liên-kết giữa các nước Tây-Âu.

Chính nhờ vào sự liên-kết này, các quốc-gia Tây-Âu đã giữ cho mình khỏi bị Mỹ-hóa hoặc Nga-hóa và còn có triển vọng bước lên hàng siêu-cường.

Tuy-nhiên, nếu đem cái bài học trên mà áp-dụng trong vùng Đông-Nam-Á này thì sẽ khó-khăn hơn gấp trăm lần. Các nước Tây-Âu về đại-thể có nhiều điểm giống nhau từ chủng-tộc, văn-hóa và trình-độ phát-triển, trong khi các nước trong vùng này khác-biệt nhau rất sâu về các mặt đó. Các nước nhỏ trong vùng Đông-Nam-Á chỉ giống nhau ở những điểm nhỏ-bé, chưa phát-triển và cùng bị đe-đọa, bị thu-hút bởi những thế-lực láng-giềng hoặc bên ngoài quá lớn. Các quốc-gia Á-rập Hồi-giáo ở Trung-Đông và Phi-Châu kể ra còn có những điều-kiện thuận-tiện hơn nhiều trong việc kết-hợp. Vậy mà họ vẫn chưa thành-công. Sự so sánh đó làm cho tương-lai kém lạc-quan.

Sự kết-hợp các nước nhỏ tại vùng Đông-Nam-Á thành một khối quả thật là quá khó, khó đến độ gần như không thể làm được. Tuy nhiên, nó lại là *con đường duy nhất* có-thể giúp các quốc-gia trong vùng này đứng vững trước những ảnh-hưởng chi phối và khuynh-loát từ bên ngoài.

Con đường chỉ có một mà lại *quá khó*. Con đường đã khó mà *sự chú-trọng* và *những nỗ-lực* dành cho nó hiện có *về quá ít*. Vậy thì làm thế-nào mà tới đích?

Làm thế-nào để tới-đích? Làm thế-nào để đứng vững và tồn-tại? Đó là những câu-hỏi được đặt ra cho các thẩm-quyền lãnh-đạo thuộc các quốc-gia trong vùng này. Một tờ báo, một người viết báo chỉ có thể gợi ý về *con đường phải đi* và đặt những câu-hỏi chứ không có thẩm-quyền để trả lời». Câu trả lời về phía «thẩm-quyền lãnh-đạo» Việt-Nam vừa mới có: Tổng-thống Nguyễn-văn Thiệu, theo tin các nhật-báo ra ngày 11-8-1971, chủ-trương một *Liên-minh Quân-sự chống-Cộng*. Thế liên minh giữa các quốc gia là một thể đứng quốc tế, và chống cộng dựa vào thế liên minh này dĩ-nhiên là chống Cộng-sản Quốc-tế. Mà Cộng-sản quốc-tế là Nga và Tàu. Nga trên thực-tế đã bị loại khỏi vùng Đông-Nam Á như vậy chỉ còn lại Tàu. Liên-minh quân-sự chống Tàu trong khi Tàu đang cố hòa-hoãn với Mỹ và liên-minh với Mỹ để chống Nga, thế liên-minh quân-sự này sẽ dựa vào đâu trong khi các quốc-gia Đông-Nam Á, mặc-dù tất-cả đều có quân-đội tối-tân, nhưng đều phải nhờ Mỹ tiếp-vận cho đạn-dược và súng-ống, máy bay, tàu-chiến v.v Rốt-cuộc vẫn phải nhờ vào Mỹ, nghĩa là vẫn phải lệ thuộc vào Mỹ, trong khi *vấn-đề* được đặt ra cho tất-cả các quốc-gia nhược-tiểu trong vùng Đông-Nam-Á (cũng như cho tất-cả các quốc-gia nhược-tiểu khác) là làm thế-nào để *ra thoát khỏi tình-trạng nhược-tiểu*, ra thoát khỏi sự chi-phối của các siêu-cường trong mục-đích tối-hậu là văn-hội *hòa-bình* chung cho nhân-loại. Bởi vì một khi còn là những quốc-gia nhược-tiểu, chia-rẽ, lẻ-loi, thì còn là những phương-tiện, những dụng-cụ mặc sức cho những siêu-cường thao-túng, lũng-đoạn và khai-thác. Như vậy liên minh quân-sự không thôi, mà lại

chỉ liên-minh quân-sự chống Cộng, chứ không phải là đặt trọng tâm vào sự *phòng-thủ chung chống lại các lực-lượng ngoại-xâm* dưới mọi hình-thức, trong giai-đoạn này của lịch-sử, không phải là một chủ-trương toàn-vẹn có khả-năng giải-quyết vấn-đề căn-bản của các quốc-gia Đông-Nam-Á nói trên.

Chiến-tranh liên-tiếp xảy ra trên các nước nhược-tiểu từ khi cuộc Thế-chiến thứ 2 chấm dứt đến giờ truy nguyên là do sự *thiếu quân-bình* trên cân cân lực-lượng thế-giới : một đằng, các siêu-cường như Mỹ và Nga thì quá mạnh, đằng khác các nước nhược-tiểu thì vừa chậm-tiến, vừa tản mác ra thành quá nhiều nước nhỏ để thành những địa-diểm thử-sức giữa Nga và Mỹ. Muốn giải-quyết chiến-tranh *tận gốc*, nghĩa là muốn cho chiến-tranh không tiếp-tục xảy ra trên lãnh thổ của mình, các nước nhược-tiểu phải kết hợp lại với nhau để trở-thành một *sức-lực đối-kháng* với các siêu-cường một cách hữu-hiệu. Kết-hợp về quân-sự k' ông thôi mới bàn sơ qua cũng thấy là thiếu-sót và sẽ không giải-quyết được gì.

Một Liên-minh kinh-tế có phải là giải-đáp không ?

Thay vì một Liên - minh quân - sự, nhiều chính-khách Việt-Nam và Đông-Nam-Á chủ trương một Liên - minh khác : Liên-minh Kinh-tế. Chủ-trương này phản-ảnh một tinh-thần rất « Tây-học » của phần đông, có thể nói là đến 9/10, các vị khoa-bảng đại-danh của chúng-ta. Các vị ấy hầu hết đều quan-niệm rằng muốn liên-kết một nhóm

quốc-gia trước hết cần phải liên-kết kinh-tế, sau rồi mới nói đến chuyện liên-kết chính-trị, và cần nên *bắt chước* theo những nước ở Âu-Châu mà lập nên một Thị trường Chung Kinh-tế (Marché Commun Economique) như cái Thị - trường Chung của Âu - Châu. Chúng tôi thiển nghĩ ba điều *chính* sau đây để bác bỏ chủ-trương này :

— 1) Trước hết, muốn có thị-trường chung kinh-tế thì phải có sự mua-bán ; mà mua bán là phải có người đi lại để lựa-chọn mà mua-bán. Có đi lại được mới định - đoạt được thị-trường. Hiện giờ bên mình muốn đi mua ở Lào hay Cao-Miên phải xin *visa* bằng 2, 3 tháng mới được, và không phải ai muốn đi là cũng đều xin được visa cả. Trái lại với bên Âu-Châu, người ta đi lại xứ này qua xứ khác không cần đến giấy thông-hành (pas-seport). Hai bên những điều-kiện liên-lạc khác nhau rất nhiều, không thể so-sánh với nhau được. (Đây là chưa nói đến việc Thị-trường Chung Âu-Châu đã thất-bại hoàn-toàn sau mười lăm năm cố-gắng...). Nếu bên mình không có những biện-pháp chính-trị trước, thì làm sao có thể có được sự đi lại dễ dàng để xúc tiến thành-lập thị-trường chung kinh-tế. Mà nếu cần phải có những biện-pháp kinh-tế trước để làm những sợi giây xích móc thị-trường chung vào thì những biện-pháp chính-trị đó, dù mình có đặt cho nó những danh-từ gì đi nữa, nó cũng đã là những bước tiên-khởi của một *Liên-bang Chính-trị* để đi đến cái liên-bang chính-thức.

— 2) Nhưng lý-lẽ vừa viện-dẫn ở

trên chưa đủ để giải-thích nhu-cầu thành hình của Liên-bang Chính-trị trước Liên-bang Kinh-tế. Còn nhiều lý-do khác nữa:

Nếu tạo ra được cái liên bang kinh-tế (Thị-trường chung) trước liên-bang chính-trị, thì ở trong cái thị-trường chung của mình, các quốc-gia Đông-Nam-Á sẽ « thị-trường chung » với nhau những gì? Không lẽ chỉ gạo đổi gạo, gỗ đổi gỗ, đổi nước-mắm, cao-su, cà-phê, chè mà thôi? Về phương-diện phát-triển kinh-tế mình sẽ cần máy-móc v.v. mua ở những nước tiền-tiến kỹ-nghệ. Lẽ-tẽ thì mình sẽ bị các cường-quốc hùa nhau vào làm áp-lực. Gom sức nhau lại, dù là để nói lên nguyên có một cái ý-chí của mình mà thôi, cái tiềm-năng của thị trường Đông-Nam-Á sẽ có thể giúp cho các quốc gia Đông-Nam-Á đối-kháng lại có lợi trước những áp-lực bên ngoài, nghĩa là thi-hành ngay được cái *chính-sách chống-độc-hộ* (politique anti-domination) đối với các cường-quốc. Nói lên được ý-chí kết-hợp thành một liên-bang chính-trị trước tức là đã thủ-thế vững-vàng được để thực-thi chính-sách chống độc-hộ nhằm mục-đích tối-hậu chung sức với nhau làm việc cho sự phát-triển chung của toàn vùng Đông-Nam-Á cũng như của riêng từng mỗi quốc-gia.

— 3) Có biện-pháp chính-trị đi trước, nghĩa là đã vạch rõ được *con đường* sẽ phải đi, lúc đó mình mới có *chiều-hướng* để hoạch-định chính-sách kinh-tế của mình và mới có thể nghĩ đến chuyện thị trường chung để phát-triển kinh-tế được. Trong lịch-sử có

bao-giờ thấy vạch ra được một chính-sách kinh-tế đứng-đắn nếu chưa có một chính-sách « chính-trị » đại-cương tập-thể đâu?

Làm thế nào mà có được độc-lập thực-sự và phồn-thịnh kinh-tế trong khi mà tiền-tệ của mình đương bị những đồng quan, đồng đô-la, đồng mác (mark) chi-phối, đến độ gần như không-hiện-hữu (inexistant) hay vô-giá-trị (sans valeur) trên thị-trường thế-giới.

Muốn cho kinh-tế được trưởng-thành tránh áp-lực của cường-quốc, cần phải có *tiền-tệ độc-lập* (monnaie indépendante) đối với những cường-quốc. Tiền-tệ độc-lập tất-nhiên phải là một tiền-tệ « khỏe » (monnaie forte). Mỗi quốc-gia riêng-biệt trong vùng Đông-Nam-Á không thể có tiền-tệ khỏe. Chỉ nguyên có tiền-tệ liên bang (monnaie fédérale) (của hơn 200 triệu dân-chúng) mới có thể là một tiền-tệ khỏe (căn-cứ vào những kho-tàng thiên nhiên trên mặt đất, dưới lòng đất, dưới biển cả của chúng-ta). Nhưng muốn có một tiền-tệ liên-bang thì *trước tiên* phải có một chính-sách « chính-trị » chung, để phát động một chính-sách tài-chính (politique financière) và một chính-sách kinh-tế chung (*do chính-trị chung mà có*) Lúc đó cái *thị-trường chung* mà các nhà khoa bảng về kinh-tế-học của chúng ta rất ưa chuộng) mới có thể có phần hữu hiệu được.

Còn lại giải pháp Liên-bang chính-trị

Theo ý kiến của một số lớn thân hữu của những người chủ trương một

Liên-bang Chính-trị Đông-Nam-Á thì liên-bang đó sẽ khó lòng có-thể thực-hiện được, nếu không nói là không-bao-giờ thực-hiện nổi ! Chúng tôi không muốn tranh-luận với các bạn ấy, vì đối với chúng tôi đây là một *vấn-đề thuộc về đức-tin* (question de foi), làm thế nào mà bắt buộc các bạn nghĩ khác đi được. Chúng tôi chỉ xin phép khiêm nhường tri-âm cùng các bạn rằng đối với những người chủ-trương Liên-bang Đông-Nam-Á, họ tin-tưởng mãnh-liệt rằng :

— một chính-trị-gia công-chính và cương-ngạnh *cộng với* chân-lý có thể trở thành một đa số, và

— một cuộc cách-mạng xây-dựng bao giờ cũng đem lại kết quả tốt đẹp.

Như vậy đối với chúng tôi, *cái việc* Liên-bang thành hay không thành không còn là một vấn đề nữa. Mà vấn đề *cái* là : *bao giờ* nó sẽ thành, lúc nào nó sẽ thành ? Và chỉ có thể mà thôi.

Sớm hay muộn sẽ do nơi *sự-chí* của các nhà cầm quyền Đông-Nam-Á.

Vấn biết đây chỉ là một sự «tin tưởng» mà thôi, dù là tin tưởng vô-bờ-bến, song bởi vì chúng ta không phải là chính-quyền thì chúng tôi chỉ xin có một lời yêu cầu các bạn như một câu trả lời về thắc mắc các bạn đã nêu ra : «Xin các bạn hãy gắng tin tưởng cùng chúng tôi đi, để nuôi dưỡng sự tin tưởng tập thể cho Nhóm Đông-Nam-Á, chắc-chắn rồi chúng mình sẽ góp phần đẩy lên được nghiệp lớn cho toàn cõi Đông-Nam Á tức là sẽ gián-tiếp cứu nước cứu dân vậy!» Nếu vững vàng tin-tưởng thì Liên-bang

Đông Nam-Á có thể sớm thành hình được. Chúng ta còn nhớ con đường xe lửa nối liền hai nước Pháp-Ý *xuyên qua núi Mont-Blanc*; từ ngày đề ra ý kiến đến ngày thực-hiện trải qua trên 150 năm. Thời gian thực hiện chỉ vỏn vẹn có 2 năm mà thôi ! Sức nọa-trì không phải là do những khó khăn kỹ-thuật mà chính là «lòng người». Song lòng người hiện-giờ tuy là khó song rất dễ uốn nắn. Chúng tôi không cần phải thừa với các bạn nhiều, các bạn cũng thừa hiểu vì những lẽ nào !...

Định nghĩa Liên-bang

Thế-nào là một liên-bang ? Về khoản này chúng-tôi sẽ không dám làm mất thời-giờ của bạn đọc nhiều, bằng cách ôn lại những *nghĩa từ-chương* của nó, hoặc những *nghĩa biến-cách* của nó từ lai đã được thông-dụng. Chúng tôi chỉ quan-niệm như thế này :

Mỗi danh-từ chính-trị, để áp dụng vào một «hiện-tình» nhất định nào đó, cần phải được áp-dụng *theo* và *trong* cái *nghĩa-biến cách mới* nhất đã được đề ra hoặc *cần phải đề ra*, để lấy nó làm căn-bản pháp-lý mà hành-động trong khuôn-khố một *định chế* hợp-thời.

Do đó hai danh-từ nói trên trong viễn-tượng của «Một Liên-bang Đông-Nam Á» mà *Nhóm Đông-Nam-Á* chúng tôi hiện-thời mong muốn hình-thành ra đã được quan-niệm:

1) *Một phần theo* cái nghĩa biến-cách mới nhất đã được đề ra (cf. Institutions Politiques et Droit Constitutionnel, trong bộ mới, và Dictionnaires Diplomatiques) và 2) *Một phần theo* «cái nghĩa mới» cần phải đề ra để lấy đó làm căn-bản pháp-

lý mà hoạt-động (tức là sinh-hoạt) trong khuôn-khổ của một định-chế hợp-thời». Cái *nghĩa mới* này nó hiện nằm trong một cái thể *hiếu-ngầm* (sous-entendu)... bởi vì chúng tôi *thường nghĩ rằng* việc định-nghĩa chính-thức của một *Liên-bang Đông Nam Á* chính-thức sẽ phải do những cơ-quan chính-thức được ủy-nhiệm thành-lập Liên-bang định-đoạt, và chỉ những cơ-quan đó mà thôi. Ngoài ra bao nhiêu những nghĩa đã được đưa ra, hoặc ở một ngày nào khác hoặc ở trong *Tập-san Đông-Nam-Á* (*Les Cahiers de L'Asie du Sud-Est*) do chúng-tôi chủ-trương đều chỉ có sự mạng *gợi ý* mà thôi. Còn chưa nói thêm rằng dù cho đến một ngày nào đó Liên-bang Đông-Nam-Á được thành-hình đi nữa, và cái nghĩa của chữ Liên-bang (Fédération, Fédéralisme) đã được chính thức quy định, thì với thời-gian qua, dần-dần cái «nghĩa sẽ được định-quy lúc đó» sẽ còn phải được, với thời gian (sẽ) qua, liên tiếp biến cách để được mãi mãi thích hợp với thời-cuộc!

« Liên-bang các Quốc-gia Đông-Nam-Á, viễn-ảnh của ngày-mai không có tiền-lệ trong lịch-sử nhân-loại. Quy-chế, quyền-hành, Quốc-hội của nó không nên và cũng thể rập khuôn theo những thí-dụ đã có trước, cũng như không thể được hạn-định trước bằng bất cứ một văn-kiến quốc-tế công-pháp nào. Liên-bang Đông-Nam-Á chỉ sẽ đặt các cường-quốc trước một sự-kiên đã rồi về sự hình-thành của nó, nó sẽ không quy lụy ăn xin cảm-tình của những cường-quốc

này và cũng sẽ không khiếp-nhược trước sự hận-thù tức tởi của những cường-quốc khác », (cf. Trần-Minh Tiết, trong « Une Fédération des Pays de l'Asie du Sud-Est dans une Grande Entente Asiatique, trang 36, Nouvelles Editions Latines, France).

Đây là quan-niệm của chúng tôi về *cái nghĩa cần phải* áp-dụng trước tiên đối với hai chữ « Fédération » và « Fédéralisme » (« liên-bang » và « chủ-trương liên-bang ») trước khi nói đến hình-thức và nội-dung của *cái Liên-bang* mà mình muốn đặt để ra. Chúng tôi cũng xin thừa thêm rằng: một khi đã quan-niệm như thế, người đọc, không cần phải là tác-giả, cũng có thể dễ dàng hình dung ra được thể nào là cái Liên-bang mình đương nói đến và do đó, có thể hình dung ra được những cơ-quan cần phải lập ra để điều hành Liên-bang.

Thay Lời Kết

Về văn-đề luận-diệu bảo nên bắt chước Thị-trường Chung Âu-châu như những quốc gia Âu-châu mà tạo lập ra cho Đông-Nam-Á một Thị-trường Chung trước đã, chúng tôi xin phép thừa thêm rằng: luận-diệu này trước ngày Hội-nghị La Haye tháng 11 năm 1969 thì còn có thể đứng vững được, song từ ngày hội-nghị đến nay nó không còn đủ lý do để tồn tại. Sáu nước Âu-châu hội viên của Thị trường Chung Âu-châu trong hội nghị đã làm tổng-kết của trên 10 năm tích-cực cố-gắng và đã phải nhìn-nhận là Thị-trường Chung của họ *đã là một sự thất-bại khổng-lồ*, và lý-do

của sự thất bại chính là vì *sơ-khởi* họ đã không biết đặt để ra những căn-bản chính-trị, hoạch-định rõ ràng một đường lối chính trị chung để cho những quốc-gia biết họ sẽ đi theo chiều hướng nào. Và thay vì chủ-trương thị - trường chung kinh-tế, từ ngày hội-ngị La Haye cho đến nay, các quốc-gia Âu-châu hội-viên cũ của Thị-trường Chung Âu-châu đã xoay chiều cổ động thành-lập một Liên-bang Âu-châu, nghĩa là cổ động cho sự *kết-hợp chính-trị* (union politique) trước khi đi đến một sự kết-hợp kinh-tế (union politique).

Theo thí-dụ trên, bằng vào sự sũy-sụp của Thị-trường Chung Âu-châu bởi thiếu căn-bản chính-trị sau 15 năm hưng lên sụp xuống nhiều lần, thì khi đến lượt chúng ta muốn đem tâm-trí xây-dựng tương-lai, hà có chúng ta lại còn đại dốt khăng khăng bám vào một kinh-nghiệm đổ vỡ của kẻ khác.

Huống nữa, nếu với cao-vọng góp phần vào trong công-cuộc xây-dựng tương-lai mà chúng ta lại dẫm chân lên một kinh-nghiệm đã thuộc về quá khứ, thì rõ ràng là chúng ta *đương* đi một con đường thuộc quá-khứ, làm thế nào để theo kịp trào-lưu?

Sống bằng cách thừa-hưởng là sống một cách quá ư thụ-động chỉ tổ để cho người khác vượt lên trên mình mãi mãi mà thôi. Nếu chúng ta muốn viết ra lịch-sử, nghĩa là mưu cầu tương-lai huy-hoàng cho dân-tộc, thì nhất thiết không nên để cho kẻ khác viết trang sử ấy thay mình bằng cách nhắm mắt theo gót chân họ mà không có sáng-kiến tự mình.

Chúng tôi mong mỗi các bạn đọc ghi nhận ở những dòng trên những lời lẽ chân - thành nhất của người viết và có điều gì sơ-suất kính xin các bạn bỏ lỗi cho.

HOÀNG-VĂN-ĐỨC

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

VẬT LÝ

Lớp 12 AB Tập 1

Có hướng dẫn các giải toán
Chương trình mới của Bộ Giáo Dục
do hai Giáo sư :

NGUYỄN TRỌNG THI và PHẠM THU soạn
oOo

NGUYỄN TRỌNG THI

*Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Cao Học Vật Lý
Hội Viên Tiềm Ban Cải tổ Chương Trình Vật Lý
Giáo sư các trường Nguyễn Trãi, Nguyễn Bá Tông
Thăng Long, Hưng Đạo.*

Câu hỏi giáo khoa

VẬT LÝ

Tú tài I AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

oOo

Giáo Khoa và Phương Pháp Giải Toán

QUANG HỌC

TOÁN QUANG-HỌC

ĐIỆN HỌC

Lớp 11 AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

Đại Dương xuất bản

Thống Nhất 117 Lê Lợi Tổng Phát Hành

Ánh sáng của Đạo Phật trong đời sống cộng-đồng

(tiếp theo BK số 352)

Kinh tế theo tinh thần Phật-giáo

Nhưng ngày nay người ta không còn có thể nói về chính trị và xã hội mà không nói đến Kinh-tế. Giáo-lý của Đức Phật có thể soi sáng được những vấn đề kinh tế hay không? Và trong một xã hội Phật giáo thì nền kinh tế sẽ tổ chức như thế nào? Sự thích hợp của Phật giáo với đời nay có thể chứng minh được không?

Có một điều mà trước hết tôi nghĩ rằng cần phải minh định là Phật giáo, khác với nhiều tôn giáo khác, không tán dương sự nghèo khó và sự nhẫn nhục. Như ông Ambedkar đã viết : «Tuyên bố rằng sự nghèo là cao quý làm cho tôn giáo bị lệch lạc và có nghĩa là duy trì tội ác và tánh xấu do sự nghèo khổ đem lại». Đức Phật không tán dương, không khuyến khích sự nghèo, không cho sự nghèo là đồng nghĩa với sự trong sạch. Ngài không an ủi kẻ nghèo để họ an phận nghèo. Ngài cho rằng nếu quá khổ về vật chất thì sẽ khó tu cho thành đạo. Đạo của Ngài là Trung Đạo :

«Trước hết hãy biết rằng Đạo của ta ở giữa sự khổ tu và sự sống phù phiếm. Hai cách sống trái ngược

nhau ấy, người đi tìm một đời sống tinh thần phải xa lánh. Đó là hai thái-cực. Một đằng thì là đời sống khoái lạc hướng về sự hưởng thụ, tìm những thú vui và thỏa mãn những dự vọng : đây là một cách sống bản thủ, hèn hạ, phù phiếm, trống rỗng, trái với tinh thần, không xứng đáng với người. Một đằng thì là đời sống khổ hạnh, tự dày ải thực là đáng buồn, đáng thương vô ích và cũng không xứng đáng. Hỡi các thầy tỷ khưu, cả hai con đường ấy, Bạc Đại Tri đã xa lánh từ bỏ : Như Lai đã tìm thấy con đường đi giữa, con đường làm sáng nhơn quang của trí tuệ con đường đi đến An Nghỉ. Đến Toàn Giác, đến Sáng Tỏ, đến Niết Bàn».

Lời dạy của Phật Tồ thực là rõ ràng : Sự nghèo khổ cũng như sự hưởng thụ đều có hại cho việc tìm đạo, nghĩa là sự thực hiện An Nghỉ, Toàn Giác. Chúng ta từ chối nếp sống của Ấn-độ nghèo nàn, cùng cực và chúng ta cũng không chấp nhận nền kinh tế tiêu thụ của Tây Phương thừa mứa và trống rỗng. Vì hai cái hình ảnh ấy đều không xứng đáng với con người và xa vời với Đạo.

Sự nghèo khó là một nguyên nhân xã hội của tham, sân, si. Người nghèo không những sống trong sự khổ sở

vì thiếu thốn, còn bị đau khổ dày vò vì sự ghen ghét, sự thèm muốn và sự dốt nát, hậu quả của cái nghèo. Một nước nghèo hay một lớp người có ý thức giai cấp mà nghèo cũng thế: sự thiếu thốn về vật chất chỉ đem lại những ý tưởng thù hận và những khát vọng tối tăm. Vì thế, người Phật tử hoàn toàn đồng ý với kinh tế gia của Anh quốc, ông Alfred Marshall khi ông viết «Sự khảo cứu về những nguyên nhân của sự nghèo cũng là sự khảo cứu những nguyên nhân suy đồi của một phần lớn nhân loại». Ông nói đến cảnh thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu chỗ ở của một số đông dân chúng ở tỉnh cũng như ở thôn quê nước ông vào khoảng đầu thế kỷ này và nhận định rằng họ «làm quá độ và học bất cập» mệt mỏi và thiếu thốn, không được yên nghỉ và không được thanh thản».

Ước nguyện của các Bồ-tát bắt đầu với sự giải thoát chúng sinh khỏi những thiếu thốn vật chất.

«Qua công đức của tất cả mọi thiện pháp của tôi, tôi ao ước xoa dịu nỗi khổ đau của tất cả chúng sinh, tôi ao ước là y-sĩ và là người nuôi bệnh chùng nào còn có bệnh tật; qua những cơn mưa cho đồ ăn đồ uống, tôi ao ước dập tắt ngọn lửa của đói và khát, tôi ao ước là một kho báu vô tận cho kẻ bần cùng, một tôi tớ cung cấp tất cả những gì họ thiếu, tôi nguyện rằng cuộc sống hiện tại của tôi, và tất cả mọi cuộc thác sinh về sau, tất cả mọi của cải, mọi công đức mà tôi đã thủ đắc hay sẽ thủ đắc, tôi xin từ bỏ

không chút hi vọng lợi lộc cho chính tôi, để sự giải thoát của tất cả chúng sinh có thể được thực hiện».

Một nền kinh tế Phật giáo phải lo giải quyết sự đói, sự rét, sự thiếu nhà ở, sự đau yếu và trước nhất là sự thiếu trường và sự không có công ăn việc làm cho người dân. Đó là những điều kiện tối thiểu cho sự giải phóng con người trong xã hội, những điều kiện vật chất của sự tự do tâm linh. Những điều kiện nhu yếu và tối thiểu ấy phải được thực hiện cho toàn dân một cách đồng đều và công minh.

Nhưng một mặt khác, nền kinh tế trung đạo của Phật giáo cũng không chủ trương sự tổ chức một xã hội tiêu thụ, trong đó những nhu cầu phù phiếm, trống rỗng và hèn hạ được tạo ra mỗi ngày để lôi cuốn cuộc sống của con người vào một luồng gió lốc vô tận. Một hình ảnh tiên tri của cái xã hội tiêu thụ ấy là những nước phú cường nhất của Tây phương ngày nay, trong đó con người sống không an nghỉ, không còn sự tư duy và không có vấn đề tu dưỡng; tham vọng và tình dục trở nên những vị thần mọi ngự trị trọn vẹn trên định mạng của loài người để thay thế cho một Thượng đế mà họ tuyên bố là đã chết.

Đó cũng là một lối sống không xứng đáng với con người. Các nhà tư tưởng đương thời của Tây phương, Scheler, Heidegger, H. Marcuse, cũng đã bắt đầu nhìn thấy sự bế tắc của nền văn

minh vật chất, máy móc đang chế ngự Âu châu và Mỹ châu. Tư bản hay cộng sản đều là sản phẩm của một nền văn minh cơ khí bình tật và đều cùng đề bực con người, nghiền nát con người hủy diệt nhân bản. Những tư tưởng hưởng thụ, hay những hy vọng hưởng-lạc được ném ra cho đám người vong thân ấy để kích động họ dẫn dắt họ, thu hút họ vào một sự sản xuất cuồng loạn và có thể nói là không chủ đích.

Phật giáo chối bỏ sự tổ chức kinh tế chỉ đề hưởng thụ vì lời huấn thị của Đức Thế Tôn là «đưa tới diệt đam mê chứ không đưa tới đam mê, tới siêu thoát chứ không tới ràng buộc, tới sự giảm trừ những của cải thế tục chứ không tới sự tích lũy của cải thế tục, tới thanh đạm chứ không tới thêm muốn, tới viên mãn chứ không tới phiền não...

Xã hội Phật giáo tạo ra là để cho con người có thể thực hiện được sự hướng lên về tâm linh. Thế giới của loài người, thế giới mà sách Phật gọi là sabà (samsara) là một cõi sống do những nhân quả tâm lý và sinh lý sinh ra: trong cái thế giới ấy, sự đau khổ sẽ không bao giờ hết khi con người còn chấp mê, vì những đau khổ ấy chính là do người tạo ra. *Mình làm khổ mình*: đau khổ phiền não có, vì cái thức của mình chưa tỉnh, lòng vọng và sự chấp mê hãy còn quá nặng.

Người làm khổ người: bóc lột, khủng bố, tàn bạo, chém giết vẫn còn

vì lòng tham, chí hận, sự ngu vẫn còn che lấp lương tri và lương năng. Kiếp này làm khổ kiếp sau, vì cái nhân được truyền đi đã được tạo ra và nuôi dưỡng trong sự đam mê và vì tất cả cái môi trường sinh lý xã hội còn duy trì sự ràng buộc và cấu tạo thêm những nhu cầu dục vọng.

Xã hội Phật giáo tạo ra là để cho con người thực hiện được Phật tâm của mình. Con người đây là chúng sanh còn đam mê, còn tình cảm, còn dục vọng và còn đau khổ. Đó chính là chúng ta, là nhân loại. Nếu thực chúng ta muốn hướng lên, thì nền kinh tế mà ta tạo ra phải là một nền kinh tế nhân bản, để phục vụ con người, để giúp con người tiến đến sự minh mẫn trong trí tuệ, sự hân hoan với thiện pháp, sự tự do trong tâm hồn, sự siêu thoát đối với cái vô-thường trong cảnh giới.

Sự làm việc là một điều cần thiết trong nền kinh tế nhân bản Phật giáo, không phải vì tham vọng quyền lực hay phú quý, mà vì sự làm việc chính là một phương tiện để cho con người hướng lên. Làm việc để tự thực hiện, để làm nảy nở cái lương năng của mình, và để trao dồi đức bi-trí-dũng trong tâm; làm việc để khởi sự công việc diệt ngã vì người Phật tử không làm việc cho mình mà làm việc cho người; và sau cùng làm việc để tạo những điều kiện giúp cho tất cả mọi người chóng giải thoát khỏi những nhu cầu vật chất của sự sống để mà tu dưỡng tâm linh.

Sự làm việc không phải không có điều-kiện. Trong một xã-hội tư bản, lấy việc sản xuất và tăng gia thặng dư làm mục đích, thì lao-động bị coi là một món chi tiêu bất đắc dĩ và bất khả kháng; người ta cố gắng giảm bớt sự chi này đi, bằng cơ khí và nếu có thể, bằng tự động nghĩa là cơ khí chỉ huy cơ khí. Cuộc sinh tồn cạnh tranh giữa người và máy, bắt đầu từ lúc Stephenson dùng hơi nước cho chạy chuyển xe lửa đầu tiên ở Anh quốc, đã tạm thời được giải quyết cho người Âu Châu bằng sự nô lệ hóa hơn một tỉ người ở những nước chưa có kỹ nghệ tại Á châu, Phi châu và Nam Mỹ, nên tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc. Sang tới giai đoạn của những máy điện tử, e rằng sự tổ chức đế quốc mới cũng không đủ để bảo toàn sự tự do cho con người ở chính những nước có kỹ nghệ tự động. Ngày xưa thì người ta mua nô lệ, ngày nay người ta bắt các nô lệ phải mua của người ta: sự thay đổi phương thuật làm tăng số người nô lệ gấp ngàn lần và làm tăng những của cải thế tục của giới tư bản gấp vạn lần. Đó là cái viễn tượng của nền văn minh cơ khí để phục vụ sự thụ hưởng.

Cái viễn tượng của văn minh cơ khí trong xã hội cộng sản còn khủng khiếp hơn nữa, vì ở đây không những máy móc vẫn làm chủ con người, mà chính con người và cái xã hội của người cũng bị điều khiển như một cái máy. Cái guồng máy của tổ chức ở đây đã nghiền nát con người. Cơ-cấu cầm tù con

người trong một cái mạng lưới không lối thoát và dày đặc đến nỗi rằng tôi sợ ánh sáng của bất chính đạo cũng không đủ để soi lối cho một người ra thoát. Ở đây, lao động được đề cao, được thần thánh hóa: lao động thành căn bản của giá trị kinh tế, lao động giải phóng con người, lao động đem kẻ lạc đường về chính đạo, lao động là phương thuốc kỳ diệu để đều hòa cá nhân với xã hội, lao động là Đấng Cứu thế! Vì thế toàn dân phải lao động, phải thi đua lao động; phải thành anh hùng lao động; cả nước thành một cái trại khổ lao khổng lồ, trong đó hình phạt nặng nhất là sự mất việc làm, dành cho những kẻ thù của chế độ mà sự khổ sai không cải tạo nổi.

Nền kinh-tế Phật giáo coi sự làm việc là một phương tiện cao quý để phát triển con người và giúp cho con người thực hiện được Đạo. Vì thế, công việc phải có tánh-cách xây dựng chứ không hủy-thề. Sự tổ chức lao động chỉ nhằm vào hiệu năng, dầu là phương pháp Taylor của Mỹ hay quan niệm Stakhanovisme của Nga, là những con đường dẫn đến sự huỷ thề của con người. Một công việc vô nghĩa, một công-việc máy móc, một công-việc cưỡng bách, một công-việc không đem lại được sự tinh tiến và sự mãn nguyện trong tinh thần phải được nghiên cứu lại để có một tánh-chất và một mục-tiêu nhân bản.

Cơ-khí không bị gạt bỏ trên nguyên-tắc, nếu cơ-khí làm công-việc

của cơ-khí mà không lẫn sang địa-hạt công việc của người. Một đấng là những công-việc hướng về sự xây dựng nhân-tính, để giáo dục con người, ở đây, người làm việc với sự khéo léo, với sự xét đoán, với óc sáng tạo, với trí tuệ và tâm hồn, một đấng chỉ là sự sản xuất để tiêu thụ, dựng trên sự nhắc đi nhắc lại hoài hoài một động-tác hay một chuỗi động-tác không thay đổi, trong một nền kinh tế chỉ huy có tính-cách nhân-bản, sự sản xuất do bàn tay người làm phải được coi là chánh-yếu. Máy móc phải được tập trung và được quản trị, để không thể xảy ra trình-trạng máy cướp công việc và tước bỏ cái quyền làm việc để tự phát triển của người. Vấn đề phải được đặt ra cho toàn quốc và trong lâu dài để thích hợp với những nhu-cầu của sự tiến-bộ.

Bởi vì thực ra cơ-khí và kỹ-thuật tự nó không có hại, và nếu khéo xử dụng thì có thể là những động-lực rất lớn để giúp cho sự giải thoát con người. Sự hiểu biết về gió mùa vì sự phát minh ra cánh buồm đã cho phép sự giải phóng những nô-lệ cột dưới các hầm tàu để đầy mái chèo; sự áp dụng cơ-khí trong nghề nông sẽ thay đổi đến cội rễ những xã-hội cổ truyền còn duy trì chế độ nông-nô cho tới ngày nay. Cơ khí và kỹ thuật phát nguyên từ khoa-học, mà khoa-học chính là những xây dựng của trí tuệ tìm hiểu những định-luật thiên nhiên; khoa học giải thoát được loài người khỏi những cái sợ truyền kiếp trước các hiện-tượng; khoa-học đặt lại một số vấn-đề

tôn-giáo và phá tan sự mê tín để tôn-giáo có thể trở lại với loài người sau khi đã rút hết những điều mờ ám, những sự mê hoặc và những lời đe dọa. *Phật-giáo trong căn bản, chẳng những không đối nghịch mà lại còn chấp nhận một cách dễ dàng những nguyên lý khoa học*, Phật-giáo cũng không phản đối trên nguyên tắc sự áp dụng kỹ thuật vào đời sống kinh tế. Chỉ khi nào kế hoạch phát triển kinh tế bằng kỹ thuật phạm vào nhân bản và hủy hoại đời sống thì mới có một sự đối nghịch với giáo lý.

Ngay từ ngàn xưa, công-nghệ và thương-mại vẫn là những nghề nghiệp được khuyến khích trong Phật giáo vì tính cách trọng sinh và vô sát của những nghề ấy. Nghề chăn nuôi lớn, trái lại, không phát triển được trong những khu vực theo Phật giáo. Ngư-nghiệp và nông nghiệp được dung dưỡng đến một mức nào cần thiết cho sự sống, và ta cũng thấy trong một vài chuyện của Phật giáo sự tịch cốc để chuyển sang những thức ăn thực - vật khác là một điều được khuyến dụ bởi các nhà sư. Ảnh hưởng của Phật giáo trong sự sinh hoạt kinh tế do đó có thể có một tính cách tiến-bộ.

Trong đời sống kinh tế phức tạp ngày nay, lẽ tất nhiên *Phật-giáo vẫn chủ trương thúc đẩy khu vực thứ hai và thứ ba, nghĩa là công-kỹ-nghệ và dịch-vụ*. Nhưng không phải đến cái mức phạm đến nhân quyền hay nhân phẩm, và không quá đáng đến nỗi tạo ra sự bất công và bất ổn

định trong xã hội. Vì coi rằng tất cả thế giới vật chất đều vô thường nghĩa là có sinh có tử, nên có thể hiểu rộng giới-luật thứ nhất của Đức Phật là «không được giết hại» một cách còn rộng hơn nữa. Trong sự sử dụng năng-lực lấy của thiên nhiên, sức nước, sức gió là những nguồn năng lực vô tận phải được chế ngự trước. Sự xây đập, sự biến thủy-lực thành điện-lực không làm hại đến thiên nhiên như sự khai-thác than đá, dầu hỏa, uranium, là những việc làm có tí h-cách bạo-hành, xung-kích. Chính những sự này lại tạo ra nhiều sự bạo-hành khác, trong đó có những chiến-tranh giữa các quốc-gia và các giai-cấp. Chủ trương kinh tế của Phật giáo không tán đồng những sự khai-thác quá độ và thiếu dè dặt những nguyên-liệu có giới-hạn của thiên nhiên. Trong tinh-thần của Phật-giáo, còn phải bồi dưỡng cho thiên-nhiên bằng cách trồng những cây ăn quả và cho bóng mát ở khắp nơi. Chúng ta ngày nay đều biết rằng những «không-gian lực» chính là những đảm bảo cho sự thanh khiết của không khí mà ta thở, cho sức khỏe của chính ta và con em ta, vì lục-diệp-tổ của lá cây tạo ra dưỡng khí.

Đi sâu hơn nữa vào những chủ-trương kinh tế theo giáo-lý của Đức Phật sẽ phải bàn đến những vấn-đề tư-bản, quản trị, tổ chức thị-trường, phân phối sản-phẩm, mức sống hợp-lý cũng như những điều căn-bản về xã-hội tương-lai, sự công bằng và an-ninh xã-hội, sự quân-bình giữa tỉnh-thành và thôn-quê, sự điều hợp

các tầng lớp nhân dân, sự tổ-chức giáo-dục ; v.v . Thời giờ không cho phép chúng ta đi sâu vào trong những vấn đề trọng đại ấy.

Lập-trường hòa-bình của Phật-giáo Việt-nam

Nhưng có một điều mà tất cả chúng ta ở đây đều tự hỏi, là : trong lâu dài và nếu có hòa-bình ở thế gian, thì sự thành hình của một xã-hội Phật-giáo có lẽ có thể giải quyết được rất nhiều vấn-đề của thời-đại này ; nhưng, liệu trong hiện-tại, Phật giáo có đủ sức để giữ được một khu nhân gian trước những sự xung kích của các thế-lực khác và nhất là của hai cái thế-lực tiêu biểu cho tư-tưởng thuần lý của Tây-phương là Cộng-sản và Tư-bản hay không ?

Phải thú nhận rằng trong lịch-sử loài người, chưa bao giờ chúng ta thấy những thế-lực mạnh mẽ và tinh vi như ngày nay, mà Phật-giáo thì đã tàn lụi đi nhiều lắm, từ lúc mà cuộc nổi loạn Thái-Bình Thiên-quốc dưới đời Mãn Thanh giết sư đốt chùa đã mở màn cho sự tràn ngập của các Đế-quốc Âu-châu vào Đông-phương thanh bình.

Sau khi mất Ấn-độ, Đạo Phật chỉ còn lại dưới những hình-thức không còn thuần túy và ít nhiều pha những sắc-thái của những dân-tộc theo về Đạo-pháp. Phật-giáo đã đóng góp rất nhiều cho những quốc-gia trên đó Đạo đã nương nhờ : văn-hóa, chính-trị, xã-hội của tất cả Á-đông đều đượm màu Đạo-pháp ; nhiều trang sử oai hùng đã được viết thành bởi

những vị vua Phật-tử. Nhưng cũng có những lúc mà tính-cách nhân-loại của Đạo Phật đối nghịch lại với những chủ-trương quốc-gia cực đoan và hẹp hòi. Trong những thời Pháp-nạn ấy, Đạo Phật đã bị đàn áp dữ dội nhưng tiềm-lực không bao giờ tiêu tan và chẳng bao lâu lại khôi phục lại được.

Nhưng tình thế ngày nay rất là khắt khắn. Các thế-lực quốc tế đều hiểu rằng Đạo Phật có thể là một sức mạnh tinh thần đáng kể trong các quốc gia và trong khu vực này. Áp dụng những sách-lược mà họ đã dùng ở Ý, ở Pháp, để lung đoạn các cộng-đồng Thiên-Chúa-giáo với những thành công lớn, họ cũng xâm nhập Phật-giáo: Tư-bản thì lấy tiền-tài quyền-thế mà lung lạc những Phật tử, rất đông, hãy còn tham-vọng của cải trên thế-gian; Cộng-sản nguy hiểm hơn, đã lợi dụng ngay những sự ao-ước chánh-đáng của Phật-tử mà len lỏi vào hàng ngũ Phật-giáo để phá hoại, vì còn rất nhiều mập-mờ căn-bản tồn tại trong tâm-thức của nhiều Phật-tử.

Trong một giai-đoạn sau nữa, nếu vị sự không may của lịch-sử mà quốc-gia này không bảo vệ nổi được nền độc lập nhỏ nhoi của mình, thì Phật-giáo có lẽ lại thu mình như cả dân-tộc để chờ ngày quật khởi lại; nhưng nếu Cộng-sản mà là kẻ chiến thắng, thì Phật-giáo sẽ bị đàn áp và bị bắt buộc đồng hóa với xã-hội duy-vật chủ-nghĩa mà tiêu diệt vĩnh viễn.

Bởi vậy nên Phật giáo, trong lúc

này, hoàn toàn đứng ở lập-trường dân-tộc để kêu gọi tất cả dân-tộc cảnh tỉnh lại và hồi tâm.

Cuộc chiến-tranh hiện tại đã đến lẽ của sự diệt chủng. Những cảnh thương tâm và đau đớn cho thể xác cũng như tinh thần, diễn ra ở khắp nơi trên đất nước. Chẳng những là chết chóc, tàn phế, tật bệnh, đói rét, phá hoại, chia lìa; văn hóa thì đời truy và bị dày xéo; cả một lớp thanh-niên lạc lõng vì bị che mắt, bị lừa dối, hay bị đàn áp, bị hy sinh; đạo cũng phân tán và bị lôi cuốn vào những cơn gió lốc của chánh-trị mà lấm bần.

Cho dầu vì một nguyên cớ nào đó, tại Hoa-thịnh-đốn, tại Mạc-tư-khoa, tại Ba lê, tại Luân đôn, các cường-quốc lâm chiến bằng khí giới hay bằng ngoại giao, bằng người hay bằng của, quyết định rằng ngưng chiến, mà sự ngưng chiến tức khắc và thực sự có đến với ta đi nữa, thì tất cả sự thù hận cũng vẫn còn, sự bạo hành cũng vẫn còn, sự đau khổ bởi chia ly, bởi thiếu thốn, bởi tàn bạo, bởi trôi buộc, bởi ngu tối cũng vẫn còn, và không có một cái gì được thực sự giải quyết cả.

Bởi vậy, mặc dầu rằng yếu ớt và không có kinh nghiệm đấu tranh, Phật giáo Việt-nam cũng đã phải nhập thế càng ngày càng nhiều hơn. Lấy đức bi-trí-dũng làm tinh thần, lấy bát chính đạo làm phương-châm, nguyện theo bồ-tát-hạnh để phổ độ chúng sinh, Phật-giáo theo tiếng gọi đau

thương của dân-tộc Việt đã hai lần chánh thức và thực sự bước vào trường chánh-trị: lần đầu tiên là đề đòi quyền tôn kính Đức Thế-Tôn, và qua sự đó, đề tranh đấu cho *nhân-quyền*. Ngọn lửa thiêng của Thích-Quảng-Đức đã làm sáng rực cả một cõi Đông-Nam-Á và đánh thức lương-tâm của cả một đại-cường-quốc ở bên kia Thái-bình-dương. Phật giáo bị đàn áp dữ dội, nhưng toàn dân, *kể cả những người Công-giáo*, đã vùng dậy mà đòi quyền sống làm người. Lần thứ hai, Phật giáo lại vào đòi đề đòi một Quốc hội, tượng trưng cho *dân-quyền*. Lại một lần nữa Phật-giáo bị đàn áp, bị chia rẽ, nhưng một Quốc-hội và một Hiến pháp cũng đã được đặt ra và còn là cái điểm tựa vững chắc nhứt của chánh-thề miền Nam này trên trường Quốc-tế. Trong cuộc chiến-tranh ý-thức-hệ, sau hai lần Phật-giáo lấm bùn, ngày nay chúng ta đã bắt đầu có một chỗ đứng. Con đường đi đến một xã-hội lý-tưởng còn dài và còn tối tăm, nhưng một chút ánh sáng đã le lói để cho ta có thể hy vọng.

Trong sự đòi hỏi những tiến-bộ xã-hội và dân-chủ hợp với giáo lý của Đức Phật và với nguyện vọng của dân người cho mảnh đất bị tàn phá này, Phật giáo bị coi là đối lập với chánh quyền. Sự thực ra, Phật giáo không đối lập với ai hết; sự đối lập là một thái-độ trái với triết-lý của Phật-giáo từ trong căn-bản. Cộng-sản cũng coi Phật-giáo là một sức mạnh tinh thần đối lập

và cũng đem tất cả cái sức mạnh vật chất của tồ-chức đảng ra mà bóp nghẹt Phật-giáo chân-chính ở những khu-vực mà họ đã làm chủ: vì họ cũng hiểu rằng con đường Đức Phật đã chỉ cho nhân-loại, con đường có những giới-luật cấm bạo động, cấm chiến tranh, cấm lấy của người khác, cấm tranh giành, cấm đề cao cá-nhân, con đường diệt tham-vọng, diệt hận-thù, diệt ngu-tối, diệt vọng-ngữ, con đường tinh thần tối thượng của Đạo Phật, không thể đi đôi được với chủ-trương của duy-vật chủ-nghĩa. Bất chính đạo cũng như thuyết Trung-quán và nhứt là lòng tôn kính sự thật của người Phật-tử không thể nào chấp nhận cái nguy-biến-chứng Mác-xít. Nhưng Phật-giáo không đối lập; đối lập là một thái độ tiêu cực và nhứt thời. Lập-trường của Phật giáo là một lập-trường tích cực, rút từ cốt tủy của giáo-lý; không phải chỉ lấy trí mà suy luận, còn lấy lòng từ bi mà hiểu và làm. Trong giáo-lý của Đức Phật, đã có tất cả những yếu-tố của một ý-thức-hệ, một bản-thề-luận, một luận-lý-học, một biện-chứng-pháp, một sử-quan, một đạo-lý, và cả một Praxis cho những người muốn có ngay một phương-châm hành-động, nhưng Đạo Phật không phải là một ý-thức-hệ, một sử quan hay một Praxis đề tranh dành với thế gian.

Trong hiện-tại, trọng-tâm của lập-trường Phật-giáo là sự xây-dựng hòa-bình. Hòa-bình là cái ước-vọng lớn nhứt của nhân-loại ngày hôm nay. Những khí giới hạt-nhân và sinh-lý

không cho phép gây chiến tranh, không cho phép kéo dài chiến tranh, không cho phép có những đe dọa chiến-tranh ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Chính chiến tranh Việt-Nam, dài đã một phần tư thế kỷ, phải chấm dứt. Lương tâm của tất cả thế giới cũng đã bắt đầu hướng về hòa bình. Và tất nhiên, *Phật-giáo chủ trương hòa bình*, chẳng những vì *không có một tôn giáo chân chính nào không chủ trương hòa bình trong loài người*, mà còn vì rằng, theo tinh thần giáo lý của Đức Phật, *chiến-tranh là kết quả của lòng tham sân si lên đến tột độ*, chiến tranh làm mờ ám nhân tâm, chiến tranh làm mờ ám sự thật, chiến tranh là hình ảnh ghê gớm nhất của sự vô thường, chiến tranh tạo chiến tranh một cách luân hồi vô tận. Trước giáo-lý, không có chiến tranh phải và chiến tranh trái, như người Mát xít chủ trương. Tất cả các chiến tranh đều tàn phá con người, tàn phá văn-hóa của con người, tàn phá chánh-đạo có thể cứu được con người. Nền hòa-bình của Phật-giáo cũng không phải là hòa-bình với bất cứ giá nào như người ta nói, mà là hòa bình xây dựng trên lẽ phải và công - lý, hòa - bình trong tình thương, hòa-bình từ tâm-thức, hòa-bình thỏa thuận từ trong chứ không phải hòa-bình quyết định từ ngoài.

Nhưng bằng cách nào có thể tạo lập lại được hòa bình ?

Giáo hội Phật-giáo Việt nam đã đưa ra hai đề-nghị : về nguồn và hóa giải. Đây không phải là những

đề nghị để đem ra bàn cãi trên một bàn hội-nghị, mà chỉ là những điểm trên một đường lối mà Phật giáo Việt nam dâng lên cho dân tộc, với ước vọng là sẽ cởi được một mối thù phi-lý giữa hai miền Nam Bắc.

Về Nguồn nghĩa là trở lại với dân tộc, và nhận lại một sự thực đã bị mờ ám trong cuộc tranh-chấp hiện tại, là Nam hay Bắc cũng đều là người Việt-Nam, và hơn nữa, cũng đều là người cả. Về nguồn, là phá bỏ tất cả những chiêu bài đã được đặt ra để nuôi dưỡng sự thù hận, và làm sáng tỏ lại cái ước mong đầu tiên của dân tộc, là độc lập và thống nhất.

Hóa giải là một điều khó diễn ra hơn. Hóa giải, không phải là hòa giải vì sự hòa giải chỉ có tính cách tạm bợ và vẫn để mọi vấn đề tranh chấp nguyên vẹn như cũ. Sự hóa giải trước hết là sự giảm bớt những sự khác biệt giữa đôi bên, và hủy bỏ những lý do tranh chấp ; rồi sau đó sự tranh chấp sẽ tự nhiên tiêu tán.

Cả sự về nguồn và sự hóa giải đều đòi hỏi rất nhiều tinh thần tự-giác ở cả hai bên. Bao nhiêu năm chiến tranh bằng súng đạn và bằng những khí-giới tâm-lý đã che kín sự thực trước mắt những người lâm chiến : người nào cũng chỉ nhìn thấy đồ ngẫu, vì chính mắt mình đã đỏ với máu sân-hận và mê-si, mà không biết. Làm thế nào để phá bỏ được những chấp trong tri-kiến của những người lãnh đạo, để gieo vào đó một hạt giống nhỏ của trí tuệ và từ-tâm,

và đưa họ trở về với lập trường thực của dân tộc ?

Sự về nguồn và sự hóa giải thực là con đường lý tưởng để kiến tạo hòa bình cho dân tộc. Nhưng đó cũng chính là điều mà người ta trách Giáo-hội Phật-giáo : những đề-nghị của Giáo-hội quá lý tưởng, quá xa-vời với những thực-tế chính-trị, và vì thế sẽ không thể nào thực hiện được. Trước lập-trường đã phát biểu của Phật-giáo, quốc-tế vẫn im lặng vì chỉ biết đến những sức mạnh đối diện mà không cần biết đến tiếng nói của kẻ yếu. Chính quyền Miền Nam thì nghi ngờ sự thực tâm và trung lập của đề nghị. Chính quyền Miền Bắc thì gạt bỏ, vì không có cách nào để lợi dụng. Còn Phật-giáo miền Bắc, bị quản thúc từ lâu, cũng không dám hưởng-ứng.

Nhưng nghĩ cho đến cùng, thì ngoài con đường ấy ra, có còn cách nào để giải quyết được cuộc chiến tranh hiện tại ? để cứu được cái dân-tộc nhỏ bé nhưng oai hùng này khỏi nạn diệt vong ?

Trong thực-tế của đất nước, thì trước hết phải có một sự nhận định về sự vô ích và sự phi-lý của tất cả những sự đau khổ mà chúng ta, người Việt-nam, đang phải chịu. Ở cả hai bên, đề tay lên trên trái tim mà nói, bên nào dám nhận rằng cuộc chiến này là của dân tộc, để bảo vệ sự độc-lập và nền văn-hóa của dân-tộc ? Bên nào dám nói rằng không có

một sự chỉ-huy từ bên ngoài ?

Ngay trong lúc này, con đường hòa-bình của Phật-giáo quả có phần không-tưởng thực. Nhưng ít ra con đường ấy cũng là một tiếng nói trung-thực của những người Việt-nam bé nhỏ, không liên-kết với một thế-lực ngoại bang nào. Con đường ấy không tưởng, cũng như tất cả các nguyện-vọng của chúng ta về "tự-do", "công-bằng", "đại-đồng" "bình-đẳng," những ước mơ của nhân loại về một thế-giới "liên-hiệp trong hoà-bình để tiến-bộ." Phát biểu bởi tôn-giáo có một lịch-sử cổ nhất và hoà-bình nhất trong tất cả các tôn-giáo nhân-loại, những lời đề nghị này có thể là không-tưởng, vì nó chứa đựng những nguyện-vọng thâm sâu nhất của con người là được về nguồn và hoá-giải mọi sự khổ đau.

Nhưng cũng chính vì thế mà chưa chắc gì là lời đề nghị của Phật-giáo Việt-nam đã không-tưởng đến thế. Nếu, bên lề của chiến-trận, vẫn còn những người mà trí-tuệ và từ-tâm chưa bị mờ ám, mà tình yêu dân-tộc còn ở trên những sự độc-đoán của các ý-thức-hệ, thì một ngày nào đó không xa lắm, sẽ có thể có một sự kết-tụ lan rộng trong dân chúng để buộc cuộc chiến phi-nhân này phải ngừng lại ; và sau đó chúng ta sẽ có thể thực sự bắt tay vào việc xây dựng lại con tàu để đưa ta ra khỏi những bờ sông đất sũng đầm ao mà đi ra biển cả, tự-do và trong - sáng.

TRẦN NGỌC NINH

(Phật Đản 1970)

Con người và tính hiếu chiến

Hiếu chiến phải chăng là một di-sản văn-hóa?

Hay là một đặc-tính di-truyền, một ác tính bẩm sinh?

(Tiếp theo BK 352)

Vấn-đề chinh-phục con người, do đó, đã trở thành một mối quan-tâm hàng đầu đối với những giới đã ý-thức được đại-họa gần kề. Cũng như Eiseley đã nói trên kia, cái bóng quái gở ấy không những theo dõi bước chân của chính khách, mà còn nằm ngang ngưỡng cửa của các phòng thí-nghiệm trên thế-giới này. Chính-khách có thể còn cố thủ với niềm tin ở túi Kinh-luân, còn cho những ảo-vọng chính-trị huy-hoàng, ngoạn mục là thực hơn mỗi đe dọa do hình bóng quái vật gây ra. Nhưng các giới bác học, còn đầy đủ lương tâm, nhất là những giới đã trực-tiếp hay gián tiếp vì cái nứng thích khám phá, vô tình đặt vào tay loài người những sức mạnh hủy-diệt kinh-khủng, thì không thể còn đứng-dưng với những hậu-quả khốc hại khôn lường đang xảy ra trước mắt và sẽ còn xảy ra lâu dài về sau. Cái bóng quái gở ấy lẻo đẻo theo họ và ám ảnh không ngừng. Vốn cũng thuộc về cái giống giàu có trực-giác như nghệ-sĩ, nhà bác-học hẳn phải nhận thấy giấc mơ cao quý của mình đang biến thành ác-mộng, và, trong đó, có gì khiến họ Phải tự thâm xé, với tất cả run sợ,

về những kỳ công của chính mình, trước một thứ ảnh tượng, như thứ ảnh-tượng mà thi-sĩ Eberhat đã khéo gọi ra :

«... Bây giờ sinh-vật nhỏ-nhỏi đó, trong một cơn điên cuồng

«Như một đứa trẻ sơ-sinh kêu gào với một tên gian trá

«Phản-đối với tất cả hoàn-cầu

«Và hẳn mưu mẹo lấy đà tung lên

«Những mảnh kim-khí ra ngoài quỹ-đạo của Nhân-loại.

«Beethoven nắm chặt bàn tay đưa vào mặt Tử-thần

«Một phẩm cách vĩ đại của con người,

«Chỉ là một con số không trước sự điên cuồng khốn-nạn của kim khí đó... (1)

Chính cái hậu-quả này mới đáng hãi hùng ! Một Beethoven. Một nắm tay dí vào mặt tử thần. Một phẩm-cách vĩ-đại của con người. Không, không, chỉ còn có một con số không trước mắt. Vấn đề chinh-phục con

(1)— Con người hiện đại dưới mắt của một nhà theo tiến hóa-luận (An evolutionist looks at modern man) — Loren Eiseley Tạp chí Hương-xa. (Bản dịch).

người không thể còn chần chờ được nữa. Và vấn-đề đặt ra lần này không còn phải chỉ là ngăn chặn những khối óc có thể bốc đồng quyết-định tung bom nguyên-tử, kiềm chế những bàn tay có quyền bấm nút để tạo ra một trận tung nỏ cuối cùng. Cần phải đào sâu hơn vào cội rễ. Cần phải triệt hạ cho được kẻ thù của chính con người, phải thanh toán cho bằng được cái hình bóng quái gở nói trên, nghĩa là cần phải triệt-tiêu cho bằng được bản tính hiếu sát, hiếu chiến đang hành-sử, lung lạc con người. Lại cũng do thiện ý và sự nhận định như vậy, các nhà bác học tỏ ra quan-tâm hơn trước đối với những công trình nghiên-cứu khám-phá nhằm chủ-đích chinh-phục con người, và đã có những cuộc tranh luận về đề-tài nêu trên.

Một lối đặt vấn-đề như vậy, mới xem qua và xét theo cái tính cách khàn-trương của tình-thế, thì quả có vẻ xa xăm, mơ hồ. Tuy nhiên, đã suy nghiệm kỹ, chẳng phải là không xác đáng. Chúng ta cứ thử tưởng-tượng một thế-giới không có bom nguyên-tử không còn vũ khí hạch-tâm đề mà mất ăn, mất ngủ, nhưng trong thế-giới đó, con người lại cứ sống mãi với những quả tim cạn rốc tình người, những quả tim sôi sục máu căm hờn, hiếu sát, những tâm hồn ướp lạnh bởi những lớp băng giá hận thù, kỳ thị đóng dày chung quanh, và, trong thế giới đó, ai nấy đều có nhiều may-mắn như nhau để đón nhận cái "số-phận anh Pháo-binh" của Jarrel :

«... Cách mặt đất sáu dặm và rời bỏ được giấc mộng đời,

Tôi thức tỉnh trước khẩu súng phòng không đen sì và những chiến-sĩ của ic-mông.

"Khi tôi chết, người ta bơm nư¹ vào để xác tôi trôi ra khỏi chòi súng (1)

Một thế-giới như vậy quả là sâu lạnh, ảm-đạm hơn một nghĩa-trang nặng-nề âm-khí. Một thế-giới như vậy còn đáng hãi-hùng, ghê rợn hơn là cõi Tử, hơn cả Thập-điện, A-m²

Nhưng còn đề-tài tranh-luận ? nêu vấn-đề tranh-luận như trên có chính-xác hay không ? có cần-thiết không sự giải-quyết vấn-đề hay không ? Phải nói là riêng ở điểm này có gì đáng cho chúng ta phải nghĩ ngợi nhiều, và dù mỗi quan tâm của giới bác-học đối với sự-mạng cứu nguy nhân-loại có đáng cho chúng ta thần-phục, mong cầu đến đâu, vấn-đề vẫn cần xét lại

Bởi lẽ đề-tài tranh luận đã được chọn do từ một định-kiến không mấy chính xác, theo đó, loài người vốn có một quá khứ sinh-vật lâu dài và tính hiếu chiến, vốn bắt nguồn từ cái quá khứ ấy, phải là một đặc tính di-truyền, bẩm-sinh, mà đã là một đặc tính bẩm sinh thì khó mà diệt trừ được nó.

Đáng kể nhất trong số những người tin quyết như vậy là hai nhà bác học Konrad Lorenz và Robert Ardrey. Cả hai ông đã căn cứ vào những kết quả khảo cứu của chính mình về phong tục loài vật để cho

(1)— Recent american poetry (Thơ Mỹ hiện đại) — Karl Shapiro, bản dịch của tạp chí Hươu-gà-xa.

(2)— —id— —id—

rằng : chuyện đánh nhau là một bản-tính thường thấy biểu lộ ở hầu hết những loài vật thông-minh cao-đẳng và ở ngay chính loài người chúng ta, vì chúng ta thừa-kế bản-tính đó. Cũng cùng một quan-điểm này, nhiều nhà sinh-vật học quả quyết rằng : *hiếu chiến đã là bản-tính thiên-nhiên thì chiến-tranh không thể nào tránh được.* (1)

Đề phi bác quan-điểm và những lập luận trên đây, một số các nhà bác học khác cũng bỏ nhiều công phu khảo cứu phong-tục loài vật, trong phòng thí nghiệm và cả trong môi-trường thiên-nhiên, nhằm chứng-minh ngược lại. Quyết-liệt nhất là bà Sally Carrighar. Nhà sinh-vật-học này đã đưa ra nhiều bằng chứng, thu thập qua 30 năm trời nghiên-cứu, và đã bác bỏ lập luận của Lorenz và Ardrey như sau : « ... Không có gì có thể nuôi dưỡng mãi thái-độ hiếu-chiến của loài người một cách hữu-hiệu bằng lòng tin tưởng tính ưa gây hấn là một đặc-tính di-truyền. Một di-sản văn-hóa có thể bị tẩy trừ một cách dễ dàng và mau lẹ nếu đừng có ai hoan nghênh nó, nhưng trong khi người ta tin tưởng rằng tính ưa gây hấn là một bản-năng bẩm-sinh của chúng ta như Ardrey và Lorenz đã tuyên-bố thì lấy ai là người đứng ra làm công việc bài trừ nói trên ». (2)

Thiện-chí, thái-độ và công khó của bà Carrighar cũng như của các nhà bác-học cùng quan-điểm với bà rất đáng cho chúng ta cảm-phục. Nhưng dù sao, khi đã xét đến cùng, chúng

ta nhận thấy lối đặt vấn-đề như vậy có gì bất ổn. Nếu những kết-luận của hai ông Ardrey và Lorenz là quá vội-vàng, thiếu thận-trọng, thì ý-kiến và lập luận của bà Carrighar cũng có gì khiến cho những thường nhân như chúng ta, vốn đã khiếp hãi nhiều vì cái hình bóng kinh-khủng nói trên, càng phải lo âu, thấp thỏm.

Vì tuyên bố như bà Carrighar thì hóa ra, nếu những cuộc thí nghiệm, khảo cứu chứng minh được một cách quả quyết rằng tính hiếu-chiến là một đặc-tính di-truyền, một bản-năng bẩm sinh thì chúng ta đành phải nhìn nhận chiến tranh là một chuyện không thể tránh được hay sao ? Và khi tuyên bố như vậy thì, vô hình-trung, chính những người như bà Carrighar, — những người muốn phi-bác thuyết cho tính hiếu-chiến là bản-năng — cũng tỏ ra như đối-phương, chưa thoát được cái định-kiến, theo đó, những gì là ác-tính bẩm-sinh thì con người đành phải đầu hàng. Rõ ràng là cả đôi bên đều vướng vào tình-trạng sa lầy trong cái quá-khứ sinh-vật để khi cần giải-quyết một vấn-đề thuộc về người, của con người, lại đặt nó trong khuôn khổ hoàn-toàn sinh-vật. Và đó là một điều tối kỵ đối với các nhà khoa học theo tiến-hóa luận chân-chính hiện nay.

Vẫn đành rằng, hiện nay, quá khứ sinh-vật của loài người quả là một sự

(1) — (2) — Chiến-tranh không phải là đặc-tính di-truyền — Sally Carrighar, Vũ-mạnh-Hoàng dịch, Tạp chí Đối Thoại, số 8-71.

kiện khó thể phủ-nhận và không nên phủ-nhận. Ngoài một hiện hữu sinh-lý, chúng ta, cũng như cả chúng loại nữa, còn mang theo một quá khứ sinh-vật rất dài lâu dài. Đi sâu vào cuộc đại-hóa, người ta phải nhìn nhận cái sự kiện như François Jacob đã nói sau đây : «... Mọi cơ-thể, dù là thể nào, cũng gắn liền một cách khăng khít, không những chỉ với cái không gian bao bọc chung quanh, mà cả với cái thời-gian đã đưa nó tới đây và tạo ra cho nó một chiều thứ tư» (1). Như vậy mỗi vật sống hiện có trên tinh-cầu này không phải chỉ có ba chiều mà có bốn. Ba chiều trong không-gian và một chiều thời-gian. Cái chiều thứ tư ấy lại kéo dài qua suốt cả một cuộc tiến-hóa sinh-vật, một chuỗi chuyển-hóa hình-thái cực kỳ dài dặc : «Chúng-loại người, từng tách rời khỏi đám tiên thú cách đây hàng trăm thiên niên kỷ, là sự thành-tựu của một chuỗi dài dặc những cơ-thể kế tục liên tiếp từ cội nguồn của sự Sống, nghĩa là từ hai tỉ năm về trước. Cũng như bất cứ chủng loại nào khác, nó đã được hình-thành bởi một loạt những đổi thay xảy ra trong bản chất di-truyền của các lớp tổ-tiên» (2). Và ngộ hơn, cái quá khứ dài dặc ấy không phải đã qua đi, không phải đã biến mất, mà vẫn còn ẩn-tàng, tiềm-phục, theo một cách thể rất là huyền-diệu ngay trong bản-thân của mỗi vật-sống, trong cơ-cấu của mỗi chủng-loại tạo-sinh, vì lẽ : «...Dù là một cơ-thể nhỏ mọn, một tế-bào nhỏ mọn, một phần-tử protéine nhỏ mọn cũng là thành quả của một kinh-nghiệm được tiếp tục không ngừng qua những hai

tỉ năm trời» (3). Chính cái chiều thứ tư ấy nó còn tiết lộ rằng, xét về nguồn gốc, sự phát-hiện của sự Sống được coi như là một biến-cố, nếu không phải chỉ xảy ra một lần vào thuở tạo thiên lập địa mà thôi thì cũng xảy ra một cách rất hiếm hoi, và tất cả sinh vật hiện nay đã bắt nguồn từ một tổ-tiên chung hay từ một số hình-thái nguyên-thủy rất ít-ỏi (4). Không phải chỉ một khoa-học đơn độc nào đó đã khai-minh cho chúng ta những bí ẩn này. Rất nhiều khoa-học, với những đường lối khảo-cứu riêng biệt, với những phương-pháp, phương-tiện khác nhau, đã cùng đưa ra những bằng chứng khá xác thực về cùng một sự thật. Không phải chỉ có những biện-chứng của Cổ sinh-vật-học, mà còn có rất nhiều biện-chứng của nhiều khoa học khác : của sinh-vật-học, của động-vật-học, của thê-học, của giải-phẫu đối chiếu, của sinh-hóa-học, hình thái-học, thai-sinh-học, di-truyền-học, v.v.. Soi sáng một cách cụ thể, rõ ràng nhất là Thai-sinh-học. Chỉ cần đối- chiếu một cái thai Gà vừa được bốn ngày với một cái thai Rùa, một cái hai Chó và một cái thai Người ở tuần thứ tư, sẽ thấy nhiều điểm giống nhau

(1) — La logique du vivant par François Jacob (Le temps) p.147. Editions. Gallimard 1970.

(2) — L'Homme par Jean Rostand (L'Origine de l'homme) p.129. Editions Gallimard. 1961.

(3) — La Logique du vivant par François Jacob (Le Programme) p.16

(4) — La Logique du vivant par François Jacob (Le temps p.146.)

rất là kỳ lạ (1). Lại chỉ cần theo dõi sự diễn biến cơ-thai ở một phôi châu người, đi sâu vào sự diễn biến của từng cơ-quan riêng biệt trong đó, như *Thận* (2) và *Tim* (3) chẳng hạn, chúng ta cũng đã có ngay một ý-niệm khá rõ rệt về cái quá khứ sinh-vật lâu dài của con người và của cả loài người chúng ta. Thêm vào đó, những thành quả của khoa động-vật tâm-lý-học và những công cuộc khảo cứu về phong tục, tâm tính của các loài thú vật, càng bảo chứng khá vững cho cái quan-điểm: *hiếm có một trạng thái tính nết nào của loài vật không liên-quan nhiều ít đến vấn đề trong tính nết loài người* (4). Quả vậy, hầu như chẳng có cái xấu, cái tốt nào về tâm tính con người, không tìm thấy được, hoặc một cách rõ rệt hoặc trong trạng thái manh-nha, ở những loài vật thấp hơn trên thang tiến-hóa.

Trước một sự thực hiển-nhiên như vậy, cố tình phủ-nhận là một thái-độ bất đáng. Và, chẳng những là bất đáng mà còn là bất lợi. Vì con người làm sao có thể hiểu rõ con người, có thể đặt đúng và giải quyết thỏa đáng những vấn-đề liên-hệ đến bản-thân và cuộc sống, nếu con người, do một mặc cảm tự tôn sai lầm về nguồn gốc cố tình chối bỏ một quá khứ sinh-vật lâu dài và có thực, một thứ quá khứ có thể mang lại nhiều kinh-nghiệm và giúp cho sự giải thích kinh-nghiệm của con người được dễ dàng hơn.

Nhưng cũng chính vì cái thế phải chấp nhận này mà con người càng phải thận-trọng khi nhìn về quá khứ

của chủng loại, khi cần lội sâu vào trong đó. Phải thận trọng với tất cả sự thận-trọng của người đi trên bờ cao giữa hai vực thẳm, bởi lẽ : *chấp-nhận quá khứ sinh-vật, lội sâu vào, để rồi chôn chân trong đó, để rồi*

(1)— Ở cả bốn cái thai đều thấy : đầu gục xuống như đầu người ngủ, thai nào cũng có đuôi, những chi-thẻ nhỏ và ngắn ngủn, chưa có ngón. Dọc theo lưng thấy rõ sự phân chia đều đặn của các đốt xương. Nhìn ở một bên đầu thấy có lỗ mũi nhỏ, con mắt lớn và tai. Ở phía dưới tai lại có những nụ nhỏ. Với một phôi-châu Cá những nụ này sẽ hóa thành vành mang và mang. Ở phôi-châu rùa, gà, chó và người thì đó chỉ là dấu vết còn lại từ cơ cấu tổ tiên xa xăm (Theo Albessard, trong *D'où vient l'humanité ?*)

(2)— Ở phôi châu người, vào tuần thứ tư, xuất hiện một thận nguyên-thủy giống một phần thận Cá chình. Thận này chỉ vài ngày đã biến đi và được thay thế bằng một thận thứ hai giống như thậnẾch. Thận thứ hai này cũng sẽ biến đi và nhường chỗ cho một thận thứ ba hay thận chính thức (*L'Homme par Jean Rostand p 53*).

(3)— Ở phôi châu người, quả tim lúc đầu chỉ là một cái ống rỗng như ở loài *Amphioxus* (động vật hình cá, nhọn hai đầu, sống ở bãi bồi, được coi như là hình thái đầu tiên của động vật có xương sống), sau đó chia thành hai ngăn như ở loài Cá, đến tuần thứ tư thì chia thành hai tâm-nhĩ và một tâm thất như ở loàiẾch, qua đến tháng thứ hai mới có đủ hai tâm nhĩ, hai tâm thất như ở loài có vú (*D'où vient l'humanité... Albessard p.69-70*)

(4)— Chiến tranh không phải là đặc tính di truyền Sally Carrighan. Tạp chí *Đối Thoại*.

quên mình là người, chỉ nhớ mình là vật, hoặc dựa vào hay lợi-dụng cái quá khứ ấy nhằm lẫn tránh, thoái thác trách-nhiệm tinh-thần, biện hộ cho bản-năng hạ cấp, cho ác-tính, chấp nhận cái lỗi xử sự với nhau như một bầy đoàn phạm-thú như là một chuyện tự nhiên, thì cũng nguy hại không kém và còn đặc tội với chủng loại nhiều hơn là cố-tình phủ-nhận.

Và cái chuyện đáng tiếc như vậy đã, hơn một lần, từng xảy ra rồi. Đã xảy ra với bao nhiêu hậu quả tai hại khôn lường của nó. Trường cũng cần nhắc lại ở đây, một cách vắn tắt, là vào lúc chủ-thuyết Darwin vừa mới chào đời, thì ở Âu-châu, cả phái tả cấp-tiến lẫn phái hữu bảo-thủ cũng đều vô vấp, mở rộng vòng tay niềm nở tiếp nhận. Mà sở dĩ phái Bảo-thủ cũng vồn vã đối với chủ-thuyết này là vì họ có thừa sự thông-minh để khéo biết khai-thác nó hầu biện-minh sự hợp lý, chính-đáng của tình-trạng tranh chấp, chinh phục giữa các bộ lạc và các quốc gia, cho cái thể «*manh được yếu thua*», cho hiện tượng «*cá lớn nuốt cá bé*» và «*người bóc lột người*», vì như thế cũng chính là «*cạnh tranh sinh-tồn*» là «*tiến hóa theo luật tự nhiên đào-thải*». Chủ nghĩa xã-hội tiến-hóa (Darwinisme social) đưa ra quan-niệm : sự tiến-bộ của nhân loại đòi hỏi một cuộc tranh đấu ác-liệt không những giữa cá-nhân với cá-nhân mà giữa các đẳng-cấp quốc-gia, chủng-tộc, và chính cuộc tranh đấu giữa các chủng tộc được coi là hình thức cao nhất của luật đào-thải tự-nhiên về người. (1). Rồi chủ-nghĩa

chủng tộc xuất hiện, ảnh-hưởng đến cả môn Ưu-sinh học, lẫn hồi đưa tới cái họa Quốc-xã chủ-nghĩa của Hitler với bao thảm trạng chiến-tranh khốc liệt. Trăm đầu đều đồ đầu tằm. Darwin là người đã phải lãnh đủ búa rìu của công-luận. Mỗi oan Thi Kính mãi đến về sau này mới gỡ nổi, khi người ta bắt đầu định tỉnh đề nặn rõ hơn ý-nghĩa thực sự của những gì gọi là *cạnh tranh sinh-tồn*, là *đặc-tính thích ứng nhất với hoàn cảnh*, là *luật đào thải tự nhiên*. Nhưng cái di-hại thì đâu đã hết.

Kiểm điểm những hậu-quả nguy hại như vậy, thực chẳng có gì khiến cho chúng ta phải hãi hùng cho bằng, đến nay, trước cái thể lộng-hành của cái hình bóng khủng khiếp đáng được tiêu-trừ, vẫn còn gặp lại cái sự-trạng là không chỉ những người dựa vào quá-khứ sinh-vật để khẳng định tính hiếu chiến là đặc-tính bẩm-sinh, chiến tranh là lẽ tất yếu, mà đến cả những người phản đối, phủ nhận đặc-tính di-truyền, bẩm sinh của tính hiếu chiến, cũng tin như nhau rằng con người đành phải chịu bất-lực đối với một ác-tính di-truyền đã nằm trong cái vốn di-tính của chủng loại. Nếu tính hiếu chiến không phải là một di-sản văn-hóa, mà là một đặc tính bẩm-sinh, thì chiến-tranh là một chuyện tự nhiên, một sự kiện khó tránh.

Chính mỗi hãi hùng này là lý-do thúc đẩy chúng ta càng phải chịu nhìn

(1) -- L'Homme et L'Evolution par. Theodosius Dobzhansky (sélection naturelle Podt-darwinisme) Flammarion-1966.

và biết nhìn đúng cách hơn quá khứ sinh-vật của ta.

Thực vậy, với một lối nhìn tinh-từ, nghiêm-chỉnh và chính xác hơn, chúng ta sẽ thấy rằng vấn đề nêu trên có gì lầm lẫn. Vì càng đi sâu vào quá-khứ sinh-vật, chúng ta càng thấy sinh-vật với ta khác biệt rất nhiều, mặc dù chúng ta cũng có một hiện-hữu sinh-lý, cũng mang một cơ-thể sinh-vật kết-hợp bởi các tế-bào — có tới 60 triệu triệu (1) — mà dưới mắt một nhà động-vật-học phải được liệt vào một trong 822. 765 chủng loại động-vật trên mặt tinh-cầu (2), phải được xếp vào lớp có Vú, vào họ Linh-trưởng, nghĩa là được coi như một trong một-trăm-chín-mươi-ba chủng-loại Khỉ và Khỉ Đột hiện còn tồn tại (3). Phải nói là khác biệt rất nhiều, vì Người là một loại tạo-sinh mới lạ giữa muôn loài tạo sinh, ngay từ khi nó mới bắt đầu xuất hiện. Mới lạ và khác biệt đến độ « người ta có thể biện-hộ một cách hữu-

lý rằng : nó không phải là một giống vật nhưng là một loại hiện-tượng hoàn-toàn mới mẻ trên tinh-cầu này (4). Và cũng chỉ có lợi sâu vào cái quá khứ dài-dặc ấy, với cái chủ-đích khám phá ý-nghĩa của hiện-tượng Người. chúng ta mới càng nhận thấy rõ hơn là cuộc tiến-hóa của nhân-loại tuy là sự nối tiếp cuộc tiến-hóa sinh vật, nhưng lại đã được chuyển lên một bình-diện cao hơn và khác hẳn.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHAN-DU

(1) La Croissance par James M. Tanner, Gordon Rattray Taylor et les rédacteurs de Life (Unité fondamentale : la cellule) p. 11 — Collection Life 1966.

(2) L'Homme par Jean Rostand (L'Homme dans le règne animal, note 1) p. 8.

(3) Le Singe nu par Desmond Morris (Introduction) p. 9.

(4) Origine et évolution de l'homme (Tome I-Epoque paléolithique). (Problème de l'origine de l'homme) Edit. A.J. Picard et Cie 1948.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi:

- NHƯ CÁNH CHIM BAY *truyện dài của VÕ HỒNG*
 - o Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy lại hình bóng mình ở đó.
 - o Bạn chưa hân hạnh dự cuộc kháng chiến thần thánh nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy đàn anh đàn chị mình đã làm gì.
- GÓP NHẶT CÁT ĐÁ *của Thiền-sư Muju, Đỗ-dĩnh-Đồng dịch*
 - o Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.
- ẢO TƯỢNG *tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả : Sơn Nam, Hồ-hữu-Tường, Chinh-Ba, Thiều-Chi, Nhất-Hạnh, Võ-Phiến, Tuệ-Uyên. (Tái bản lần I.)*
- BÔNG HỒNG CÀI ÁO *của Nhất-Hạnh tái bản lần thứ năm 1971.*
- ÁO EM CÀI HOA TRẮNG *của Võ-Hồng*
Tái bản lần thứ ba 1971.

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành :

- LỊCH SỬ VĂN-MINH ẤN-ĐỘ *của Will Durant, Nguyễn-Hiển-Lê dịch.*

Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử-Ký Tư-Mã-Thiên và Chiến-Trạch và Hòa-Bình (Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi).
- CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH I *(tái bản) của Léon Tolstoi Nguyễn-Hiển-Lê dịch.*

Nhà sách LÁ-BỐI lot O số 121 Chung-cư Minh-Mạng SAIGON 10

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ nhiều hoa hồng. Bày bán các sách của các nhà xuất-bản uy tín.

Đàm thoại với PHAN VĂN NGÂN, Tiến sĩ Thủy sản tại Nhật bản, về giáo dục Đại học về các sinh viên V.N. tại Nhật, về ngành Thủy sản...

L.T.S Việt-nam có một bờ biển dài trên 2.500km mà từ trước đến nay, mặc dầu ta đã có cả một Nguyên-tử-lực cuộc, mà vẫn chưa hề có một trường Ngư nghiệp hay Thủy sản ở cấp bậc thấp nhất ! Đó là một điều kỳ dị trong những «Giáo dục chí dị», «Kinh tế chí dị»... của nước ta hiện nay. Cũng bởi vậy khi được biết anh Phan văn Ngân, một cây bút của các tạp chí Bách Khoa và Mai viết về Nhật bản vào những năm 1959-60, mà cũng là người Việt-nam đầu tiên (và cho tới nay là người duy nhất) đậu bằng Tiến-sĩ Thủy sản (Ph. D) ở Nhật-bản, mới về thăm nhà sau 14 năm du học, chúng tôi liền mời anh tới Tòa soạn Bách Khoa để đàm thoại về vấn đề giáo dục Đại-học tại Nhật bản, về ngành Thủy sản, về các sinh viên Việt-nam tại Nhật v.v...



Ô. Phan văn Ngân

Trong buổi đàm thoại này đã có mặt các anh em sau đây : Phan-văn-Ngân, Võ Phiến, Vũ-Hạnh, Như-Phong, Lê Ngô Châu và Nguyễn-văn-Xuân. Nhà văn Nguyễn văn Xuân tác giả Phong trào Duy-Tân mà cũng là cổ vấn của Ban Vận động thành lập Đại-học Đà-nẵng đương muốn vận động mở một phân khoa Thủy-sản tại Đại-học tương lai này. Do đó mà đã có những câu hỏi đặc biệt hướng về sự tìm hiểu một ngành học đáng lẽ phải có mặt ở Việt-nam từ hơn chục năm nay.

BÁCH KHOA: Xin anh vui lòng cho biết anh sang du học bên Nhật từ năm nào và anh đã theo học ở những trường nào cho đến khi thành tài?

PHAN VĂN NGÂN : Tôi sang Nhật từ tháng 4 năm 1957. Vì tôi là sinh viên được học bổng của chính phủ Nhật bản hồi đó nên tôi được học Nhật ngữ từ năm 1957 đến 58 ở Trường Đông-kinh Ngoại-ngữ Đại-học tiếng Nhật gọi là Tokyo Gaigo Daigaku.

— Cách dạy Nhật ngữ cho người nước ngoài ở trường này ra sao?

— Người ta dùng mọi cách để làm cho mình hiểu : tiếng Nhật, tiếng Anh, hình ảnh... rồi từ dễ đến khó cứ thế học dần dần lên...

— Như vậy sao có một năm mà nhà trường đã giúp cho sinh viên ngoại quốc một số vốn Nhật ngữ đủ để hiểu được các bài giảng ở các phân khoa Đại học sao ?

— Đâu có ; Có thể nói vừa tốt nghiệp ở trường Ngoại ngữ ra, người sinh viên ngoại quốc đến trường nghe giảng bằng Nhật ngữ hầu như vẫn chưa hiểu được gì cả. Không hiểu nhưng vẫn phải tới nghe, rồi về nhà học thêm tiếng Nhật, xem thêm các sách bằng tiếng khác để bù vào chỗ thiếu sót về Nhật ngữ của mình để cố mà hiểu bài giảng. Bởi vậy, nên cách học này chật vật lắm, đòi hỏi thật nhiều cố gắng, kiên nhẫn.

— Rồi sau bao lâu thì anh nghe và ghi chép được bài giảng và ghi chép bằng tiếng gì ?

— Sau một hoặc hai năm ở Đại học thì có thể nghe và ghi chép được ; ghi chép bằng bất cứ tiếng gì tiện cho mình trong lúc nghe giảng và mình nghe và hiểu thế nào thì ghi như thế.

— Và chữ Nhật có thể dùng để ghi chép đủ nhanh, kịp với lời giảng của giáo sư không ?

— Trông phức tạp rậm rạp song chữ Nhật có thể ghi chép bài giảng được lắm.

— Chúng ta trở lại với các trường Nhật bản mà anh đã theo học. Xin anh cho biết sau khi tốt nghiệp ngoại ngữ rồi, anh học ở đâu ?

— Tôi học 4 năm ở Đông-kinh Thủy-sản Đại-học (tiếng Nhật gọi là Tokyo Suisan Daigaku. Nơi đây tôi học nghề đánh cá, nghĩa là học tất cả những cách nào bắt được cá từ sông từ biển lên. Sau 4 năm thì ra tôi đậu bằng « Học sĩ » hay Gakushi theo tiếng Nhật, tương đương với Bachelor.

— Trong 4 năm học này, sự yếu kém về Nhật ngữ ở những năm đầu có ảnh hưởng gì đến số vốn kiến thức chuyên môn anh thu lượm được không ?

— Được cái may là thế này : Chương trình học của Đại-học Nhật-bản ở cấp này chia làm 2 giai đoạn. Hai năm đầu sinh viên chỉ học về những hiểu biết đại cương như Triết, Chính trị, Sử, Địa, Toán, Lý, Hóa vv... có những trường hai năm đầu chỉ học toàn những môn đại cương đó thôi. Trường Đông-kinh Thủy-sản Đại học thì ở giai đoạn này thỉnh thoảng có thêm một đôi giờ chuyên môn. Nhưng giai đoạn sau, ở 2 năm cuối, mới học toàn về chuyên môn. Thành ra nếu yếu kém ngoại ngữ thì cũng chỉ thiệt ở phần kiến-thức đại-cương thôi, mà ở phần này có thể học thêm ở các sách ngoại ngữ khác với sách Nhật được.

— *Lúc ra thi, thì cách thi của Nhật có khác với cách thi ở Đại-học VN không?*

— Ở Đại-học Nhật-bản khi thi ra, có một số môn nhiệm ý và một số môn bắt buộc. Mỗi môn được qui định một số đơn vị. Nếu anh lấy được đủ số đơn vị qui định là anh thi đậu.

— *Đơn vị là thế nào?*

— Một đơn vị được tính là 45 giờ học về một môn nào đó, học cả ở trong và ở ngoài lớp. Ở bên Nhật người ta quan niệm rằng một sinh viên cứ nghe giảng 2 giờ ở trong lớp học thì phải sửa soạn cho bài học đó 1 giờ nữa ở nhà hoặc ở nơi ngoài lớp học. Như vậy trong 45 giờ học trên là chỉ có 30 giờ nghe giảng bài trong lớp mà thôi. Hay nói một cách khác đi nếu mỗi tuần nghe giảng về một môn nào đó trong hai tiếng đồng hồ thì sau 15 tuần lễ, nếu qua được kỳ thi, sẽ được một đơn vị. Số đơn vị được qui định khác nhau tùy từng môn. Thí dụ Ngoại ngữ 4 đơn vị Sinh Vật 8 đơn vị v.v...

— *Việc vào Đại học có khó khăn không anh?*

— Ở bên Nhật phải thi vào các Đại-học và ở các kỳ thi vào Đại học này các thí sinh rất vô số kể. Mấy năm nay các sinh viên ngoại quốc du học tự túc ở Nhật-bản có theo một qui-chế mới của Bộ Quốc-gia Giáo-dục Nhật. Với qui chế này, hàng năm vào khoảng tháng 10, hay tháng 12, Bộ QGGD Nhật đưa ra một đề thi cho các sinh viên ngoại quốc; các sinh viên này sau khi thi ra có kết quả sẽ được xếp theo các loại A, B, C, D. Các sinh viên loại A sẽ được Bộ Q.G.G.D. Nhật cử đi thi vào các trường Đại-học loại thượng thặng ở bên Nhật, các sinh viên loại B thì được Bộ giới thiệu thi vào các Đại-học loại thứ nhì ... còn các sinh viên loại C và D thì tự do muốn thi vào đâu thì thi, Bộ không chịu trách nhiệm giúp đỡ ... Qui chế này mới áp dụng được vài năm nay nhưng hiện áp dụng cho cả các sinh viên được học bổng của Chính-phủ Nhật-bản nữa.

— *Còn thời kỳ anh du học thì sao?*

— Thời kỳ đó chúng tôi được học bổng của Chính-phủ Nhật nên được vào Đại học mà không phải thi cử gì cả. Hồi ấy mỗi năm sinh viên V.N. sang du học ở Nhật chỉ có độ hai ba người mà thôi ...

— *Xin anh cho biết ở bên Nhật có mấy loại trường Đại học và trường nào danh tiếng nhất?*

— Ở bậc Đại-học, người Nhật có các trường Đại-học quốc lập, công lập và tư thục. Những trường quốc lập do ngân sách của Bộ Quốc Gia giáo dục đài thọ phí tổn, những trường công lập do ngân quỹ địa phương (tỉnh, thành phố) đài thọ và ngân quỹ của Bộ Giáo-dục cũng trợ cấp một phần...

Trường Đại-học danh tiếng nhất ở Nhật bản là trường Đông-kinh Đại-học. Đó là một trường tổng-hợp nên có rất nhiều ngành trong đó có cả ngành Thủy-sản mà tôi đã học. Ngoài ra, Nhật bản cũng còn có những Đại học với chương trình học trong hai năm, gọi là Đoàn kỳ Đại học.

— *Tại sao anh đang ở Đông-kinh Thủy-sản Đại-học mà anh lại nhảy sang Đông-kinh Đại-học?*

— Hồi đó trường Đông-kinh Thủy-sản Đại-học mới mở đến cấp bậc Master, người Nhật gọi là «Tu sĩ» hay «Shushi» mà tôi tuy mới đậu Bachelor nhưng lại muốn sau này lấy Ph.D. nên phải thi vào Đông-kinh Đại-học mới học lên được.

— *Anh học mấy năm thì lấy được các bằng cấp đó?*

— Phải học 2 năm ở Đông kinh Đại học mới lấy được bằng Master và 3 năm sau nữa mới lấy được Ph.D. người Nhật gọi là «Bác sĩ» hay «Hakushi». Thầy thuốc ở Nhật gọi là Isha.

— *Người Việt-nam ở Nhật trước anh và sau anh đã có những ai lấy được Tiến-sĩ (Ph.D.) về Thủy-sản?*

— Mới có tôi và một anh hiện nay đang học năm thứ nhất bậc Ph.D.

— *Sau khi tốt nghiệp công việc chính của anh là gì?*

— Công việc chính của tôi kể từ khi tốt nghiệp là nghiên cứu tại trường Đại-học Đông-kinh dưới danh nghĩa sinh viên nghiên cứu có bằng tiến sĩ (post-doctorate research student). Ngoài ra, tôi cũng có đi dạy học tại một vài nơi.

— *Nghe nói hồi còn đi học, anh có làm việc cho Đài phát thanh Nhật nữa, chắc hồi đó anh hết học bổng rồi nên phải làm thêm?*

— Tôi có giúp cho Đài phát thanh NHK ở Đông kinh mỗi tuần 3 buổi phát thanh bằng Việt ngữ, giới thiệu nước Nhật cho thính giả V.N.

Tôi làm ở đấy từ lâu và đến nay vẫn còn giữ chương trình đó. Còn học bổng, tôi được trong 5 năm, nghĩa là tới khi tốt nghiệp ở Đông-kinh Thủy-sản Đại-học, và may mắn tới năm thứ sáu, năm Cao-học đầu tiên ở Đông-kinh Đại-học, họ thừa một số học bổng nên họ lại cho tôi thêm năm đó nữa. Từ những năm sau trở đi tôi phải tự túc và trả lấy học phí.

— *Học phí có cao không anh?*

— Học phí ở những trường Quốc lập và Công lập thì rất hạ và các sinh viên ở những trường này đều phải đóng học phí cả. Tôi nhớ hồi đó tôi phải

đóng chừng 9000 yens một năm. Còn bây giờ không biết là bao nhiêu.

— Mà anh vừa đi làm vừa học cũng đủ được sao ?

— Đủ được chứ.

— Ở nước nhà số sinh viên ở Luật, ở Văn-khoa chẳng hạn bao giờ cũng đông gấp bội số sinh viên ở Khoa học hay Kỹ-thuật... Vậy anh thấy số sinh viên ở Nhật theo học các trường Khoa-học Nhân văn và số theo học các trường Khoa-học Kỹ-thuật thì số nào nhiều hơn ?

— Cái đó còn tùy là nam hay nữ sinh viên. Chẳng hạn ở Nhật thì các nữ sinh viên theo học Khoa-học Nhân-văn nhiều hơn, nhưng nói chung cả nam lẫn nữ thì số sinh viên theo học Kỹ-thuật vẫn nhiều hơn số theo Khoa-học Nhân-văn... Tôi rất tiếc không có những con số chính xác để cung cấp cho các anh.

— Còn sinh viên Việt-Nam tại Nhật thì phần nhiều theo học Nhân-văn hay Kỹ-thuật và nhiều nhất ở ngành nào ?

— Sinh viên nước mình ở Nhật phần lớn học về Kỹ-thuật và nhiều nhất là ở ngành Điện (Điện nặng, Điện nhẹ) và sau nữa là ngành Hóa-học.

— Còn số sinh viên theo ngành Thủy-sản chừng bao nhiêu ?

— Khoảng hai chục anh.

— Hồi anh mới sang Nhật, số sinh viên Việt-nam có tất cả chừng bao nhiêu người ? và tới bây giờ con số này lên đến bao nhiêu ?

— Hồi đó, tức là cách đây 14 năm chúng tôi chỉ có độ 5, 6 người, trong số này có người là tu-sĩ như T.T. Thích-Tâm-Giác còn bây giờ số sinh viên V.N khoảng hai, ba trăm người.

— Các sinh viên V.N. ở bên đó chắc tổ chức thành hiệp-hội từ nhiều năm nay rồi ?

— Chính nhóm mấy người ở Đông-kinh hồi đó đã thành lập Hội sinh-viên và hội này lấy tên là Hội sinh viên Việt-nam tại Nhật-bản. Dự tính rằng số sinh viên V.N sang Nhật sẽ mỗi năm một tăng và đã đến lúc phải nghĩ đến chuyện bảo vệ quyền lợi của sinh viên bằng một hội nên mấy người chúng tôi đã thành lập hội này. Tuy nhiên hồi đó có một số người không gia nhập hội nên hội, chỉ vốn vẹn có một Ban chấp hành ba người : Hội trưởng, Thư ký và Thủ quỹ ! Sau này số sinh viên tăng lên và Hội sinh viên Việt Nam tại Nhật-bản thực sự thành hình. Trải qua nhiều thay đổi, thăng trầm, Hội đã có hình thức ngày nay. Lúc đầu tôi cũng có giữ những chức vụ lớn nhỏ trong hội và có thể coi được như là một trong những người sáng lập Hội này, song

trong những năm gần đây thì vì quá bận rộn, không đi họp thường được nên tôi chỉ là một hội viên thân hữu.

— Anh có thể cho biết qua về những hoạt động của anh em sinh viên V.N ở Nhật không ?

— Có thể nói, đại cương tập thể sinh viên nào thì cũng có những hoạt động có tính cách chính trị và những hoạt động xã hội, văn hóa. Xu hướng chính trị của các sinh viên thì ở nước nào cũng rất nhiều và khác biệt. Còn những hoạt động văn hóa xã hội thì gồm có những việc nhằm vào đời sống của chính tập thể sinh viên như mở những cuộc hội thảo, tổ chức hôn nhân, ma chay... và những việc hướng về quê hương như quyên giúp nạn nhân chiến cuộc, nạn nhân bão lụt... đối với những công việc đó thì có thể nói là Tổng hội sinh viên V.N tại Nhật bản đã hoạt động rất hăng hái và đặc lực.

— Anh Nguyễn văn Xuân là một Cố vấn trong ban vận động thành lập Đại-học Đà-nẵng nên chú trọng nhiều đến việc thành lập tại Viện Đại-học tương lai ở địa phương này một phân khoa Ngư-nghiệp hay Hải sản. Vậy xin anh cho biết tỉ mỉ hơn về ngành Thủy sản mà anh đã theo học ở Nhật để chúng tôi có một ý niệm cụ thể về ngành đó, một ngành mà hình như từ trước đến nay ở nước nhà vẫn thường gọi là «Ngư-nghiệp».

— «Ngư nghiệp» với người Nhật chỉ là việc bắt các cá sông, cá biển, tôm, cua, trai, sò, rong biển v.v... còn «Thủy sản» là một ngành mà người Nhật quan niệm phải bao gồm cả việc bắt các sinh vật sống dưới nước (Ngư-nghiệp) lẫn nuôi dưỡng, chế tạo sản phẩm của sông biển nữa.

Ở tại Nhật có những trường chuyên môn về Thủy sản như Đông-kinh Thủy-sản Đại-học mà tôi đã theo học và những Học khoa (faculty) về Thủy-sản ở những trường Đại-học Tổng hợp như Đại-học Hokkaido, Kyushu, Kyoto v.v... và Đông-kinh Đại-học mà tôi đã trình bày với các anh hồi nãy.

Dưới cấp Đại-học là những Trường Trung học đệ-nhi-cấp về Thủy-sản để đào tạo những cán bộ Trung cấp và thực tiễn là những phòng nghiên-cứu Thủy-sản ở các địa phương trực thuộc Nha Thủy-sản.

Riêng trường Đông-kinh Thủy-sản Đại-học thì có 5 ban là các ban : Ngư nghiệp (bao gồm cả việc lái tàu nên học 5 năm, còn các ban khác học có 4 năm) Ngư lao (đánh cá), Ngư cụ, Dưỡng ngư, Chế tạo (đóng đồ hộp, hun khói, làm mắm v.v...) Tôi đã theo học ban Ngư lao.

— Anh dám theo học một ban khó nhọc thế sao ?

— Thì lúc đó tôi cũng là một thanh niên khỏe mạnh có khác gì một ngư phủ. Ngoài việc học lý thuyết, mỗi năm sinh viên đều phải đi thực tập một lần. Năm đầu thực tập có học bơi, đan lưới vá lưới, chèo thuyền,

chèo từ thuyền độc mộc trở đi cho đến lái thuyền buồm, rồi những năm sau học kỹ thuật đánh cá, sử dụng máy tầm-ngư, sống như một ngư phủ. Tóm lại là ngành Ngư-lao của trường Thủy-sản Đại-học muốn đào tạo người sinh viên thành một người chỉ-huy việc đánh cá ở trên tàu, ra biển biết chỗ nào lắm cá, định ngư-trường để thả lưới v.v...

— Trong khi học và thực tập có sự phân biệt huấn luyện giữa một sinh viên Nhật và một sinh viên ngoại quốc không? Có sự bảo vệ bí mật nghề nghiệp chẳng hạn?

— Hoàn toàn không. Sự dẫu nghề rất có thể có trong khi tập sự ở một xí-nghiệp chẳng hạn chứ trong trường Đại-học thì không hề có.

— Như vậy một trường Đại-học Thủy-sản cũng cần phải có những thiết-bị đặc biệt cho sinh viên thực tập chứ?

— Tất nhiên phải có anh ạ. Như trường Đông-kinh Thủy-sản Đại-học thì họ có đủ loại từ thuyền chèo tay đến tàu hàng ngàn tấn, trên tàu có đủ loại lưới, có radar, có máy vô tuyến, máy tầm ngư... Đó là đồ thiết bị dành cho các ban Ngư nghiệp, Ngư lao.

Còn khi học về phân loại hay sinh lý của cá thì lại có những máy khác thí dụ máy đo não-ba, tâm-ba của cá, có máy đo lưu lượng của máu, máy đo hồng huyết cầu, máy đo số dưỡng khí cần thiết mỗi lần cá thở v.v. Khi còn học ở cấp Học-sĩ thì sinh viên chỉ được thực tập, thí nghiệm bằng những đồ thiết-bị mà nhà trường có sẵn. Còn khi đã học từ cấp Tu-sĩ đến Tiến sĩ thì sinh viên muốn cần máy móc gì để thí nghiệm mà trường không có thì nhà trường sẽ mua ở bên ngoài. Nếu bên ngoài không có, người sinh viên có thể vẽ bộ máy ra và các xí nghiệp sẽ đóng giúp, tốn phí nhà trường đài thọ.

— Như anh đã chọn ngành Ngư lao thì có thể học thêm một vài ngành khác như: Chế tạo, Dưỡng ngư v.v.. nữa không?

— Ngay trong ngành Ngư lao người ta đã buộc phải chọn một số đơn vị: ngư cụ, dưỡng ngư, chế tạo, ngư nghiệp... rồi. Tôi cũng đã trình bày với các anh là ngoài các môn bắt buộc còn những môn nhiệm ý nữa.

— Đó là nói về cấp bậc Học-sĩ (Bachelor) ở trường Đông kinh Thủy-sản Đại-học, còn khi học ở bậc Cao-học và Tiến-sĩ ở Đông-kinh Đại-học thì cách học ra sao?

— Lên Cao-học thì mình phải tìm một giáo sư chỉ đạo và mình sẽ chọn một ngành để nghiên cứu dưới sự chỉ-đạo của vị giáo sư đó, phải học một số đơn vị bắt buộc và làm luận-án.

— Riêng anh đã chọn ngành gì và xin anh cho biết luận án Tiến-sĩ của anh đã trình bày về vấn-đề gì?

— Tôi chọn Ngư-loại-học và trong Ngư-loại-học có cả Sinh-thải-học, Sinh-lý-học, Phân-loại . . . còn Luận-án của tôi trình bày về việc dùng huyết-thanh để phân-loại cá...

— Anh thấy ở bên Nhật các trường chuyên khoa như Đại-học-Thủy sản có giúp ích nhiều cho các xí-nghiệp không.

— Giúp ích rất nhiều. Trước hết là cung cấp chuyên viên, sau nữa là những công trình khảo sát, nghiên cứu, những tài liệu tìm hiểu về ngư-nghiệp rất cần thiết cho các xí-nghiệp liên quan đến thủy-sản.

— Theo nhận xét của anh, ở nước ta nên có một trường Ngư-nghiệp hay Thủy sản và nên mở ở cấp nào? Có thể mở một phân khoa Thủy-sản ở Đại-học được không và vấn đề giáo sư giải quyết ra sao?

— « Ngư-nghiệp » hay « Thủy-sản » như tôi đã trình bày với các anh chỉ là vấn đề danh-từ hiểu theo nghĩa nào. Như ở Nhật-bản thì người ta quan niệm Ngư-nghiệp là một ngành của Thủy-sản. Và nếu hiểu theo nghĩa đó thì mở trường Ngư-lao hay Ngư-nghiệp rồi sau cùng cũng phải mở trường Thủy-sản.

Trong dịp tiếp xúc với trường Nông-lâm-súc tôi được biết ở đây cũng muốn mở thêm ngành Ngư-nghiệp từ lâu nhưng kẹt vì thiếu giáo sư. Cũng trong một dịp gặp gỡ ông Giám đốc Nha Ngư-nghiệp tôi được biết hình như đã có một nghị-định mở một trường Thủy-sản tại Nha-trang.

Theo ý tôi không nên đặt vấn đề mở trường Thủy-sản ở cấp nào hoặc cứ nhất định phải mở ở cấp bậc Đại-học. Phải đặt vấn đề là nếu xét thấy cần phải mở trường Thủy-sản, thì ta cứ mở và có người và có phương tiện bao nhiêu thì mở theo đúng với mức độ đó, vừa với sức của mình. Có thể mở một trường huấn luyện Ngư phủ, nếu có đủ người và phương tiện hơn thì mở trường Thủy sản trung cấp và sau đó dần dần sẽ mở trường cao hơn nữa nếu có giáo sư, phương tiện, và sinh viên theo học ngành này. Ngay trường Đông-kinh Thủy-sản Đại-học lúc đầu cũng chỉ là một cơ-sở truyền-bá ngư-nghiệp rất nhỏ bé sau mới thành được trường Đại-học lớn lao như ngày nay.

— Anh thấy những sản phẩm kỹ nghệ liên quan đến Thủy-sản ở Nhật có nhiều không và anh thấy viễn tượng những kỹ-nghệ gì có thể mở được sau này tại Việt-nam nếu ngành Thủy-sản phát triển.

— Sản phẩm kỹ nghệ liên quan đến Thủy-sản ở Nhật thì quá nhiều: cá hộp, các loại bột cá, cá hun khói, lưới các loại v.v... Ở nước nhà tôi nghĩ trước hết phải tìm cách khai thác tài-nguyên của mình rồi nghĩ cách nào gìn giữ tài nguyên khai thác được để rồi còn tìm cách tiêu thụ v.v... Thí dụ có một đoàn tàu đánh cá đánh được thật nhiều cá, thì cũng không thể bán để ăn ngay một lúc mà hết được, phải có cách nào giữ cho cá tươi được thật lâu thì mới tiêu thụ dần cho đến hết. Ở Nhật, họ giữ

cá được từ mấy tháng đến mấy năm...

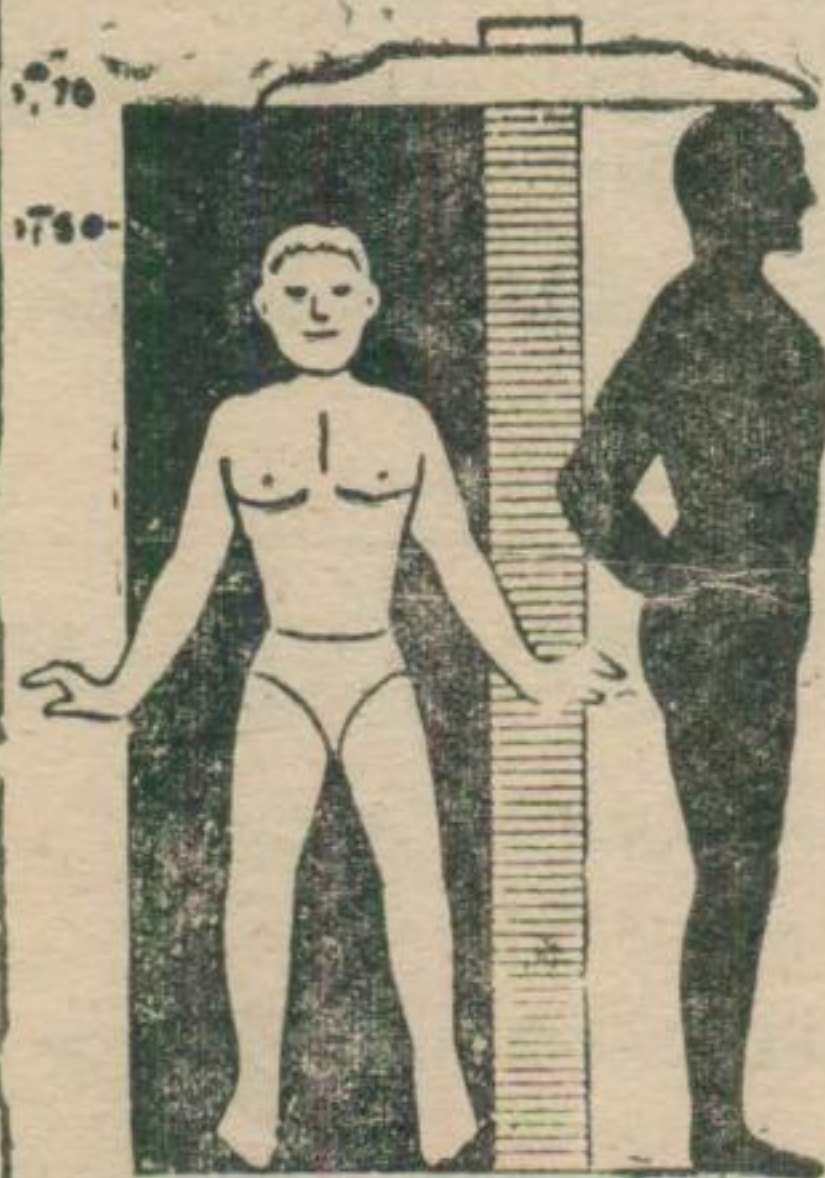
— Anh đã rõ là nếu mở trường Thủy-sản thì ở nhà thiếu giáo sư. Vậy anh nghĩ các anh em sinh viên theo học ở ngành Thủy-sản có sẽ về nước giúp cho các trường đó không?

— Tôi tin là có vì cho rằng cuộc sống ở ngoại quốc có may mắn được đầy đủ trên phương diện vật chất thì cũng rất thiếu thốn về tinh thần. Hiện thời đã có một vài người tốt nghiệp trong Đông-kinh Thủy-sản Đại-học đang làm việc tại Sài-gòn. Riêng tôi, tôi cũng rất mong muốn được hợp tác với một trường như vậy.

BACH-KHOA

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

KN S6 : 78 MBYT/QCPD



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 235, Phạm Ngũ Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

VỀ ĐÂU

(tiếp theo BK số 352)

4-

Mặt trận miền Tây sôi động suốt ba tuần nay. Từ biên giới tiểu đoàn của Tuấn được lệnh xuống tăng viện gấp rút cho hai tiểu đoàn khác hiện đang bao huyệt quân số và mệt mỏi sau bao cuộc giao tranh liên tiếp. Tin tình báo cho biết địch đang tìm cách «khai quang» con đường huyết mạch 19, bảo vệ các đoàn công voa tiếp tế lên Tây nguyên và ông dẫn đầu chạy dài từ bể. Xe tăng loại lớn đứng án ngữ hai bên đường, chia súng về phía rừng già. Bộ binh liên tiếp kéo đến, hoặc bằng xe mìn bánh, hoặc bằng trực thăng vận tải. Để đề phòng phục kích bất ngờ, B 52 đều rải bom xuống dọc quốc lộ, làm thành một hành lang tử thần cắt ngang thân thể Trường sơn. Lúc tiểu đoàn leo được lên một đỉnh núi cao, ghé mắt nhìn xuống thung lũng hai bên con đường xám ngoắt ngộc dưới kia, Tuấn thấy những vết bom trải đều trên nền xanh già như mụn ghẻ lở.

Để tránh trở thành mục tiêu oanh kích, tiểu đoàn phải di chuyển luôn. Lớp lá ngụy trang chưa kịp héo, tiểu đoàn trưởng đã bắt huộc thay lớp khác vì thảo mộc vùng đất mới đã biến đổi. Có những cánh rừng trúc thân vàng óng và lá xanh ngắt, tiếp nối

nhau đến hàng hai ba cây số. Tuấn có ý tìm ông đạo sĩ trong chuyện thần tiên thiếu thời. Có những cánh rừng già cây cao bóng cả, dây leo che hết những khoảng sáng mặt trời lốm đốm đây đó. Từ bóng nắng gắt trên đồng tranh, tiểu đoàn húc vào rừng già mát mẻ u tối như vượt qua ranh giới của ngày và đêm, dương và âm, cõi sống và cõi chết. Cõi chết? Có thể lắm, vì B 52 ít khi oanh tạc những khoảng thung lũng trống. Có khi từ trên những đám mây bay thấp lạnh lẽo, cái chết ào ạt đến bất thần cho những người lính chưa kịp tỉnh tâm.

Giữa vai trò chính trị viên, Tuấn đem nhiệt tình và niềm tin tưởng của chính mình truyền cho binh sĩ, xóa hết lo âu và mệt mỏi trong đôi mắt họ. Tuấn đã thành công phần lớn, hoặc bằng tình yêu đất nước, hoặc bằng sự căm thù...

...Tuấn đã quên những kỷ niệm thần tiên tuy cay đắng trong khung cửa sắt của học xá Hình ảnh Vi chỉ hiện về trong những lúc trầm ngâm, cảm thấy cô độc giữa các đồng đội lúc nào cũng theo dõi hành động của nhau. Lúc xa Hà nội, Tuấn có ghé về học xá nhưng Không vào. Người gác đàn mới hỏi:

— Ông muốn tìm ai?

Tuấn muốn nói tên Vi, tha thiết được gặp Vi trước khi theo đám mây bay về phương nam. Tuấn ấp úng, mắt nhìn lên cửa sổ phòng Vi còn đang sáng.

Chàng băn khoăn, tự hỏi : Có nên gặp Vi không? Có nên gặp Vi không? những ánh mây chợt hiện vờ, và Tuấn trả lời gọn :

— Không, tôi chỉ muốn tìm nam học xá để thăm một bạn trai.

Người gác cổng nhìn theo Tuấn, nghi ngờ, vì tuy nói vậy, chàng vẫn lững thững, vừa đi vừa nhìn lên ánh đèn cửa sổ phòng Vi. Ánh đèn ấy làm Tuấn cảm thấy còn tha thiết với đời, sau các cuộc cãi vã nguy hiểm với tiểu đoàn trưởng, hoặc sau các cuộc oanh tạc thập tử nhất sinh. Niềm vui quen thuộc của Tuấn là nằm đông đưa trên võng nilông treo giữa hai gốc cây cao, lim dim đôi mắt cho ánh sáng bớt chói chang, tự đặt câu hỏi cho mình : Đêm ấy, Vi đang làm gì? Học bài chẳng? Viết thư cho dì Sáu chẳng? Mơ mộng chẳng? Vi có nghĩ đến mình không? Có nghĩ đến những đêm canh bệnh bên nhau, Vi chợt bắt gặp đôi mắt si mê của mình, vờ cúi xuống sửa lại chéo áo để tránh đi? Có nghĩ đến những hôm bắt gặp Vi đi bộ từ trường về, mình lái xe đạp ghé sát vào vệ đường, hóm hỉnh đề nghị : Có ai đi xe thồ không? Về nữ học xá một đồng danh dự thôi!

Sau một tháng băng rừng, tiểu đoàn của Tuấn đến được mục tiêu. Trung đoàn bạn đang dưỡng quân, trước khi thọc sâu xuống đồng bằng cắt ngang trung phần. Bệnh viện dã chiến được thiết lập dưới hầm sâu. Bộ chỉ huy cách đó không xa, có thể từ các hào chằng chịt quan sát được cánh đồng, phía bên này quốc lộ và một nửa bầu trời xanh. Sinh hoạt ở đây thật giống với các

hậu cứ an toàn bên kia biên giới, tuy hằng ngày máy bay vẫn oanh tạc đều đều các xóm làng dưới thung lũng. Bằng viễn-kính, Tuấn có thể theo dõi từng đoàn xe sao trắng di chuyển về hướng tây.

Buổi sáng, Tuấn thường vào bệnh viện an ủi thương binh của tiểu đoàn. Vài thương binh có vẻ mòn mỏi, không chịu đựng nổi vết thương hành hạ. Có người lơ mơ nói về quê nhà, nhờ Tuấn gửi tin về, «lỡ có mệnh hệ nào». Tuấn rơm rớm nước mắt, chạy tìm y-sĩ để hỏi bệnh-trạng. Đẩy cửa bước vào phòng trực, Tuấn sững sờ.

— Trời, ai như chị Vi! Có phải Vi không?

Vi ngược lên, chưa nhận ra ai. Tuấn nói :

— Vi không nhận ra tôi sao? Tại hàm râu của yêu râu xanh và mái tóc đạo sĩ này chắc. Tuấn đây!

Vi thấy trời đất đảo điên, phải bám hai tay vào góc bàn mới đứng dậy được. Tuấn chạy đến nắm hai tay Vi, rồi thả ra nắm hai vai Vi, bóp nhẹ hai xương bả vai, đứng cười, mắt sáng như thời còn ở Hà nội. Vi nói trước :

— Tuấn khác nhiều. Vi nhận không ra nữa!

— Chị thì không. Lúc nào Vi cũng như ở Hà-nội.

— Như ở Hà-nội thì sao?

— Là là... vẫn như ở Hà-nội. Đừng bắt Tuấn nói sự thực.

— Không được, cứ nói.

Vi giục, mà lòng bân hoan. Tuấn cười trả lời.

— Nghĩa là vẫn... vẫn đẹp như xưa.

Vi xúc động quá không biết trả lời thế nào, cảm thấy Tuấn đã khác trước: bạo dạn, tự tin hơn. Đó là dấu hiệu của tình thương yêu trưởng thành hay của sự lãng quên bạc bẽo? Vi nói:

— Áng mây của Tuấn đâu rồi?

— Áng mây của Vi đâu rồi?

— Tôi có áng mây nào đâu? Tuấn ao ước được làm áng mây nên bỏ học xá. Còn tôi thì vẫn vậy!

— Có, có áng mây dịu chị về phương nam. Rành rành là chị đang ở miền nam, tất nhiên phải có áng mây đưa đường.

Vi thoát lặng im, cúi mặt xuống. Tuấn chột dạ, không dám nói gì thêm. Một lúc lâu, Vi mới giải thích:

— Vĩnh nó xung phong về nam. Tôi phải đi theo. Nó mất rồi.

Tuấn không tìm được lời nào để an ủi Vi. Chàng nhớ lại những cái chết đã chứng kiến, tưởng tượng những nắm xương vùi nông trong rừng xanh; những tấm hình chụp chung cả gia đình trong đó cha mẹ ngồi ngay ngắn trên ghế, mắt nhìn thẳng, hai bàn tay xoè trên đầu gối; những bức thư của mẹ của vợ của con mực nhòe và đượm mồ hôi. Tuấn chỉ có thể hỏi:

— Vi có tìm thấy xác không?

— Nó chết ngay trước mặt tôi, trên

bàn mổ. Thà phút lâm chung, hai chị em không được gặp nhau để bớt não lòng.

oOo

5-

Mọi sự đơn giản hơn Vi tưởng. Sự bạo dạn tự tin của Tuấn không phải là dấu hiệu lãng quên bạc-bẽo. Đời sống chiến đấu cam go, kề cận với mọi hình thái bi đát, cùng với năm tháng đã khiến Tuấn lớn trước tuổi. Những giấc mơ trong rừng già làm cho Tuấn quen thuộc thêm với hình dáng Vi thời Hà-nội, khiến chàng không thể nào nhận ra dấu vết của thời gian trên khuôn mặt cô y sĩ. Riêng Tuấn, Tuấn tự thấy mình chai lì. Cho nên, sự thổ lộ tình cảm trở thành dễ dàng, tự nhiên. Ngay trong phòng mổ, Tuấn bình tĩnh nói:

—Vi này!

—Gì hở Tuấn?

—Tuấn đã tìm ra áng mây của đời mình rồi. Cái gì còn lại chỉ là bọt nước tan đó rồi hóa đó.

Vi bậm môi chờ đợi — Tuấn nói tiếp:

—Tuấn đã suy nghĩ kỹ suốt đêm qua. Tuấn không thể, không thể nào tìm thấy được cái gì khác hơn cho đời mình, cái gì ý nghĩa hơn. Tuấn ao ước được mãi mãi thế này.

Vi hỏi:

— Mãi mãi chui rúc trong rừng già, ở dưới hầm sâu, nghe thương binh rên la, và ngắm xóm làng cháy dưới thung lũng?

—Không. Được thế này, được... được có Vi bên cạnh đời đời, kiếp kiếp. Vi ngược lên, chớp chớp đôi mắt để dấu sự cảm động.

—Vi đã cảm thấy điều đó, mong ước điều đó ngay từ thời Tuấn nhìn Vi với đôi mắt bốc lửa. Vi không thể nào quên được đôi mắt ấy. Bây giờ đôi mắt Tuấn dịu hơn, nhưng Vi vẫn ngại. Trên hàng chân mày, trong đầu óc Tuấn, vẫn còn hình dáng áng mây. Tuấn thì còn say mê, còn Vi — Vi đã bắt đầu mơ ước một ngôi nhà, cái nồi ru con, mâm cơm nóng và một người chồng về đúng giờ.

Tuấn nhận thấy Vi nói thực lòng mình quá, không biết đối đáp thế nào. Chàng tìm cách biện minh.

— Một mai thanh bình, thế nào chúng ta cũng được như ý. Nhưng Tuấn không tin lắm ở lời mình. Quả thực, Tuấn chưa thỏa những khát vọng hùng tráng, núi vẫn còn cao và mây vẫn còn ở ngoài tầm tay. Những lúc theo dõi hiệu-quả sức mạnh của lời nói lên tâm hồn binh sĩ, những lúc nghe cả tiểu đoàn hô lớn "xung phong — tiến", rồi xông vào khói lửa, Tuấn cảm thấy kiêu hãnh, xúc động đến ngáy ngất. Con đường xuyên Việt, đến đây, mới được lưng chừng hành trình. Những đồng bằng bao la phía nam vẫn xa thật xa, quẩn rù trong cái vẻ huyền hồ mờ ảo. Tuấn chưa thực sự muốn ngồi bên nồi con, ngắm vợ nấu nướng giặt dĩa, chăm chút cất xén cái hàng rào dâm-bụt trước cửa.

Tuy vậy, cả hai vẫn sẵn sàng sống

trong tình vợ chồng — Cả tiểu đoàn thêm một nguồn vui mới, tán chuyện về những người tình xưa từ Hà-nội, lưu lạc trong rừng già Tây nguyên, xây tổ ấm trong bệnh viện. Tuấn và Vi hạnh phúc thực sự, lao mình trọn vẹn vào những khoái lạc mới mẻ, say đắm rã rời trong vòng tay nhau. Những đám mây lãng đãng ngày càng thấp, chui cả vào hầm bệnh viện, che khuất mặt người. Mùi dầu dừa phai nhạt hoàn toàn trong ký ức của Vi. Nếu không có những tiếng rên la của bệnh nhân bên kia căn hầm, và những buổi sinh hoạt học tập chính trị của tiểu đoàn, Vi và Tuấn đã hưởng trọn niềm vui mới mẻ.

Trong lúc đó, dưới thung lũng, các chuyển công voa càng dày hơn. Máy bay trinh sát chao qua đảo lại thường xuyên trên triền núi. Cuộc sống trong căn cứ không được như trước. Người ta cẩn thận nguy trang từng làn khói bếp, từng nắp công sự.

Cả mấy tiểu đoàn cũng bắt đầu rục rịch chuẩn bị chiến đấu. Ngoài những giờ hạnh phúc hiếm hoi, Tuấn phải lo động viên tinh thần đồng đội, hướng dẫn kỹ thuật tác chiến. Chàng trải suốt buổi tối tâm tình với các tổ xung kích. Vi lo âu nhìn lại ánh lửa rục cháy và vẻ hồ hững với thế giới thực tại trong mắt chồng. Nàng tìm quên nỗi ám ảnh bi đát trong công việc, đích thân thay băng thay lót cho các thương binh.

Một tuần sau, các toán viên thám bắt được một binh sĩ địch đang đi kích dâm, cách căn cứ không đầy hai cây số, thuộc

toán tiền sát của pháo binh. Người tù bị bắn gãy ống chân, nên binh sĩ phải lấy áo làm cang khiêng từ chân núi lên bệnh xá. Trung đội trưởng đến báo cho Tuấn và Vi biết để liệu định công việc. Nghe binh chủng của tên địch, Tuấn choàng dậy vội vã. Vi hỏi :

— Người đó bị thương nặng không ?

— Nặng lắm. Đi đường xóc, nên mất máu nhiều. Nhưng hắn vẫn còn rên được.

Vi vội lấy dụng cụ giải phẫu chạy qua bệnh xá. Tuấn đã đến đó trước, quì xuống bên băng ca, lay mạnh người tù binh :

— Anh thuộc đơn vị nào ?

Người bị thương đôi mắt thất thần, nhìn Tuấn không trả lời. Tuấn lay mạnh hơn.

— Anh thuộc đơn vị nào ? Đến đây làm gì ?

Cái băng ca chòng chành, làm cho xương ống chân đâm vào chỗ thịt lở. Người tù thét lên, đau đớn rên la :

— Nước, cho nước !

Tuấn nói :

— Anh phải khai rồi tôi cho uống nước. Họ sai anh đến làm gì ?

Vi không thể chịu đựng được nữa :

— Anh phải để Vi cho thuốc mê cửa gấp chân cho người ta. Không thể để thế này lâu được.

Tuấn gạt ra :

— Có lẽ địch đã biết rõ chúng ta ở

đây. Phải lấy gấp lời khai của hắn rồi còn định liệu.

— Anh cứ lay mãi thế này, hắn chỉ còn có nước thét lên đau đớn rồi chết. Phải để em lo chuyện cấp cứu trước.

— Hắn càng đau càng dễ khai. Anh trách nhiệm an ninh của mấy tiểu đoàn. Không thể để mất thì giờ nhân đạo vật. Nói xong, Tuấn lại lay mạnh băng ca. Người tù thét lên chát chúa, còn Vi ôm mặt khóc. Đôi mắt người tù chột trợn trừng, rồi toàn thân rùng mình, oằn một cái. Tuấn giận dữ quát :

— Không có em xen vào, nó đã kịp khai rồi. Chỉ còn nước di-chuyển gấp khỏi đây. Em có cố ý ngăn cản không ?

Nói xong, Tuấn chạy vội ra bộ chỉ huy. Còi tập hợp thổi gấp rút, binh sĩ lao nhao sửa soạn di chuyển.

Trong bệnh xá, cảnh nhộn nhịp vẫn tiếp diễn : các thương binh được khiêng đi, thuốc men dụng cụ thu xếp vội vã trong các bao lớn. Nửa giờ sau, tiểu đoàn bắt đầu rời khỏi hệ thống địa đạo. Vi vẫn ngồi im trong hầm mốc, bên xác chết người tù binh. Nàng lơ đãng vuốt kín đôi mắt trợn trừng trắng dã, lơ đãng xoa xoa đôi má đen đã lạnh, lơ đãng ấn nhẹ ngón tay lên ống chân bầy nhầy máu bụi.

Khi những quả đại bác đầu tiên rơi xuống bệnh xá, Vi vẫn ngồi yên như vậy. Đốt trên trần hầm phủ một lớp nâu trên bộ quần áo Vi, đóng lớp mỏng trên mi mắt

và da mặt xác chết. Những quả kẻ tiếp rơi xa hơn, rồi đột nhiên, cả căn hầm sụp đổ. Vi không còn biết gì nữa. Sức nổ của quả đạn rơi đúng ngay hầm giải phẫu đã khiến Vi bất tỉnh, máu chảy ra lỗ tai, miệng và mũi.

oOo

6-

—Trong trại C, mọi người đều nằm yên. Lâu lâu có tiếng cựa mình và tiếng đập muỗi trong bóng mờ. Hơi mát từ đầm lầy phía nam thổi vào mũi bùn, mũi cỏ và mũi sương đêm. Không, Vi còn nghe thấy cả mùi dầu dừa trên mái tóc mượt của mẹ.

Những áng mây là động lực của cả quá khứ cuộc đời Vi, cuộc đời Vĩnh, cuộc đời Tuấn. Những áng mây thúc đẩy Vi xa quê hương, rồi những áng mây đưa hai chị em về phương nam; và càng theo các áng mây, Vi càng thấy không khí đượm mùi dầu dừa ngày trước. Bây giờ, Vi hiểu rõ mẹ, hiểu rõ vì sao mẹ tự đánh vỡ thần tượng trong đầu óc hai con để mua dầu dừa chải chuốt làm dáng với ông hương Kiêm. Vi hiểu rõ mẹ, hiểu rõ con người. Ôi! nó yếu đuối làm sao! Và chính vì nó yếu đuối,

nên con người đầy vẻ đáng thương đáng mến. Vi dạt dào lòng thương yêu mẹ.

Chỉ một cái gật đầu, Vi sẽ được khóc trong vòng tay mẹ, ngửi mùi dầu dừa trên mái tóc mẹ... Mà có lẽ, bây giờ, mái tóc trắng xóa ấy không thể mượt như xưa. Mẹ tủi nhục như một đứa con hoang, xấu hổ vì ham sống bước nữa, ngậm ngùi thấy những đứa con xa lạ say sưa với áng mây ảo.

Gió bên ngoài thổi mạnh, lất lay cái choá đèn trước chái. Vi vẫn bản thân không biết phải trả lời thế nào! Về đâu? Có nên về hay không?

Một buổi chiều mệt nhọc đói lả, và cơn ngủ lơ giắc khiến đầu óc Vi quay cuồng. Vi lịm dần, và còn nghe thấp thoáng tiếng la hét hoảng của mấy chị cùng phòng. «Chị Vi lên kinh. Đẻ tay chị ta xuống.» Trong cõi hỗn mang, Vi thấy một người đàn bà bị đạn nhầy nhựa máu mủ đất cát, không còn phân biệt được mặt mũi nữa. Tuy nhiên, mái tóc bạc mượt láng và nồng nực dầu dừa. Trên mái tóc, con quạ đen đậu, quang quác kêu giọng nào nùng.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vỹ Dạ 10.7-1971

Kỳ sau: Phần C: Dư-sinh...

NGÀY THÁNG NGAO DU

của Bùi Giáng

Cuốn sách chỉ dẫn phương pháp thiết thực chiêm bao, bài trừ viên mộng.

AN TIÊM xuất bản, Giá 250đ.

ĐẠI - Á - NGÂN - HÀNG

Trụ-sở chính : 61 65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.927

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Canh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang Long*

ĐT 148



- Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ ngân - hàng :

Nhận tiền ký-Thác, chuyển ngân. Trươg-mục tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái, Xuất-nhập cảng v.v...

- Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Rã rời ngày tháng

Sau giờ dạy, tôi chối từ lời mời của vợ chồng Đào, đưa về bằng xe hơi, đi ngược lên ngã cầu ga, một mình, tôi muốn lang thang một tý. Mấy giờ dạy buổi sáng tiếp đến giấc ngủ trưa ngắn ngủi dật dờ buổi chiều, thêm mấy giờ Lý, Hóa làm tôi muốn rã rượi. Buổi chiều thật tĩnh. Hàng cây muối thẳng tắp, cúi đầu. Khoảng bóng im choán đầy con lộ nhờ những cành cao chum đầu nhau. Đai Chiến-sĩ đứng trơ vơ cứng ngắc trước cổng trường con trai như một con quái vật. Sau lưng đai dòng sông chảy lững lờ. Đã hai mươi mấy năm nhìn con sông nhưng chưa bao giờ tôi thấy nó đẹp như chiều hôm nay. Mặt trời gần khuất sau dãy núi Trường sơn trùng điệp chiếu xuống mặt nước những tia nắng vàng cuối cùng, lấp lánh những ánh thủy tinh. Mặt sông trải rộng đến bao la, ngỡ ngác. Bờ sông lau lách theo gió thổi, kêu xào xạc. Tôi băng qua đường khi đến biệt thự của viên tỉnh-trưởng, có người lính đứng gác trong một chòi canh đặt sát vệ đường. Quanh quần mấy vòng thép gai. Một vài công thự hành chánh còn mang nhiều vết đạn loang lổ, dấu tích của một biến cố năm nào, náo loạn, đảo điên thành phố. Tôi lại băng qua đường, bỏ khu trường Luật đi ngược lên dốc Nam-giao. Nhánh sông nhỏ chảy từ con sông lớn trăm

lặng xuôi về ngã An-Cựu. Cây cầu gãy đã được xây cất xong từ lâu, nhưng tôi còn thấy một mảnh của găm cầu cũ nằm chổng chơ dưới nước. Con dốc không cao nhưng khi đến giữa dốc tôi cảm thấy mệt, tôi định ghé một quán nước, uống ly chanh đá nhưng ngại ngừng nghĩ đến cái cảnh bọn học trò đi về trông thấy, nên lại thôi. Thành phố muôn đời không dứt bỏ được dư luận dòm ngó của thiên hạ. Chợt tôi nảy ra ý định lên thăm mộ Nguyễn một tý nhưng vẫn không bước nổi. Con đường xa hun hút, và lại phải lội bộ một con dốc nữa, phải vào một đoạn đường đất đỏ vắng vẻ mới đến mộ Nguyễn. Nguyễn, một người bạn đồng nghiệp suốt đời chăm chỉ học hành, thi đỗ vào sư phạm, làm nghề dạy học, nuôi mẹ già và mấy đứa em trai. Nguyễn sống âm thầm trong thành phố chỉ đi xa những vụ hè đề chăm thi, lãnh thêm tiền phụ trội công tác. Nguyễn đề ý đến tôi, bạn bè có ý gán ghép tôi với Nguyễn. Tôi không phản đối cũng không đồng ý. Dần dần tôi có cảm tình với Nguyễn. Anh là một người đàn ông bình thường. Mấy lần anh đã ngỏ ý yêu tôi, muốn tôi làm chị mấy đứa em của anh. Tôi đã đồng ý. Thôi thì lấy chồng, tiếp tục cuộc sống dạy học buồn bã đều đặn đến chán ngấy. Chẳng lẽ cứ kéo dài cuộc sống

một mình đến già sao? Sự thật tôi chưa già. Ra trường năm 21 tuổi. 7 năm dạy học làm tôi già đi. Mấy đứa học trò lớn của tôi phần nhiều sau vụ hè đã đi về một bến lạ nào đó hoặc bỏ vào Qui-nhơn học Sur-phạm rồi đi xa. Sắc đẹp trung bình nhưng tôi «có duyên ngầm», mấy người bạn và lũ học trò bảo thế. Mấy năm đầu tôi dạy ở một trường nam. Lũ con trai ồn ào, nghịch ngợm nhưng dễ chịu hơn con gái. Chúng làm tôi yêu nghề nhưng đôi lúc làm tôi phát sợ về sự khôn ngoan quá sớm của chúng.

Tôi ghi thêm cours ở Văn-khoa, lấy thêm một chứng-chỉ nữa, người ta đưa tôi qua trường con gái, ngôi trường mà tôi đã học từ đệ thất — một con bé nhà quê mới lên phổ — đến đệ nhất, rồi vào Sur-phạm. Trong số giáo sư ở trường con gái, tôi gặp Nguyễn. Nguyễn định làm lễ hỏi tôi vào dịp hè năm kia nhưng anh bị gọi đi lính. Sau đó ra đơn vị, đang sửa soạn giấy tờ xin biệt phái thì anh chết qua một cuộc đụng độ khá lớn. Tôi đã khóc mấy ngày. Sau đó, đến thăm mẹ Nguyễn mấy lần, rồi thời gian cũng làm tôi nguôi ngoai, vả lại Nguyễn với tôi tình cảm chưa có gì sâu đậm hết. Tôi nghĩ Nguyễn là một người chồng tốt. Thế thôi. Bây giờ Nguyễn đã xa tôi, xa lũ học trò của anh, tôi nghĩ đến anh, một thoáng ngậm ngùi. Mấy người bạn trai đồng nghiệp của tôi đi lính gần hết; có vài người trở về tiếp tục dạy học, có vài người tình nguyện

đi lính luôn. Những bàn ghế, phòng học, phòng hội đồng giáo sư, năm nào vẫn như năm nào, đều đặn, buồn bã.

oOo

Tôi đón xe Từ đàm, về phố, con phố ồn ào, nhộn nhịp buổi giao thoa giữa ngày và đêm. Tôi lên một xe lam về nhà ngồi chen chúc với mấy bà bạn hàng ở chợ...

Tôi vừa vào đến cổng, con bé Thu, cháu kêu tôi bằng dì, chạy ra liến thoắng:

— Dì ơi, có một ông lính đến tìm dì.

— Ai? Tôi hỏi.

— Dạ, có một ông lính đến thăm dì, ông ngồi từ hồi chiều đến giờ. Ông nói ông học trò cũ của dì.

Tôi bước vội vào nhà, ại nhỉ? Học trò cũ thì nhiều, biết là ai. Người lính thấy tôi, vội đứng dậy:

— Cô! Cô nhớ em không?

— Tôi thấy quen quen, em tên gì nhỉ? học với tôi năm nào?

— Dạ, em là Lữ đây! ở N. T. P.

— À, tôi nhớ rồi, có phải «Lữ thi sĩ» không?

— Dạ đúng rồi. Em Lữ đây, nhưng giờ không thi sĩ nữa, mà chiến sĩ.

— Ờ, chiến sĩ tôi biết rồi. Em ngồi chơi. Tôi nhớ em chứ, em là học trò lớn nhất lớp hồi đó; em giỏi Quốc văn nhất lớp.

Tôi ngồi đối diện người học trò

cũ, bây giờ là một người lính, khuôn mặt mang nhiều phong trần, mấy nếp nhăn trên trán, bộ đồ răn rì trên mình.

— Mấy năm nay em ở đâu? Có hay về Huế không?

— Dạ, mấy năm nay em ở trong Nam. Lâu lắm rồi em mới về lại đây, về đây buồn quá cô!

— Ừ, ở đây lúc nào cũng vậy mà em.

— Cô vẫn ở một mình? Lữ hơi ngập ngừng bắn khoăn.

— Tôi vẫn ở một mình; còn em vợ con gì chưa?

— Chưa cô ạ! Cô còn nhớ lớp đệ tứ giờ Công dân?

Lời nói của người học trò kéo tôi về một kỷ-niệm gần bảy năm về trước. Người học trò tôi kêu lên trả bài hồi đó là một đứa học trò lớn, xấp xỉ gần bằng tuổi tôi. Hắn ở nhà quê lên, bị thất học mấy năm. Hắn rất giỏi Quốc văn và làm thơ khá hay, bạn bè thường gọi hắn là thi sĩ. Hắn làm trưởng ban báo chí nhà trường. Giờ Công dân thay vì đem vở lên trả bài, hắn cầm tờ báo trường, quay ronéo, lên nói: «Thưa cô, em không thuộc bài, cô cho lần sau đọc; em biểu cô tờ báo của tụi em làm». Tôi thương hắn vì hắn học giỏi, có chức sắc trong trường nên nói: «Được rồi, cho em mắc nợ». Tôi cầm tờ báo, lật ra coi. Ở trang đầu tôi đọc được một câu: «Thưa cô, Em yêu cô vô cùng. Lữ». Tôi choáng váng mặt mày run lên cầm cập tôi định la mắng hắn nhưng vội kìm hãm được. Tôi

xếp tờ báo lại, cố nói tỉnh: «Thôi! Em về chỗ.» Tôi kêu những đứa khác, sau đó hết giờ học tôi vẫn còn run và giận hằn. Tôi xin ông Giám-học đòi giờ Công-dân qua lớp khác. Hẳn sợ nên nghỉ học mấy hôm, may nhờ học giỏi và làm trưởng ban báo chí nên không bị ra Hội đồng kỷ luật. Từ đó hẳn hay tránh mặt tôi nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn bắt gặp hắn nhìn trộm tôi thật nồng nàn, đăm đuối. Tôi cho là con nít, bông bột, lãng mạn rôm nên không mấy quan tâm. Hết niên khóa hắn lên lớp đệ tam, qua trường khác, lâu lâu tôi nhận được một vài bài thơ của hắn, để tặng tôi, đem nói cho mấy chị bạn mà cười với nhau. Rồi tôi cũng quên bẵng hắn đi. Thỉnh thoảng thật tình cớ tôi đọc trong một vài tạp-chí, thấy thơ của hắn, tôi chợt nhớ hắn một tý, rồi quên đi. Bỗng dưng tôi mỉm cười. Tiếng người học trò cũ vang lên, làm tôi sực tỉnh cơn hồi-tưởng:

— Cô đang nhớ lại chuyện ngày xưa, giờ Công-dân?

— Đúng rồi đó em. Mới đó mà gần bảy năm rồi em nhỉ?

— Em đi lính đã 5 năm. Trôi nổi thật nhiều đó cô.

— À hồi này em còn làm thơ nữa không Lữ.

Lữ châm thuốc, thả khói.

—Hết rồi cô ạ. Thi ca đã bất lực. Em vì quá mê nên vô cùng khổ sở. Thơ không nói lên được gì giữa cuộc sống quá nhiều điều lớn lao và dồn dập như bây giờ.

—Em ở đơn vị tác chiến?

— Dạ. Đơn vị em gần như đánh

nhà một năm 12 tháng. Đã mấy lần suýt chết cô ạ.

—Bây giờ con trai, ai cũng phải đi lính. Thằng em cô mới vô học đệ thất năm nào đây, bây giờ sắp sửa bị gọi rồi đấy.

—Không đi không được cô ạ, nhưng cô nghĩ coi chiến đấu cho ai và làm gì đây? Tội em bơ vơ quá.

Lữ lại châm thuốc, hút liên miên, tôi để ý thấy ngón tay trỏ của Lữ vàng khè.

—Em hút thuốc nhiều quá. Không tốt.

—Dạ, quen rồi cô ạ, đôi lúc không thèm cũng hút.

—Sao? Kỳ này còn xin tiền cô mua thuốc lẻ nữa không?

—Dạ, chắc không xin cô nữa đâu. Nhưng đôi lúc cũng đôi dài ra. Cô nghĩ coi, lương có bao nhiêu đâu. Lăn ra là hết liền.

—Rồi làm sao sống?

—Cũng qua ngày cô ạ, bây giờ không xin tiền cô giáo mà xin tiền mấy con điếm Mỹ.

Tôi khẽ cau mặt. Ăn nói táo tợn thế sao Lữ? Tôi im lặng. Hình như biết tôi không bằng lòng, Lữ búng tàn thuốc ra sân:

—Em xin lỗi cô, nhưng sự thật đó cô. Bọn nó sống nhờ tội em bảo vệ, bọn em nhờ tiền bạc, thuốc men của tội nó. Và cả xác thịt nữa.

—Vậy là một hình thức...

—Vâng! Cô muốn nói đến hình thức "ma cô". Dạ. Không hơn không kém.

—Buồn ghê Lữ nhỉ.

—Dạ. Cô ở mãi giữa sách vở. Trong khuôn viên trường học, cô làm sao biết được những sự thật của cuộc sống mà cô và sách vở của cô có dạy tội em đâu.

—Cô cũng hối tiếc đã chọn lầm nghề. Nhưng bây giờ mỗi người có một điều kiện và lý lẽ riêng phải sống. Nỗi bất hạnh của chúng ta là không dám làm những điều mình muốn làm.

—Bỗng dừng lại cãi lý với cô. Vô duyên quá. Cô không đói bụng sao?

—À! Em ở lại ăn cơm với cô nhé. Để cô biểu em mấy gói thuốc. Hôm qua, có người quen gọi cô một con bé vào đệ-thất. Người ta tạ ơn mấy ký bom, nho, và mấy gói thuốc con mèo gì đó.

—Dạ. Cám ơn cô. Gì chứ thuốc hút em lấy liền. Lữ cười sau câu nói, tôi cũng bật cười. Tôi nói uống nước đi em và cầm ly nước.

—Em về phép bao lâu? Sao em không xin ra ngoài này cho gần nhà.

—Mười ngày cô ạ. Em không thích về Huế, ở xa thì em nhớ, nhưng về đây em lại chán và ghét.

—Năm biển-cổ em ở đâu?

—Ở Huế. Em theo chiến đoàn ra đây. Em tìm cô khắp các trại định cư, mà không gặp.

—Cô ở Kiều - mẫu.

—Em có đến đó nhưng đông người quá. Vả lại ít thì giờ. Bọn em hết hạn xuống Phú - bài về trong đó. Mũ xanh ra thay bọn em.

Buổi cơm tối có thêm người học trò cũ làm tôi vui lên. Con

bé Thu cũng cảm thấy gần gũi Lữ, nó hỏi chuyện thân mật với Lữ. Lữ trở nên hiền từ, chậm chạp. Tôi nói cho Lữ nghe về cuộc sống đều đặn buồn chán, nhưng thay đổi nhỏ nhỏ của trường học : Một vài giáo-sư đã đổi đi, hoặc chết, viên cai trường vẫn với cái dùi trống đánh giờ ra chơi vào học, ngày 4 lần không xê xích mấy may. Tôi nói về sức học của học trò bây giờ, kém sút hồi xưa nhiều lắm. Bọn trẻ bây giờ chúng khôn quá : hút thuốc, ăn mặc lơ lửng ; con gái thì đua đòi, không như hồi xưa, lúc cô còn đi học — đại khờ làm sao ấy. Lữ nói: thời buổi chiến chinh mà cô. Tôi không đồng ý. Tôi nói cái gì cũng đổ lỗi cho chiến tranh. Em không thử tìm hiểu những tệ-trạng đó xảy ra vì một lý do nào khác sao. Lữ cười buồn, đôi mắt u uẩn, xa xôi. Tôi tình nghịch cầm bao thuốc rút ra một điếu đưa lên mũi.

— Không hiểu sao con trai người nào cũng thuốc lá, cà-phê. Hai thứ đó có gì hấp dẫn không hả Lữ ?

— Thú lắm chứ cô. Nhưng bắt đầu thì chẳng thú vị gì. Riết rồi quen không có không được.

— Sao mấy năm lính, em có đi đâu xa không?

— Dạ “em xuất ngoại” 2 lần.

— Những đâu cơ ?

— Kampuchea và Hạ Lào

Tôi phá lên cười. Lữ cùng cười theo, tôi nheo mắt:

— Cô tưởng Tây, Mỹ gì chứ đó đi hành quân mà,

— Dạ, vượt biên giới coi như xuất ngoại mà cô.

— Em chắc mới ở bên đó về?

— Vâng, em vừa từ Hạ Lào về. Trận chiến vừa rồi kinh khủng quá cô. Em là một trong những kẻ may mắn. Vô cùng may mắn.

— Những đồng đội em thế nào?

— Tụi nó ngủ kỹ quá cô. Em đói 3 ngày liền. May nhờ bọn lính khiêng ra bãi đáp trực thăng kịp. Những ngày trước, nghe bài hát của một ông nhạc sĩ trẻ nói về những người lính chết như mơ, chết bên bờ suối em không tin. Bây giờ chính em chôn xác bạn bè bên bờ suối, đánh dấu ở một gốc cây lớn, để hy vọng sau này đem xác họ về quê hương — tiếng kể chuyện của Lữ trầm trầm làm tôi chóng mặt. Khi trực thăng đáp xuống đất mình an toàn, em đứng trơ giữa bãi đáp, gió cuốn tung cát bụi, em bật khóc ngon lành. Lữ nói tiếp. Khóc không phải mừng rỡ vì thoát chết mà khóc cho thỏa thích sau nhiều ngày tháng không khóc được... Tôi giờ tay ngắt lời:

— Thôi Lữ ạ. Nghe em kể chuyện, tôi buồn quá. Em không có chuyện gì vui hơn sao?

— Đời em đầy rẫy những chuyện buồn. Những ngày đi học em hụi bảnh trong vấn đề cơm áo, sách vở. Tình yêu lại đèo bòng, cô có còn giận em chuyện ngày xưa không ?

— Hết rồi Lữ ạ, bây giờ cô giận em lắm, nhưng bây giờ em đã lớn,

đã trưởng thành. Tuổi trẻ ai cũng một lần nông nổi.

Lữ chợt im lặng, đốt thuốc, những làn khói trắng bay tản mạn trong căn phòng nhỏ, bé Thu đang học bài trong phòng bên. Lữ ngỏ ý mời tôi ra phố. Lâu quá không được đi chơi với cô. Vả lại mai mốt em lại đi rồi. Cô không ngại điều gì chứ. Lữ nói như thăm dò một người thứ ba. Tôi đắn đo, lưỡng lự. Tôi không ngại gặp người quen ngoài đường phố, trong quán nước, nhưng tôi muốn ngồi mãi trong tư thế thoải mái này để nghe người học trò cũ nói về những ngày tháng xa, nói về những vui buồn của cuộc sống, của chiến tranh đã làm Nguyên bỏ tôi, bỏ mẹ già, em trai anh, đã làm lũ học trò tôi phá phách, bỏ học nửa chừng và có nhiều đứa đã chết. Một thời đại buồn bã làm sao.

oOo

Tôi đi bên Lữ, qua mấy con đường loang lổ bóng tối trong thành nội. Những hàng nhãn hàng phượng lặng thinh, tôi cảm thấy nhỏ bé lạ lùng: Tôi không còn là cô giáo của một bụi gỗ cao, bảng đen, phấn trắng, mực đỏ. Lữ đã hết từ lâu là một người học trò lúng túng trả bài trước mặt cô giáo trẻ mà hắn đã táo bạo ngỏ lời yêu. Hắn có vẻ mạnh bạo, lộc lõi, nhưng không dấu được cái ngại ngùng, xa cách giữa tôi và hắn. Hắn nói: những ngày mới vào lính, em nhớ cô kinh khủng, mà không hiểu tại sao em lại yêu cô—bạn gái cũng lú thiếu gì phải không cô? Vậy mà em đã yêu cô. Tôi

úi đầu im lặng. Đã lâu lắm tôi không đi bên cạnh một người đàn ông, một người con trai. Những lần xê dịch hàng ngày ở trường học tôi gặp những ông bạn đồng nghiệp, sao tôi đứng dừng. Tôi xa cách tất cả. Tôi cũng thêm một nơi háms đàn ông, một bàn tay vuốt ve, một cặp mắt đại khờ đắm đuối, yêu đương. Chợt tôi có cảm tưởng Lữ là người tình của tôi chứ không phải người học trò cũ vừa từ mặt trận về thăm tôi. Lữ đưa tôi vào quán nước, có ánh đèn màu, có những âm thanh buồn bã của nhạc tình cảm, xanh xao vàng vọt. Ở đây tôi bắt gặp những khuôn mặt non choẹt, ngây thơ, ngồi im lặng bên những tách cà phê nhỏ giọt. Khói thuốc tỏa đầy quán. Lữ chào hỏi một vài người quen, bạn cũ. Tôi thấy Lữ lớn hẳn lên trên đám bạn bè còn lại của hắn. Lữ nói chuyện với những người lính một ngôn ngữ lạ lùng. Khi Lữ giới thiệu tôi với bạn bè hắn, tự dưng tôi trở về vị trí cô giáo, đám bạn bè Lữ trở nên e dè, kính cần. Tôi bỗng nhiên thương mến những người lính. Trong những ngỗ ngáo, phá phách, say sưa, ít ra họ còn lại một chút gì. Những người lính trở về bàn của họ. Tôi mỉm cười với Lữ:

— Lâu lắm rồi tôi mới vào quán nước đó em.

— Vậy thì em hân hạnh lắm.

— Em lại khách sáo rồi. Bây giờ tôi coi em như một người bạn, vả lại mai mốt em không còn ở thành phố này nữa rồi, phải không Lữ.

— Dạ. Mai em phải đi rồi, nhưng ở đâu em cũng vẫn nhớ đến cô. Em sẽ thư cho cô nhé, cô đồng ý không?

Tôi gật đầu, cười nhẹ:

— Em có quyền đó, thư cho cô kể chuyện đường xa xứ lạ, cô bây giờ chắc chôn chặt cuộc đời với ngôi trường cò, với đám học trò với căn nhà khuất kín và những con đường quen thuộc, đi mãi không ra khỏi.

— Chúng tôi cùng im lặng. Âm thanh của chiếc máy hát bỗng trở nên ồn ào.

Một vài người khách ra vào, im lặng. Những khuôn mặt trẻ im lặng đến phát sợ. Im lặng. Chỉ còn tiếng hát lừng khừng lảng đãng của một ca sĩ thời danh — “một ngày, như mọi ngày, em trả lại đời tôi..., đi về một mình tôi” — Lữ ơi! ngày mai em trả lại tôi con đường đến trường hun hút bóng cây, một mình bóng ngả dài. Có lẽ tôi yêu em mất Lữ ơi! Bỗng dưng nước mắt tôi trào ra.

TỔNG-CHÂU-ÂN



Nhức đầu

đi lộng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ



MR 6 1211/BYT/QCOP

CHIÊU HỒN CA

PHẠM THIÊN THU

gió thu cuộn mây vàng man mác
sợi mưa bay ngơ ngác đìu hiu
hồn ơi ngọn suối lưng đèo
lẳng chuông Tịnh độ mà theo hương về,
hoặc lần chốn g^à quê lũy trúc
hoặc lạc nơi cú rúc non chiều
hoặc nương cổ tháp trắng treo
khóm hoa dậm cỏ sương heo hút mù
hoặc theo cánh chim thu xào xạc
vùi bãi sông lác đác sương sa
hoặc nơi hào lũy giang hà
vật vờ giậu thép cánh hoa tiêu điều,
trắng đất khách trùng kêu tha thiết
bọt sóng tan biếc biếc ngàn khơi
quê xưa tím ngắt chân trời
cheo leo bãi mộ rã rời gió mây
hồn từ ở Đông, Tây xức xức
gặp thể thời, lữ thứ vương thấy
lập lờ khóm cỏ bờ cây
lang thang oán khí với đầy tình riêng
oán vì nỗi khuôn thiêng khe khắt
nửa chừng xuân bể quách cảnh hương
đời đang thắm lục tươi hường
bỗng đem ném giữa sa trường bụi bay
trời thăm thăm tầm tay khó với
tiếng than ngậm nào tới lâu ai
sơn hà giận chữa vron vai
qua loa năm đất chôn hoài chí cao
giận vì bị ném vào canh bạc
nẻo chính tà ngơ ngác cờ bay
hỏi trời, trời chín lằng mây
hỏi người, người mãi Đông Tây thì thảo
có ngại chi ra vào còn mất
chỉ thương người lật đật sớm hôm

cậy ai bát cháo miếng cơm
tang con đề trước gió vương mộ dài
tưởng khuya sớm ngô khoai hiểu đường
nào ngờ đâu vất vưởng thân thừa
tóc già bạc nằm mây đưa
sớm đầu chợ tụ, tối bờ lau tan
tay giặt chậu cơ hàn lệch thề
trời bao la chẳng đất dung thân
xó hè thớt chợ ngại ngần
sống nhờ bã rác xoay vần lắt lầy
lại vì người thơ ngày đang độ
tưởng duyên nông hoa trở tầm xuân
ai ngờ một phút sa chân
cõi đời riêng gánh phù vân lạc loài
con mỗi cửa nhờ ai chẳng biết
bán thân tàn giá tiết vài trăm
tan xương đất chẳng yên nằm
mưa gieo buốt cốt gió căm rùng người
lại anh em mỗi nơi lưu lạc
chốn lửa hồng sống thác nào hay
cả cười xưa hẹn chung tay
tạo nên gió bão chuyển xoay vận đời
giờ hoặc thân giữa nơi khảm lạnh
hoặc muối dưa ần lách cửa không
xót thay! hồn chẳng yên lòng
nhờ câu chính khí đèn chong lửa thần.
lại nhớ ai áo ngàn lệ ngọc
tưởng một mai kết tóc xe duyên
trăng thu còn tỏ lời nguyện
bồng dung một sớm hai miền âm dương,
kẻ bụi cỏ bên đường mất xác
người hiên Tây ngơ ngác cười trắng
cuộc đời được bấy nhiêu năm
nửa ơ phận cũ, nửa rằng duyên sau,
hồn buồn cũng rầu rầu ngọn cỏ

oản hồn xông lá gió vàng bay
âm dương cách trở nào hay
nén hương tâm nguyện mời ngay hồn về.
hoặc oan uổng chốn quê lửa đạn
tai vạ bay hoạn nạn bỗng dưng
xóm thôn lửa ngất bùng bùng
sớm còn xum họp tối dưng lệ mờ.
có kẻ gì trẻ thơ già cả
thằng tay hờn súng nữ thầy phơi
bom bay đạn réo toí bởi
thịt tan thành bụi sương rơi thành làn.
ruộng nứt nẻ khói oan chất ngất
bao gia đình còn mất nào hay
hoặc khi dằng dẳng tù đầy
hoặc khi tưới cổ bốn cây đã rồi.
hồn một lũ nôi trời vơ vắt
ngút quê hương khi uất chưa tan
tụ về nền cũ vườn hoang
đèn sao le lói khóc than lạnh lùng.
hoặc một hố chôn chuông thịt nát
hoặc khe sâu từng loạt đầu phơi
vật vờ khắp chốn khắp nơi
chẳng cơm cúng vía chẳng lời tiếc than
năm xương trắng Bắc Nam chẳng khác
thể Xuân thu oán thác như nhau
thảm thay biến thảm còn dáu
màu da, chủ nghĩa còn đâu đầy mồi
kiếp sóng nổi lô xô khổ hải
cuộc phũ hưng nắng quái chớp lòe
cội nguồn tà kiến tham mê
hai phương lửa dậy bốn bề can qua
chuỗi nhân quả vào ra chẳng khác
cửa luân hồi sống thác ai qua?
tỉnh rồi mau cứu mình ra
lấy ân báo oán thoát nhà trầm luân
nương tánh Phật sửa thân khẩu ý
sạch hận thù oán khi tiêu tan
nghiệp lành chuyển hóa thể gian
thái bình an lạc Niết-bàn là đây.
hương giải thoát kết mây biến hiện
chuông thiền oai rúng chuyển Diêm-cung

từ bi đại lực đại hùng
hào quang chư Phật vô cùng sáng soi
nghiệp hồn đọa đầu sôi lửa bỏng
hoặc tù giam ngục đóng gông tra
tỉnh tâm niệm Phật Di-Đà
mê sân tan biến khỏi qua ách nản.
ngày giải hạ trai đàn thiết lập
hồn mười phương gấp gấp tìm về
tựa nương cội mát Bồ đề
nghe kinh sám hối phá mê huyền lòng
ơn Tam Bảo vô cùng vô lượng
mười phương trời Tánh, Tướng dung thông
chuyển mê phá ngục trần hồng
hồ sen bất-nhị nở bông đại từ

Đại lễ Vu-Lan 2513 — chùa Vạn Thọ

PHẠM THIÊN THU

HƯƠNG XUA

Thơ ĐỊNH NGUYỄN

Anh về hiên đồ thềm rêu
Sầu nghiêng liếp rách ao bèo tàn Thu
Mái tình sào sặc nắng trưa
Hơi may gọi chút âm thừa đẩy thôi
Cái đầu soi mặt giếng khơi
Nghe thâm tâm vọng những lời buồn tênh
Then gài cửa bụi nhện giăng
Bụi ngùi hương cũ vườn tình lá bay
Âm thầm lệ nhỏ trên tay
Khóc nhau còn chút thơ ngây cuối cùng
Anh về chiều rét căm căm
Nắng vàng rơi rụng ngày tàn ngàn đi
Cũng đành thôi ! Chẳng còn gì
Nửa trời mây trắng trôi về Nghìn Sau

Căn cứ hỏa lực Holcomb tháng Tám 71

Ngày nào đó

Thơ HUỲNH KIM SƠN

Và mai: này cuộc tương tàn chấm dứt
Tôi trở về đi: còn một cánh tay
Tôi vẫn sống giữa cuộc đời cơ cực
Cảm ơn người vẫn còn chút nương tay

Tôi sẽ giữ đàn con thơ thay vợ
Vợ tôi cười như thuở mới yêu nhau
Cơm dưa muối nhưng niềm vui mở ngỏ
Chiều nhìn mây thương từng cánh hoa cau

Và ngày đó ruộng đồng thơm hương đất
Khu vườn xưa đầy trái ngọt cây lành
Người bốn hướng quay về đây góp mặt
Trai gái làng rộn rã gửi thư xanh

Vợ tôi nắm một bàn tay còn lại
Kiêu hãnh nhìn tôi tình thắm duyên thơ
Rồi khẽ hát bài ca dao của mẹ
Ru tôi vào trong giấc ngủ say mơ

Ngày nào nhỉ — cuộc tương tàn mới dứt?
Tôi mỗi mòn nghe từng phút đau thương

Em gái vườn

Thơ TRẦN DZA LỮ

Em tôi như bóng cau gầy
Thân nghiêng vườn cũ hồn đầy mái đau
Mấy năm buồn quán ngang đầu
So vai dù lệch mộng sầu cỏ thôn
Em tôi vẫn níu ruộng đồng
Tình băng băng chảy một dòng thời gian
Sớm mai thu quạnh sương dần
Vẫn tay cuộc đất dưới ngàn diu hiu.

CÁT BỤI

Thơ LÊ PHỒ ĐỨC

Em như lớp bụi mù khơi,
Sớm trên đô thị chiều đời non cao.
Tôi như hạt cát biển trào,
Nay ghềnh mai bãi lao đao cuối trời.

Em xa tình cũng khô môi,
Tàn hương ân ái héo lời thở than.
Tìm đâu gió nội trăng ngàn,
Để cho cát bụi hợp đoàn rong chơi ?

Em đi mang theo nụ cười,
Tôi ngồi nhìn thấy khoảng đời trống không !

trong «Thơ Của Người Lính»

NGÀY VỀ

Thơ HẰNG VŨ

gửi Oanh,

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa...

Bảy năm trời anh quê người dong ruổi
Chuyện tình xưa chìm đáy biển sâu buồn
Anh ngược mặt sông sờ ba mươi tuổi
Ôi, thời gian : con suối lặng đều tuôn !

Em trắng tuyết, ngày anh đi, mười bốn
Chiếc áo dài mẹ chưa chít bên hông
Em nhảy nhót nô đùa như cánh bướm
Dặn gửi nhiều quà bánh kẹo em trông.

Ngày anh về ngẩn ngơ bên cửa sổ
Tà áo ai nở tím cuối con đường ?
Mẹ âu yếm trong nụ cười khép mở :
— Ờ... con Oanh, giờ dạy học trên trường.

Anh chợt về, chợt đi như cánh én
Thay quà xưa anh gửi trái tim hồng
Trang thư nhỏ ngọt thơm câu hò hẹn :
Trên môi hiền anh sẽ trút thương mong !

Sài-thành, hè 71

SẮP PHÁT HÀNH

Muốn biết sự khác biệt giữa những danh từ mới như lập trường, quan điểm, đường lối, chính sách, sách lược, hội đàm, hòa đàm, mạn đàm, tọa đàm v.v... và nên dùng như thế nào, hãy tìm đọc :

NÓI CÓ SÁCH

của VŨ BẰNG

Mỗi danh từ giải thích đều có kèm theo thí dụ.



NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH:

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU

- tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá sản
- hi vọng của tuyệt vọng trong tình bạn, tình yêu, tình người...

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản

Đón đọc :

TUỔI THO'

của Maxime Gorki

Bản Việt văn của Vũ-Minh-Thiều

Đây là tác phẩm chính của GORKI, trong đó kỳ tài của đại văn hào biểu lộ rõ rệt nhất. Một tự truyện chất phác, không cầu kỳ, nhưng nhuộm đủ màu sắc : kín đáo, linh động, thấm thía, khó quên được. Một lối diễn tả của TOLSTOÏ, nhưng tính cách cá nhân nổi bật hơn ; không nặng nề, đen tối, hay như một bài thơ thuần khiết, không chút giả tạo.

TRÍ ĐĂNG XUẤT BẢN

Trên giải đất của chia rẽ và căm thù,
Giữa thế giới hôn mang vì xung đột tư tưởng,
hãy đọc

NHẤT NGUYÊN THẾ GIỚI

của Swami Vivekânanda

Một dòng phân tích triển miên từ vũ trụ đến nội tâm để tìm thấy Nhất nguyên.

Phân tích cả mọi tôn giáo triết hệ đều cùng thấy Nhất nguyên như trăm sông đổ về biển cả.

bản dịch của Thạch Trung Giả
Thái Bình Dương xuất bản

Cơ sở xuất bản Ý THỨC

Trân trọng giới thiệu

CÁT VÀNG

Tập truyện của LỮ QUỲNH

« Hẳn chợt nghĩ tới số tuổi hai mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hẳn. Hai mươi tuổi, hẳn không có một chọn lựa nào hết. Sinh ra và lớn lên giữa chiến tranh, hẳn thụ động trước mọi áp lực. Hẳn như con thú sợ hãi trước mọi họng súng của thợ săn. Ai cũng có thể bắn ngã, và suốt cả một phần đời hẳn chỉ biết chạy trốn».

HÀM THỤ tổng phát hành

Những người khổng lồ

Nhà văn Alexandre Soljenitsyne, giải Nobel 1970, vừa cho xuất bản một tác phẩm mới — Về một đề tài cũ.

Trái với bao nhiêu cuốn truyện đã ra đời, tất cả đều nói về những chuyện liên quan đến chế độ hiện tại ở Nga xô, lần này A. Soljenitsyne chọn một đề tài lịch sử: cuộc thế chiến thứ nhất.

Sách nhan đề là: «*tháng 8-1914*», bản Nga vẫn ra đời tại Paris, một bản Đức ngữ sẽ được ấn hành tại Tây Đức vào năm tới.

Tháng 8-1914 thực ra không nói về cả tháng 8: Truyện chỉ xảy ra trong khoảng chừng một tuần lễ thôi, thế cũng đủ làm cho sách dài sáu trăm chữ nhỏ.

Hình như đây chỉ là phần đầu của một công trình dài hơi. Người ta chờ đợi một bộ *Chiến tranh và Hòa bình* thứ hai của văn học Nga.

«Người ta» liên tưởng đến tác phẩm của Tolstoi; mà có lẽ chính Soljenitsyne, ông cũng có một liên tưởng như thế. Cho nên ở nhiều đoạn trong sách ông cũng trình bày quan niệm của mình về chiến tranh, về lịch sử v.v..., gián tiếp đối chiếu quan niệm của Tolstoi.

Tác phẩm lớn lao ấy được viết trong 2 năm, và được chuẩn bị trong 35 năm. Hồi đó, vào năm 1936, Soljenitsyne mới có 18 tuổi.

Thời gian 35 năm ấy chưa nói hết

cái công phu của tác giả. Công phu ấy còn xuất lộ sò sò trong cái kiến thức về lịch sử hết sức phong phú và ai nấy đều có thể thấy trong tác phẩm.

Việc học hỏi, tìm tòi, tra cứu tỉ mỉ như thế ở một tiểu thuyết gia, một nghệ sĩ, là điều đáng chú ý. Việc tra cứu, tìm tòi của một nghệ sĩ liên tiếp trong nhiều ngành chuyên môn khác biệt nhau, là điều đáng kinh hãi: Trong «*Vòng ngục thứ nhất*», độc giả gặp một Soljenitsyne toán học, vật lý gia; trong «*Phòng bệnh ung thư*», độc giả gặp một Soljenitsyne đi sâu vào vấn đề y học, trong «*tháng 8 năm 1914*», lại gặp một Soljenitsyne sử gia!

Những chữ viết hoa

Nhưng đối với nhà nước Xô viết ở Nga, có lẽ đáng ngán nhất là Soljenitsyne tiểu luận gia.

Những bức thư, những bài trần tình chống kiểm duyệt của ông, những bài lên tiếng đề bênh vực bạn bè, phản đối đàn áp v.v... thật gay gắt, ác liệt.

Khi nhẹ nhàng, thì cái nhẹ nhàng của ông cũng thấm thía. Chẳng hạn trong lời bạt cuốn *tháng 8 năm 1914*, Ở đây, ông đề cập tới quan niệm duy vật. Chính quyền Nga cấm viết Thượng đế với chữ hoa ở đầu.

Chúa không được phép hưởng một chữ viết hoa.

A. Soljenitsyne thêm một nhận xét: Trong khi đó thì cơ quan mật vụ nhà nước được hưởng đến ba chữ

viết hoa : K.G.B !

Phương tiện và nghệ thuật

Sài gòn đang tổ chức một cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế Nghệ sĩ. Việt nam chưa chấm thi, chấm nhạc, chấm kịch, chấm họa v.v .. của nhân tài các nước; nhưng nhiếp ảnh từ hơn mười năm nay, thiên hạ tứ xứ cần gửi đến cho ta chấm đều đều, và ta xứng đáng.

Nhiếp ảnh là bộ môn nghệ thuật xuất hiện muộn màng nhất ở Việt-nam, lại sớm phát triển đến tầm vóc quốc tế nhất. Cái lạ nữa, là nó phát triển trong sự thiếu thốn.

So với ta, một vài tổ chức hoạt động nhiếp ảnh gia của các nước thấy mà khiếp, về mặt phương tiện. Chẳng hạn chiếc tàu Mermoz của Pháp hồi tháng 7 vừa qua.

Người ta thuê chiếc tàu thương thuyền Mermoz 12.500 tấn đi trong 3 xứ (Hy-lạp, Thổ, Nam tư) trong 2 tuần lễ, để chụp ảnh chơi.

Số người tham dự là : 474 người.

Số vật liệu sử dụng trị giá 1 triệu 700 nghìn quan (không có thuế) : 3.500 cuộn phim màu ; 100 chiếc máy chụp hình đủ hiệu cho mượn, ngoài số máy cá nhân ; 50 máy quay phim ; một phòng tối có thể rửa mỗi ngày 250 cuộn phim màu !

Lại phương tiện

Nhân nói về vấn đề phương tiện lớn lao của giới nghệ sĩ Âu Mỹ ; xin quay lại tháng 8 năm 1914 một chút nữa.

Sau khi bản Nga ngữ ra đời, các nhà xuất bản tranh nhau dịch. Hình như cho đến nay, số tác quyền nhượng cho mấy nhà xuất bản Anh, Pháp, Mỹ, Đức.v.v. tính sơ sơ đã lên tới 2 triệu Mỹ kim.

Số tiền ấy, cộng với 78 000 Mỹ kim giải thưởng Nobel năm ngoái, tất cả được gửi ở một ngân hàng Tây Đức.

Không biết rồi A. Soljenitsyne dùng cái "phương tiện" ấy vào việc gì.

Mau mau làm ăn bằng lịch sử

Bên Âu châu, trên thị trường sách báo hình như có một dấu hiệu mới : Tình dục đi xuống, Lịch sử đi lên.

Các cửa hàng của ông vua dục tình ở Pháp là ông Trương Công Thanh (một người Việt cao quí) đã bắt đầu vắng khách. Chính quyền khắt khe không cản trở được ngành khai thác dục tình ; chỉ có sự chán chê của quần chúng.

Bây giờ thì các tạp chí chuyên san về lịch sử đua nhau ra đời, và hốt bạc, dĩ nhiên.

Chung quanh tờ *Historia* cổ kính, có cả một hệ thống : *Historia magazine*, *Historia XXe siècle*, *Historia hors-série* v.v... Rồi *Historama*, *Histoire pour tous*, *Miroir de l'histoire*, *Cahiers de l'histoire* v.v...

Tại sao Lịch sử bỗng nhiên ăn khách? Thái độ quay về dĩ vãng của quần chúng có ý nghĩa gì? Trốn thực tế hiện tại chăng? — Các nhà xã hội học sẽ tìm câu trả lời.

Trước khi tìm hiểu hiện tượng ấy,

giới kinh doanh bằng bút mực ở xứ ta hình như đã hưởng ứng phong trào kịp thời : *Làm thế nào để giết một tổng thống, Nhật ký Đỗ Thọ, Con sói cô đơn, Bí mật ngày 1-11-63, Làm thế nào để giết Ngô đình Cần v.v...* cũng là những thành công đáng kể trong ngành buôn bán lịch sử.

TRANG THIÊN

Nhật Tiến và Thiếu nhi

Hai anh chị Nhật Tiến và Phương Khanh tuy là tác giả của rất nhiều văn phẩm cho người lớn nhưng vẫn mơ ước ra được những sách báo thật thích hợp với tuổi thơ. Ước mơ này nay đã thành sự thật với tuần báo *Thiếu-Nhi* ra ngày Chủ-nhật, ra mắt các nhà văn, nhà báo, nhà phát hành và những thân hữu sáng ngày 15-8-1971 trong một tiệc trà tại trụ sở Hội Bút-Việt do Nhóm Chủ-trương tuần-báo *Thiếu-Nhi* tổ chức.

Trong buổi tiếp tân, có một ban nhạc thiếu nhi giúp vui, ông Chủ nhiệm Nguyễn Hùng Trương — Giám đốc nhà sách Khai Trí — và ông Chủ biên Nhật Tiến của Tuần báo *Thiếu nhi* có nói qua về lý do sự có mặt của tờ báo và đường lối chủ trương. Đại cương đường lối của « Nhóm Chủ-trương tuần báo *Thiếu Nhi* » nhằm : Giải trí trước giáo dục và giáo dục theo tiêu chuẩn Vui mà Học ; Chuyển ngữ sách báo *Thiếu nhi* nước ngoài ; Làm này nở lòng yêu quê hương và truyền thống dân tộc, lòng nhân ái, vị tha, tinh thần trách nhiệm... ; Hình ảnh thật

nhiều đề dễ tiếp thu học hỏi...

Những tiêu chuẩn trên đây quả đã được thể hiện trên số báo ra mắt này cùng những số kế tiếp sau đó (*Thiếu Nhi* đã ra tới số 5) với khổ lớn 32 trang có rất nhiều mục bổ ích và tranh ảnh. Chúng ta rất mong anh chị Nhật Tiến, Phương Khanh và ông Giám đốc nhà sách Khai Trí sẽ thành công, đề tờ tuần báo *Thiếu Nhi* này sẽ mãi mãi là món ăn tinh thần của tuổi thơ trong mọi gia đình.

Sách mới

— **Kinh Hiếu** của Phạm Thiên-Thư do Anh em xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 14 trang gồm bản kinh báo hiếu ngót 200 câu lục bát ấn hành nhân dịp Lễ Vu-Lan 1971. Giá 30đ.

— **Quốc văn** (Luận văn và Văn phạm) lớp 6 (chương trình mới) của Nguyễn Tăng Chương do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang, phần Luận văn gồm 7 chương, phần Văn phạm gồm 15 bài, có Phụ bản trả lời câu hỏi và giải bài tập dành riêng cho giáo sư, Giá 135đ

— **Hiện-Đại Nội san số 4** của Nhóm Hiện-Đại Sài Gòn do Nguyễn Phước Cương và Nguyễn Tuấn Anh Chủ trương. Mỗi số khổ 20x26, in ronéo dày trên 20 trang gồm thơ và truyện có phần Văn nghệ và phần Tuổi thơ.

— **Kế toán sơ cấp** của Nguyễn Tài Sỹ do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 96 trang khổ 20x26 gồm 25 sườn bài dành cho khóa kế toán 3 tháng, có kèm theo 30 đề bài tập liên hệ với các bài học trên. Giá 200đ.

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Nguyễn Nhật Ánh (Nửa đêm thức giấc); Khuê Việt Trường (thơ); Trần Quang Thiểu (thơ); Dương Linh (thơ); Fu (thơ); Phương Hoa Sứ (thơ); Võ Vui (thơ); Trần Quang Nghĩa; (Booker T. Washington: Chân dung một nhà giáo); Thương Ca (thơ); Mang Viên Long (Người và heo); Phạm Huy Do Thái (thơ); Nguyễn Lữ Hành (thơ); Nguyễn Sanh Lợi (thơ); Phạm Duy Nghĩa (thơ); Phạm Văn Yêng (Văn đề Tự do báo chí); Trần Uyên Thanh (thơ); Lâm Hào Dũng (thơ).

Trong số tới đây chúng tôi sẽ xin tin đề quý bạn rõ những bài nào đã được Tòa soạn chọn đăng.

Ô. Nguyễn Văn Tạ (H T 92 Đà Lạt)
Tạp chí Bách Khoa nhận bài của

tất cả mọi cây bút và không có điều kiện gì hết. Bản thảo viết một mặt gửi về 160 Phan đình Phùng (quận 3) Sài Gòn cho Tòa-soạn Bách-Khoa.

Ô. Tống Châu Ân và Ô. Huỳnh Kim Sơn. Xin cho biết ngay tên thực và địa-chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Ô. Quang Nhật (Phú nhuận, Gia định). Ô Trần-minh-Tiết ở ngoại quốc, còn B.s. Hoàng Văn Đức xin viết thư về 366 Gia-long Gò-vấp.

Ô. Trần Hoài Thư: Sẽ đăng tất các truyện ngắn của anh gửi về.

Ô. Kinh Dương Vương: Truyện của anh hơi dài và định đăng 1 kỳ nên lúng túng mãi chưa cho đi được. Sẽ thu xếp để đăng vào các số ra tháng 10 tới đây.

Ô. Ô. Tổ Diễm, Lan Sơn Đài, Trần Vạn Giả: Sẽ đăng "Gác miền biên ải", "Thơ mùa Hạ", "Tĩnh cảnh người về".

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB: TÂN-TRÍ

KN 226.5YT